



MỸ-DUNG-LÔ
Hồng - Nguyên

*Làm cho da mặt mịn màng
Tiêu tan các vết nám đen
Cạo râu mụn trên mặt
và rôm sảy cho trẻ em*

Nhà thuốc HỒNG-NGUYỄN
246, đại-lộ Nguyễn-Hoàng
Chợ-lớn

Ở BÀN KHẮP NƠI

K.N.số 242, NGÀY 20-6-63

Công - Ty Bảo - Hiểm
« **LE SECOURS** »

Công-Ty Bảo-Hiểm và Liên-Hiệp Bảo-Hiểm những tai-nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa, trộm cắp và tất cả các rủi ro

Trụ sở chánh :

30-32, đường Laffitte — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông :

16, đại-lộ Nguyễn-Huệ (Charner cũ) Saigon

Điện - Thoại : 20.461

● **Bồi thường mau lẹ**

● **Nghỉ thức giản tiện**

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại — Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiểm.



PHỎ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHẦN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CÔ

Giám-đốc, Chủ-bút : Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn : 233, đường Phạm-Ngũ-Lão, Saigon — Đ.T. 25.861

Ty Quản-lý : 531, Đại-lộ Trần-hưng-Đạo — Saigon

NĂM THỨ VI ★ SỐ 119 ★ 15-1-1964

1.— Chỉ những kẻ phá hoại	Nguyễn-Vỹ	7 — 9
2.— Vụ bắt cóc Eichmann	Bùi-Hộ	10 — 17
3.— Hạn chế sinh sản	Võ-quang-Yến	18 — 23
4.— Tiếng tình yêu (thơ)	Hương-ngọc-Tuyền	24
5.— Truyện thần thoại hy-lạp	Đàm-quang-Thiện	25 — 31
6.— Phiên ca (thơ)	Dương-minh-Loan	32
7.— Ông Năm-bụng (truyện ngắn)	Nguyễn-tăng-Liên	33 — 39
8.— Tiếng nói gái trai thế hệ	Phỏ-Thông	40 — 49
9.— Cảnh hoa bạc phước (thơ)	D. T.	50
10.— Cuộc đời trong tấm kính	Trọng-Tấu	51 — 55
11.— Nhà bác học Pauling	Thiếu-Sơn	56 — 57
12.— Nguyễn (thơ)	Trúc-Linh	58
13.— Thức thêm một giờ nữa	Minh-Đức	59
14.— Tiếng sáo rừng sâu (truyện dịch)	Vũ-minh-Thiều	60 — 70

15.— Thẻ là người (thơ)	Tuệ-Mai	71
16.— Tuấn, chàng trai nước Việt	Nguyễn-Vỹ	72 — 77
17.— Những bí mật trong thế chiến	Thiếu-Sơn	78 — 84
18.— Than vãn (thơ)	Đạm-Vân	85
19.— Bức thư Saigon	Minh-Đức	86 — 89
20.— Minh ơi !	Diệu-Huyền	90 — 95
21.— Cuộc chiến đấu (thơ)	Trần-tuấn-Kiệt	96
22.— Lễ truy điệu Nhất Linh.	Nguyễn-Minh	97 — 99
23.— Giáo hội Phật giáo V.N. thống nhất	P.T.	100 — 106
24.— Tem thư quốc tế	Trương-văn-Đông	107 — 110
25.— Sách báo mới	Phò-Thông	111
26.— Người tù 69	Nguyễn-Vỹ	112 — 119
27.— Thư bạn đọc	P.T.	120 — 130
• Tranh vẽ	Ngọc-Dũng	



- * Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chi quốc-tế).
- * Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- * Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- * Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- * Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays. Copyright by PHỒ-THÔNG, printed in Việt-Nam.

Tổng-Phát-hành PHỒ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu
 • Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique

• Our general agent in Europa & Africa
LONG-HIỆP

13, Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS Vè
 (vente — abonnements — Publicité)

chỉ những KẺ PHÁ - HOẠI và Phán Cách-Mạng mới gây ra chuyện

KỶ THỊ TÔN - GIÁO



XÃ - THUYẾT

MỘT vài biến cố đã xảy ra trong tháng vừa qua ở một vài thôn, quận, giữa một số tín-đồ Thiên-chúa-giáo và một số dân chúng, đã gây ra sự hiểu lầm đáng tiếc mà bản phận của tất cả đồng bào, bất luận theo tôn giáo nào, là phải dàn-xếp, và thông cảm, để chấm dứt ngay. Xét rõ hồ sơ các vụ xô xát trên kia, chúng ta thấy rằng, đây chỉ là những hành động cá nhân, hoặc tập thể ở một địa phương, trả thù lại một vài kẻ tay sai tàn ác của gia đình họ Ngô đã ý quyền dựa thế bóc lột và hiếp đáp đồng bào dưới chế độ cũ.

Khắp cả nước, chỉ có một vài nơi đã xảy ra các vụ đáng tiếc như thế thôi, chứ tình hình đoàn kết tổng-quát giữa Thiên-chúa-giáo và Phật-giáo không hề bị sút mẻ.

Đây là một khía cạnh nhỏ của vấn đề văn-hóa, xã hội, không liên quan đến chính trị, và không có ảnh hưởng đến chính sách chung của chế độ cách mạng dân chủ.

Chính quyền Quân nhân Cách-mạng, trong phạm-vi của Bộ Nội-Vụ, đã tuyên bố đúng lúc những biện-pháp cứng rắn để trừng phạt những kẻ phá hoại, phản cách mạng, làm hại đến an-ninh quốc gia.

Một lần nữa nữa, chúng tôi thiết tha kêu gọi tình đoàn-kết và sự tôn-trọng kỷ-luật của toàn thể đồng-bào, và tín-ngưỡng của mỗi công dân.

Nếu ở các địa-phương, có những kẻ nào đã quá lạm hành, và đã hối-mại quyền thế dưới thời Ngô-đình-Diệm, gây ra những tai hại về tinh thần và vật chất của nhân dân, thì đồng bào có quyền tố cáo lên nhà cầm quyền cách-mạng, và gửi thư đến Hội-đồng Nhân-sĩ, chắc chắn sẽ có cuộc điều tra công bằng và nếu những kẻ ấy quả có phạm tội ác thì chắc chắn sẽ có sự thanh trừng xứng đáng.

Đồng thời, chúng tôi cũng biết rằng các nhà cầm quyền địa phương rất chú ý đến những kẻ phản động bất cứ dưới màu sắc nào, hoặc ở địa vị nào, đã tuyên truyền lén lút chống lại chế độ cách-mạng, bên vực chế-độ Ngô-đình-Diệm hoặc gia đình họ Ngô. Chính những kẻ đó gây ra mầm chia rẽ và oán thù trong nhân dân.

Một thí dụ nhỏ : Chúng tôi có nhận được một số thư của học sinh và phụ huynh học sinh một tư thực ở Qui-nhơn, tố cáo một vị tu sĩ giáo sư của nhà trường. Chúng tôi không cần nói ra đây danh tánh của vị « Frère » ấy, nhưng chúng tôi có nhiều tài liệu ghi chép tại chỗ những lời nói của ông đả-kích Cách mạng, cấm học sinh tham gia biểu tình hoan hô Cách mạng thành công, cấm học sinh gởi tặng phẩm đến chiến sĩ Cách-mạng, tuyên truyền khiêu khích Phật giáo, chửi lý thuyết nhà Phật, và công khai bên-vực chánh sách độc-tài tàn-bạo của ngô-đình-diệm, ngô-đình-nhu.

Hậu-quả rõ-rệt của thái độ và hành động của vị Frère ấy, là gây trong đầu óc một thiểu số học sinh của trường ông những tư tưởng chống chế-độ của Hội-đồng Quân-nhân Cách-mạng, và nguy hại nhất, là gây mầm kỳ thị tôn giáo mà ngày nay Hội-đồng Cách-mạng và toàn thể nhân dân đang ngăn ngừa.

Chúng tôi tha thiết kêu gọi lòng hỷ xả của một số Phật tử nạn nhân của chế độ đàn áp tiền-cách-mạng, và triệt để không nên nghĩ chuyện thù oán cá nhân. Các bạn nên nêu cao gương từ bi của đức Phật, và đề cho pháp-luật xét xử thủ phạm nếu quả thật có thủ phạm nhúng tay trong các cuộc đàn áp ấy. Và chính quyền cần phải sáng suốt, vô tư, trong mọi trường hợp xảy ra, đề cho đồng bào được thông cảm lẫn nhau, và có thể tha thứ lẫn nhau.

Trừ những kẻ cố ý phá hoại, — họ có thể là cán-hộ trung thành còn sót lại của Mặt-vụ họ Ngô, hoặc là tay sai của Cộng-sản trá hình len lỏi trong các cơ sở, ngoài ra chúng tôi tin rằng không có người Thiên-chúa-giáo nào thù ghét Phật-giáo-đồ, hoặc trái lại, không có người Phật-tử nào thù oán đồng bào Thiên-chúa-giáo.

Cho nên chúng tôi quả quyết rằng **không có vấn đề kỳ thị tôn giáo** từ sau ngày Cách-mạng thành công. Chỉ có :

- Một vài cuộc trả thù cá nhân ở một vài địa phương trước kia đã có những kẻ đàn áp Phật-giáo và nay còn ở ngoài vòng Pháp-luật.

- Một vài hành-động và ngôn ngữ của một vài tu-sĩ, Linh-mục phản động, bất tuân theo kỷ luật của Giáo-đường.

- Một vài cơ quan ngôn-luận vô-ý-thức đã phóng đại hoặc xuyên tạc các chuyện xô-xát xảy ra ở một vài địa điểm, do lòng cộng phần của công chúng.

Phái đoàn các vị Sư và Linh-mục đi Bình-Tuy vừa rồi và đã dàn xếp ổn thỏa mọi việc, chứng tỏ hùng hồn sự đoàn kết cao quý và hữu hiệu của hai tôn-giáo bạn.

Chúng ta thành tâm cầu nguyện các đấng Thiêng-Liêng đừng để xảy ra việc gì xúc phạm đến tự do tín-ngưỡng của dân ta.

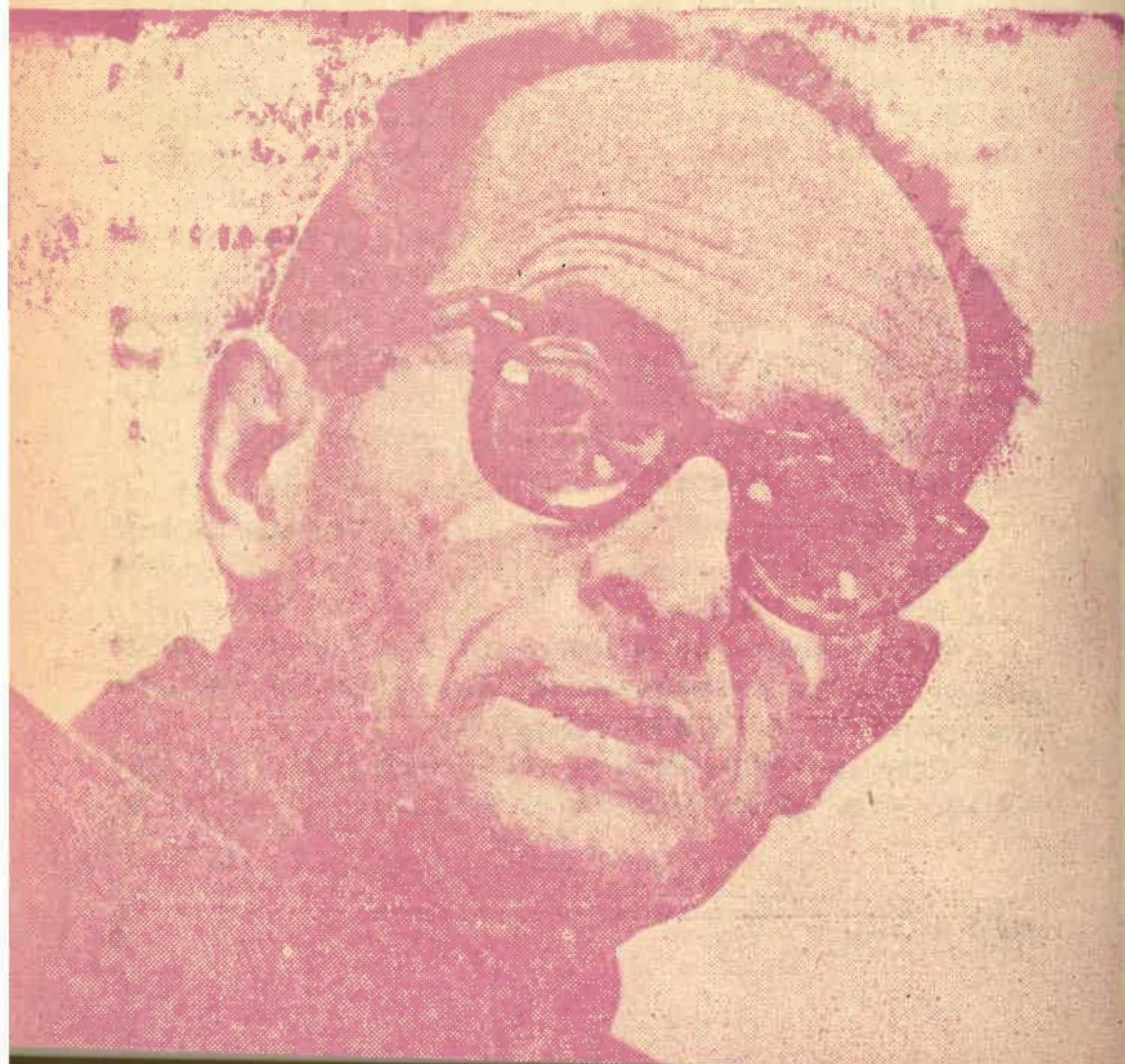
N. V.

vụ bắt cóc

EICHMANN

« mật - vụ » của độc tài Hitler, đã
thủ-tiêu 6.000.000 người Do - Thái

* Bùi-Hộ



NGUỜI đàn ông cao lớn, tai to, trán rộng, thông thả bước xuống xe ô-tô-buýt, rồi lần theo con đường phố vắng vẻ, tờ mờ trong bóng hoàng hôn. Ông ta từ xưởng làm đi về, phía nhà trọ. Bề ngoài, ông có vẻ bình tĩnh, một công nhân như muôn nghìn công nhân khác của thành phố Buenos Aires này, sau một ngày làm lụng vất vả, đang lững thững đi bách bộ về nhà. Nhưng trong lòng, ông đang bàng hoàng, nơm nớp lo sợ, lúc nào cũng đề phòng một sự bất trắc có thể xảy ra. Và như thế đã 15 năm rồi.

Mặc dù chung quanh ông, không có gì đáng làm ông lo ngại. Cũng vẫn con đường phố quen thuộc, cũng những quang cảnh thường ngày. Ở cuối phố, một em bé đang nô đùa trên chiếc ghế ; cách 15 thước nơi ông đi, hai bà nội trợ trò chuyện thân mật. Xa hơn, 2 công nhân miệng đang ngậm điều thuốc lá phì phà. Một chiếc xe du lịch có mui, màu đen, từ xa tiến dần về phía người tai to... Rồi bỗng thình lình dừng lại, những cánh cửa xe mở tung và 4 người nhảy vội ra. Người tai to muốn chạy trốn, nhưng chậm quá rồi, ông bị 4 kẻ lạ mặt bao vây.

Guten. Abend. Herr Obersturmbannführer !

Nghe mây lời trên, người tai to định mở miệng kêu cứu, nhưng một vật cứng đã giáng xuống gáy ông và ông ta ngã quỵ. Bốn người lạ mặt diu ông vào xe và tài xế cho xe chạy lại.

Cuộc săn người đã kết thúc. Adolf Eichmann, xưa kia thường khoe khoang đã giết được nhiều người Do Thái, nay vừa bị 4 người lạ mặt bắt cóc, 4 người lạ mặt đã theo dõi ông suốt 15 năm trời.

Trong trận thề chiến thứ hai, Eichmann chỉ huy sở Công an Đức-quốc-xã, giữ trọng trách tìm một « giải-pháp dứt khoát » cho vấn đề Do-Thái. Chính ông, một phần lớn, phải chịu trách nhiệm về những trại tập trung, những phòng hơi độc, những hỏa lò, và chính ông đã tổ chức những vụ lưu đày hoặc hành quyết không lồ. Vì ông mà 6 triệu nhân mạng, vừa đàn ông, đàn bà, người già, trẻ nhỏ đã bị tiêu diệt.

— Khi tôi hoàn-thành công-tác thì sẽ không còn bóng dáng một người Do-Thái ở Âu-Châu.

Ông đã hứa như trên với Himmler, cánh tay mặt của Hitler.

Tháng 5 năm 1945, quân đội Huê-Kỳ đã vô tình bắt được Eichmann mà không biết. Ông đang mặc bộ quân-phục rách rưới lột được của một sĩ quan Đức tử trận và mạo dụng giấy tờ hộ-tịch của người lính bạc phước nầy. Đối với người Mỹ lúc bấy giờ thì Eichmann là một tên tù binh tầm thường, chỉ cần giam giữ sau hàng rào dây kẽm gai. Eichmann đã vượt ngục và trốn mất.

Sau ngày đồng minh thắng trận, tên ông đứng đầu danh sách tội nhân chiến tranh và được tất cả các nước đồng minh ra lệnh truy tầm. Sở mật vụ Anh, Pháp, Huê-Kỳ và phần đông các quốc gia chống Đức quốc-xã, đã huy động toàn lực để tìm nã cho ra tên « sát nhân số zách » nầy. Nhưng lâu ngày, tìm tòi vô hiệu quả, rồi họ cũng lãng quên Eichmann.

Trái lại, một đôi người vẫn nhớ đến ông.

Từ tháng 6 năm 1945, những người Do-Thái tị nạn, nhất là những người đã tới Palestine, họ ra công tìm kiếm. Một số đông nhân-viên mật-vụ đi khắp năm Châu, bốn biển và những tin tức họ thu lượm được tập trung về văn-phòng trung-ương đặt tại

Tel Aviv (thủ đô nước Do Thái).

Người ta tìm được đôi dấu vết. Adolf Eichmann trưởng thành ở Linz thuộc Áo-quốc. Vợ con ông còn sống ở đây. Lập tức một nhân-viên mật vụ được phái đến. Anh ta mua một cửa hiệu gần nhà và ở đây đề canh chừng. Về sau, vợ Eichmann dọn đi nơi khác, nhưng nhân viên trên vẫn còn ở đây để hy vọng bắt gặp Eichmann trở về.

Nhiều lần người ta được tin Eichmann có mặt ở Tây Đức, Si-ri, Ai-cập, Thổ nhĩ Kỳ, Tây-ban-Nha. Mỗi lần đều có nhân viên đến nơi theo dõi. Một hôm, vào năm 1957, người ta thấy Eichmann ở Buenos Aires (thủ đô A-căn-Đinh, Nam-Mỹ), nhưng ông ta đã đánh lạc được kẻ theo dõi. Hai mươi nhân viên được phái ngay đến thành phố nầy và trong 3 tháng, họ ra công tìm kiếm khắp hang cùng ngõ hẻm trong thành phố mà không ra dấu tích gì của Eichmann.

Năm 1958, chính phủ Tây Đức thành lập ở Ludwigs-burg một cơ-quan trung-ương diệt trừ Đức-quốc-Xã. Cơ quan được điều khiển bởi bác-

sĩ Schüle và 8 vị quan tòa có phận sự tập trung những bằng chứng buộc tội các cựu tội-nhân chiến-tranh chưa được xét xử. Chính phủ Tây Đức thỏa thuận với xứ Do Thái rằng hai bên cùng trao đổi tài liệu, tin tức.

Năm 1959, một số người Do-Thái được lựa chọn kỹ càng, được phái đến Tây Đức. Phần đông trong số ấy sinh quán tại Hung-gia-Lợi. Điều ấy không có gì lạ vì chính ở Hung-gia-Lợi, ngày xưa, Eichmann đã thi hành 1 phần cái chương trình khủng khiếp của mình: ông đã đưa 450.000 người Do Thái xứ Hung vào phòng hơi ngạt và hỏa lò (four crématoire). Trong số các nhân viên Hung-gia-Lợi nói trên (gốc Do Thái), có một người mang bí danh « Sandor Fekete ». Cha, mẹ, các anh chị của anh ta đều bị hạ sát. Anh đã nguyện báo-cửu bằng cách bắt Eichmann đưa ra tòa. Đã nhiều năm rồi, anh nhận nhiệm vụ trong 1 ban điều tra về Eichmann.

Trong thời gian lưu trú tại Đức, những người Do-Thái ấy được biết chắc chắn rằng Eichmann còn ở Buenos Aires.

Họ quyết định tận lực điều tra.

Sandos Fekete và một người Do Thái Hung-gia-Lợi khác mang bí danh Lajos Molnar, cùng với 4 người đàn ông nữa, thêm một người đàn bà, được phái đến A-căn-Đinh. Họ đi riêng rẽ với tư-cách khách du lịch hoặc thương nhân — Molnar, lúc bấy giờ 55 tuổi, đã gặp Eichmann nhiều lần tại Budapest vào năm 1944. Fekete và Molnar giả dạng làm đảng viên Đức Quốc-xã Hung-gia-Lợi — khi Hồng quân tiến vào đất Hung, họ phải xuất ngoại đến tị nạn tại A-căn-Đinh (tại xứ nầy có rất đông cựu đảng viên Đức-quốc-Xã đang lánh nạn). Hai người Hung trên trà trộn vào giới cựu đảng viên Đức-quốc-Xã — Chẳng bao lâu hai người được các đảng viên khác tin nhiệm, nhưng trong lúc chuyện trò thân mật, các đảng viên kia chỉ khoe khoang những cựu chiến công oanh liệt của mình, tuyệt nhiên không ai đã động đến tên Eichmann.

Nhiều tháng trôi qua. Thê rồi vào tháng giêng 1960, trong 1 buổi hội họp, một đảng viên đã thốt ra câu sau

này mà Molnar nghe lóng được :

—Tội nghiệp cho Eichmann, một cựu lãnh tụ cao cấp mà bây giờ phải ra thân đi làm đồ phụ tùng ô-tô để độ nhật.

Thế là tất cả các nhân viên mật vụ chăm chú vào các xưởng ô-tô, quan sát thường xuyên sự ra vào của thợ thuyền. Một hôm, từ xưởng Mercedes — Benz ở Buenos Aires, người ta thấy đi ra một người cao gầy, má lồm, tai to. Nhân viên liền theo dõi, ông ta lên xe ô-tô-buýt về đến 1 khu vực khác cùng thành phố. Nhân viên kia không dám theo dõi nữa, nhưng như thế cũng tạm đủ vì ngày hôm sau họ lại có thể tiếp tục công tác.

Ở Do-Thái, cơ quan trung ương được báo cáo ngay bằng mật điện. Fekete và đồng bọn được hỏi âm sẽ có sự « tăng cường ». Độ 20 người nữa sẽ được phái tới Buenos Aires.

Các nhân viên còn nhiều công việc phải làm. Trước hết, phải minh chứng rằng người tai to kia chính là Eichmann.

Người ta theo dõi kẻ bị

tình nghi cho đến chỗ nhà trọ của ông ta. Một cuộc điều tra bí mật cho biết ông ta mang tên Ricardo Clement.

Người ta đưa những bức ảnh của vợ Eichmann chụp lúc bà ta ở Áo cho những người nhà lân cận xem.

«—Cố, chúng tôi nhận được bà này. Ấy là bà Clement».

Vì nhận tiền đứt lót, một nhân viên cảnh sát A-căn-đinh (thời cựu chính phủ Péron) xác nhận :

— Clement chính là Eichmann.

Ở nước Do-Thái, các nhân vật cao cấp trong chính phủ, quân đội và ban mật vụ cùng nhau tranh luận ráo riết. Một phái chủ trương hạ sát Eichmann ngay tại trận vì những tội trạng tày trời của ông này cũng đáng xử như thế. Nhưng đa số chủ trương phải đưa ông ta về Do-Thái để tòa án xét xử đúng theo luật pháp. Ai cũng đồng ý rằng : bắt Eichmann và mang ra khỏi A-căn-đinh theo đường lối hợp pháp thì không thể làm được vì giữa 2 chính phủ chưa có một thỏa ước nào về trường hợp các cựu tội nhân chiến tranh —

Kết luận : phải bắt cóc và mang Eichmann đi bằng những cách bắt hợp pháp.

Nhưng phải làm sao đây ? Vô tình, người A-căn-đinh đã tìm giúp giải pháp. Vì muốn thu hút một số đông du khách ngoại quốc đến thăm A-căn-đinh trong dịp quốc khánh, tổ chức vào tháng 5 mỗi năm, chính phủ tuyên bố sẽ giảm đi hóa đến mức tối thiểu những thủ tục xét hỏi giấy tờ cho các máy bay hạ cánh xuống quốc gia mình. Thế là chính phủ Do-Thái quyết định cho bắt cóc Eichmann tạm đầu ông ta một nơi nào đó cho đến ngày một máy bay thương mại Do Thái hạ cánh xuống Buenos Aires. Một sĩ quan « cứng » được phái ngay đến thủ đô này.

Ricardo Clement tức Adolf Eichmann đã có những thói quen, ngày nào cũng lên 1 chiếc ô-tô buýt đó, cũng xuống 1 chỗ nhất định, cũng đi một mình về nhà trọ.

Sandor Fekete cùng 3 người Do Thái được chỉ định phụ trách việc bắt cóc. Những người khác phụ trách canh gác hoặc lái nhiều ô-tô xe-cua trong trường hợp ô-tô đầu bị trục trặc hoặc làm cản trở sự lưu

thông trong trường hợp bị cảnh sát A-căn-đinh rượt đuổi. Người khác phụ trách tìm 1 căn nhà, một nông trại tại Buenos Aires để nhốt Eichmann cho tới ngày lên máy bay.

Vụ bắt cóc được định vào ngày 11 tháng 5 — máy bay sẽ đến trong vài ngày sau.

Các người Do-Thái gặp nhiều may mắn. Ngày 11-5, trời đầy mây, sắp mưa, không ai ra đường.

Vào buổi chiều, trời tạnh, mọi công việc đã sẵn sàng. Xưởng Mercedes-Benz sắp đánh kiềng bãi. Một đoàn thợ thuyền đông đúc ra công, trong có Eichmann. Ông bước lên ô-tô-buýt. Một nhân viên Do-Thái, ăn mặc theo lối thợ thuyền bước theo ông lên xe, một thiếu phụ xinh đẹp, có vẻ một bà vợ đến đón chồng, đi lại một phòng điện thoại kẻ cận :

— Nó đã lên đường, nàng nói. Rồi đặt ông nghe xuống.

Hai xe du lịch đuổi theo xe ô-tô-buýt, đi cách xa một tí để khỏi nghi ngờ mọi việc đã xảy ra như tiên liệu. Ricardo Clement xuống xe chỗ thường nhật. Xe du lịch đỗ gần ông ta. Bốn người nhảy ra

khỏi xe, bao phủ lấy con mồi của mình. Một người dùng chùy đập vào đầu Eichmann. Khi hồi tỉnh lại, ông thấy mình đang nằm ở một nông trại giữa 12 người nhân viên Do-Thái.

Adolf Eichmann có thay đổi phần nào về thể xác, nhưng vẫn giữ cái bản chất cũ của con người hèn nhát.

— Xin đừng giết tôi, tôi van lạy các ông, xin đừng giết tôi.

Mấy người Do Thái đã sẵn có ý không giết ông, nhưng họ vẫn làm thính. Bổng Sandor Fekete nảy ra một ý kiến :

— Ông chỉ còn một cách để sống, anh ta nói. Ông viết một bức thư tự nguyện đi theo chúng tôi. Chúng tôi mang ông về Do-Thái, đưa ông ra tòa như một tội nhân chiến tranh.

Eichmann viết thư ấy.

Trong những ngày sau đây, ông tự ý xin viết những bức thư khác, tỏ giác những tội nhân khác còn lưu-vong. Ông đề nghị bằng lòng phần bội một số đồng-chí cũ, bạn bè xưa, tất cả những gì mà

người ta muốn. Mỗi lời ông nói được ghi bằng máy ký âm và tốc ký.

Ngày 19 tháng 5 năm 1960, một máy bay Do Thái hạ cánh xuống Buenos Aires lấy có đón đưa du khách - Lễ quốc khánh xứ Á-Căn-Đinh bắt đầu.

Vào nửa đêm hôm sau, máy bay cất cánh với đầy đủ nhiên liệu và một bản « manifeste » ghi 19 nhân-viên phi-hành. Ở phi trường không ai xét hỏi căn cước họ.

Ngày 23 tháng 5 năm 1960, Adolf Eichmann bị truy tố ra tòa án Do-Thái tại Tel Aviv về tội đã giết 6 triệu đàn ông, đàn bà, trẻ con Do Thái. Cuộc xét xử bắt đầu vào cuối năm 1960 và kéo dài suốt năm 1961.

A. Eichmann tự bào chữa : « Befehl ist Befehl (mệnh lệnh là mệnh lệnh), câu châm ngôn của người quân nhân Đức. Ông đã thi hành lệnh thượng cấp của ông và vì lẽ đó, không chịu trách nhiệm về những vụ

giết người.

Cái lời tự bào chữa ấy cũng đã được nhiều người dùng trước ông :

Hans Frank, Willhem Frick, tướng Alfred Jodl, viên giám đốc Gestapo Ernst Kaltenbrunner, thông chế Wilhelm Keitel, Alfred Rosenberg, Fritz Saukel, Arthur Seyss-Inquart, Julius Streicher và ngoại trưởng Đức Von Rib-

bentrop trong lúc họ bị đưa ra tòa án quốc-tê xử tội nhân chiến tranh, họp ở Nuremberg năm 1946.

Cái lời tự bào chữa ấy tỏ ra vô hiệu quả. Là tội nhân chiến-tranh họ đều bị treo cổ.

Tin cuối cùng. Eichmann đã bị kết án tử hình. Án lệnh được thi hành xong.

(Tài-liệu của Von Block)



* TAO TẬP CHO MÀY KHỎI NHÁT GAN

Hai cha con đi xem đá bóng. Con ngồi trước, cha ngồi sau ở hạng « cá-kèo ».

Bỗng một quả bóng từ dưới sân vọt bay lên chỗ hai cha con ngồi. Cậu con nhanh mắt, lách đầu lẹ làng tránh được lạng banh đi lạc ấy. Ông bố ngồi phía sau bị quả bóng đập vào mặt, tóa-họa tam-tính.

Ông già cúi lên, dấng cho cậu con một bạt tay chóa lửa và hét vang :

— Mày khiếp nhược quá ! Bạt tay đó răn mày bỏ tính nhất gan, tại sao không đưa tay ra đỡ lấy.

Người ngồi chung quanh thấy thế cười rồ. Một ông say cười quá-lọt tùm xuống giàng.

HẠN - CHẾ SINH SẢN



VẤN đề sinh con trai hay con gái là chuyện quan trọng trong nhiều gia đình, vấn đề hạn chế sinh sản lại còn đáng được giải quyết gấp, không những cho cá nhân con người, cho gia đình mà nhiều khi cho cả tổ quốc, nhân loại. Vì vậy, nhiều phương pháp hoặc dựa lên cơ chế của cuộc rụng trứng, hoặc lấy tác dụng của nhiều hóa chất làm căn bản mà ra đời. Nhưng đến nay tuy về mặt lý thuyết rất có thể thụ thai theo ý muốn, bên phía thực hành các nhà chuyên môn đang thú nhận phải khảo cứu thêm.

● Phương pháp cổ điển

Trước khi bàn đến những hóa chất đã được bàn cãi nhiều ở

cuộc Hội đàm hai ngày 10 và 11-11 vừa qua tại Viện đại học Y-khoa Paris, và đề một bên các phương sách cơ học cùng các loại thuốc xức ở ngoài, tưởng cũng nên nhắc lại sơ qua những phương pháp đã được học hỏi từ lâu.

Trước tiên là cuộc khám phá về ngày rụng trứng của bác-sĩ mô xê Ogino, người Nhật, và nhà sinh vật học Knauss, người Đức. Ogino quan sát buồng trứng và Knauss xem xét tác dụng các kích thích tố lên màng tử cung, tìm ra được 14 ngày trước mỗi kỳ kinh nguyệt (ít nhất cũng 12 ngày và không bao

giờ quá 16 ngày), trong buồng trứng của người đàn bà, một cái trứng đến độ thành tựu, rời hẳn buồng trứng và dần dần tiến về tử cung. Trứng gặp tinh trùng có thể thụ thai. Muốn không có con chỉ việc tránh giao cấu những ngày xung quanh kỳ rụng trứng. Nói về lý thuyết thật là dễ dàng nhưng biết bao người đã thất vọng về phương cách hạn chế sinh sản này. Yếu điểm của phương pháp là kinh nguyệt của người đàn bà lắm lúc không đều hòa nên không biết dựa vào đâu để tính ngày rụng trứng. Có khi kinh nguyệt thường đều hòa nhưng vì một thay đổi gì trong đời sống: bệnh hoạn, đi lại, khí hậu, nằm nơi, sảy thai, cho con bú, bị tắt sữa,... trứng rụng chậm lại và không dễ người đàn bà thụ thai ngoài ngày đã tính trước!

Đề bổ khuyết phương pháp này, dựa trên công tác khảo cứu của các nhà bác học Van de Velde (Hòa-lan), Rubenstein, Zuck (Đức), Fruhinsholtz và nhất là Palmer (Pháp), phương pháp thụ thai theo nhiệt độ ra đời. Người ta biết khi trứng rụng ra khỏi buồng trứng thì nhường chỗ lại cho một vật thể vàng. Vật thể vàng này tiết ra những kích thích tố theo máu chạy lại

đóng lên màng tử cung và làm cho màng càng ngày càng dày thêm. Nếu trứng gặp tinh trùng, thụ thai thì những kích thích tố nói trên lo sắp đặt soạn sửa vật liệu để nuôi trứng lúc ban đầu. Nếu trứng không thụ thai thì vật thể vàng không tiết kích thích tố nữa, màng tử cung xẹp xuống và tách ra khỏi tử cung: từ vết thương máu chảy và sinh ra kinh nguyệt. Người ta đề ý khi vật thể vàng tiết ra những kích thích tố thì nhiệt độ của người đàn bà tăng lên 3-4 độ và giữ ở mức này cho đến kỳ kinh nguyệt. Nhờ vậy, nếu đo nhiệt độ hằng ngày thì người đàn bà có thể biết được ngày nào kích thích tố được tiết ra, tức là ngày nào trứng đã rụng. Phương pháp này rất chắc chắn, chỉ phiền có một điều: là mỗi buổi sáng, trước khi ra khỏi giường, người đàn bà phải chịu khó đo nhiệt độ mình.

Cách đây không lâu còn thấy hiện ra trên thị trường nhiều nước một loại giấy hồng của bác sĩ J. B. Doyle người Mỹ, đặt vào cơ quan của người đàn bà, nếu giấy trở nên xanh thì là người đàn bà đang ở vào thời kỳ phi noãn, nên tránh giao cấu nếu không muốn có con. Nguyên tắc phương

pháp này là trong thời kỳ trứng rụng, buồng trứng tiết ra chất đường glucô. Giấy có hóa chất oxy hóa tác dụng lên glucô để biến thành acit gluconic. Trong phản ứng, một sản phẩm phụ là peroxyt hytri (H_2O_2) phát ra thay đổi màu giấy. Phương pháp dùng giấy này là một bộ túc đầy đủ cho phương pháp nhiệt độ, nhưng cũng như phương pháp trước cần phải chịu khó đo hằng ngày và không nên quên mua giấy!

● Ngăn cản trứng rụng

Vì vậy người đàn bà, nhất là ở Âu-Mỹ, trông mong vào một khí giới lý tưởng, một phương pháp mẫu nhiệm, không mất công mà vô cùng hiệu nghiệm. Khí giới lý tưởng ấy, giới phụ nữ nhiều nước tưởng đã đạt được với các viên thuốc chống thụ thai do nhà sinh vật học Pincus, người Mỹ, tìm ra. Theo tạp chí New Scientist, hiện nay hơn 500.000 đàn bà Hoa-kỳ và 50.000 phụ nữ Anh dùng các viên thuốc này. Trên thị trường Mỹ có 10 hiệu đã và sẽ được tung ra. Ở Pháp, tuy thuốc chưa được đem bán, như tưởng phái phụ nữ cũng rất ước mong được dùng. Cơ

chế viên thuốc chống thụ thai này ra sao?

Người ta biết kinh nguyệt của người đàn bà do hai kích thích tố điều khiển là oestrogen và progesteron. Từ lâu hai kích thích tố này đã được thức biệt nhưng vì bị vị toan phá hủy nên không thể đem dùng trong môn trị liệu được. Ngày nay nhân nhờ tổng hợp được những hóa chất có tính chất tương tự nên người ta bắt đầu khảo sát tác dụng của những hóa chất nhân tạo ấy lên cơ chế thụ thai. Trước tiên người ta dùng để chữa những chứng nữ khoa như kinh nguyệt đau đớn, phòng ngừa sảy thai... Công tác khảo cứu của Pincus chứng minh nếu cho thuốc vào cơ thể lúc ban đầu mỗi kỳ kinh nguyệt thì thuốc sẽ cản trở sự thành tựu trứng. Trứng không thành tựu thì không rụng. Trứng không rụng thì không thể thụ thai. Thật là một khí giới lý tưởng và như tưởng nếu biết điều trị, phương pháp dùng thuốc viên này hiệu nghiệm đến 100%.

Nhưng mỗi cái huy chương đều có mặt trái của nó. Trước tiên là những hiệu ứng tức thì khó chịu: buồn nôn, ợ mửa, vú đau, lên cân như những

triệu chứng của người mới có mang! Có khi còn bị thác loạn ruột tràng và máu chảy không ngớt, làm người đàn bà vô cùng hoảng sợ. Gần 40% phụ nữ đã dùng một lần rồi vì hiệu ứng này mà bỏ rơi phương pháp. Ngoài ra đáng sợ hơn là những hiệu ứng lâu dài. Vì thuốc mới ra nên người ta chưa biết những kết quả sau nhiều năm nhiều tháng. Tuy nhiên các bác sĩ đã đặt câu hỏi thuốc có thể hay không làm rối loạn thể thăng bằng nội tiết vì làm tiết bỏ một hiện tượng thiên nhiên là sự phỉ noãn. Nhiều nhà chuyên môn tin có thể dùng thuốc luôn từ 2 đến 4 năm, còn các bác sĩ Pháp thì đều đồng ý không nên cho uống luôn liên tiếp từ 3 - 4 tháng. Một chi tiết khác còn được nêu ra: khi cho dùng dùng thuốc, lúc thì cơ thể lại càng dễ thụ thai hơn trước. Thật vậy, buồng trứng tạm thời dừng nghỉ khi lại hoạt động thì vô cùng mãnh liệt. Ngoài ra cũng nên bàn đến một nguy hiểm khác, người đàn bà có thể lạm uống thuốc vào lúc thai đã thụ; thuốc có thể tác dụng lên thai nhi và khó lòng biết trước được kết quả. Vì vậy, tuy bảo là khí giới lý tưởng, việc dùng hóa chất này đang còn bị giới hạn.

● Tiêu diệt tinh trùng

Một nhà sinh vật học người nước Israel, bác sĩ Shelesnyak, khảo cứu một phương pháp chống thụ thai khác; giá chỉ ngừng cản trứng rụng như Pincus, ông kiếm cách không cho trứng đóng vào tử cung. Ông dùng một hóa chất là ergocornin có nhiệm vụ phá hoại sự sản xuất histamin và các chất steroid khác cần thiết cho sự cố thọ trứng. Trước tiên thí nghiệm lên chuột cái kết quả thật mỹ mãn. Sau đấy ông lại đã thử lên 10 người đàn bà tình nguyện luôn trong 6 tháng, cho uống thuốc từ 1 đến 10 ngày sau mỗi kỳ trứng rụng. Kết quả hoàn toàn khả quan như khi thử trên chuột. Bây giờ chỉ còn đem thử rộng ra để chứng minh thuốc không có tác dụng gì nguy hiểm và vô hại cho cơ thể. Bác sĩ Shelesnyak cho còn phải đợi 2-3 năm nữa mới có thể đem ra bán.

Đến đây, ta chỉ thấy toàn là những phương pháp đã động đến kích thích tố của người đàn bà. Một nữ bác sĩ Nga, ở Hội nghị quốc tế lần thứ 3 về tổ chức gia đình nhóm ở Tân-gia-ba, đã tuyên bố chúng ta không có quyền đụng chạm đến chu trình điều hòa về kích thích tố

mà thiên nhiên đã ban phú cho ta. Bà cũng cho biết bên Liên-sô hiện đã có khảo cứu về những phương pháp chống thụ thai ngoài hẳn kích thích tố, nhưng không chỉ rõ thuốc dùng bên phía đàn ông hay đàn bà.

Người ta biết có nhiều hóa chất có tính chất ngăn cản tinh trùng hoạt động nhưng đem thí nghiệm đến nay chưa có một chất nào đưa lại hoàn toàn kết quả mong muốn. Một điều cản trở lớn lao là thuốc phải uống vào 5 tuần trước mới có hiệu nghiệm vì tiểu bào cần thời gian ấy để trút hết tinh dịch! Ngoài ra, cũng như các loại thuốc khác người ta không biết dùng lâu có nguy hại gì. Nhiều nhà khảo cứu nghĩ phương pháp Nga có lẽ nằm trong địa hạt tính chất bất khả xâm phạm của cơ thể. Thật vậy, từ 1900, những nhà bác học Lausteiner, Metchnikof và Metalnikof đã chứng minh tiêm tinh dịch vào cơ thể thú vật thì phản chất được cấu tạo ra chạy lại đánh phá tinh dịch. 20 năm sau, người ta đặt ra câu hỏi phải chăng những phản chất này đã làm cho lắm bà mẹ thành hiếm hoi? Đến lượt các nhà khảo cứu Mỹ chứng minh những phản chất làm dính liền các tinh trùng ở trong máu lại với nhau (12% nơi các đàn bà sinh đẻ nhiều

và 79% nơi các đàn bà hiếm hoi). Từ năm 1957, nhiều nhà chuyên môn đã đưa ra một loại thuốc chích diệt tinh trùng, tiêm vào người đàn bà thì hết thụ thai. Ở Hội nghị Tân-gia-ba thì lại có nghe nói đến một loại thuốc khác cho đàn ông uống nhưng không thấy công thức cùng những kết quả.

★ Bảo vệ phụ nữ

Nói tóm lại chưa có một phương pháp nào chắc chắn 100% và bảo đảm không nguy hiểm cho cơ thể. Bác sĩ Christopher Tietze, người Mỹ, đã trình bày ở Hội-dàm Paris bản thống kê thực hiện tại New-York, từ 1944 đến 1961, về phân suất các «rủi ro» trong số những người đã dùng những phương pháp chống thụ thai sau đây:

Dùng thuốc tiêm	40,8%
Kiên cử theo chu kỳ	38,5
Dùng thuốc xức	29,3
Ngừng đúng lúc	16,8
Dùng màng chắn	14,4
Dùng «áo tời»	13,8

như vậy nghĩa là phương pháp sau cùng tương đối đem lại kết quả tốt nhất.

Hội dàm Paris với đề tài: «Những nguy hiểm, những bất tiện và những yếu tố thất bại của các phương pháp» chứng tỏ khoa học đang chăm chú đến vấn đề. Đứng hẳn ra ngoài mặt kinh tế với những vấn đề nhân mãn, nạn đói, phương pháp hạn chế sinh sản hiệu nghiệm sẽ có ích lợi biết bao cho cá nhân con người, đặc biệt cho phái phụ nữ. Từ chỗ tránh được sự suy nhược sinh lý và sự tàn-tật tinh thần vì sinh đẻ quá nhiều, trong

những điều kiện không thích hợp, một phương pháp đặc sắc sẽ làm giảm bớt được biết bao vụ sảy thai cố ý và đem lại bình quân tính giao cho người đàn bà, nhiều khi chỉ vì sợ có mang mà bị mất hồng. Lẽ tất nhiên, vấn đề trở nên phức tạp khi người ta xét đến, phương diện luân lý, nhưng phải chăng cuộc đời là đầy lựa chọn và tùy người, tùy lúc, tùy hoàn cảnh mà phương pháp sẽ được xét xử.



★ VÌ LẼ GÌ MÀ ÔNG CHƯA Ở TÙ ?

Ở Huê-Kỳ, muốn có một giấy kiểm nhận, đương-sự phải biết trả lời những câu hỏi trên một mẫu giấy in sẵn.

Ngoài những câu hỏi kê khai về tên họ, tuổi tác, và nghề nghiệp, đương-sự còn phải trả lời có mắc bệnh «thề-chất» hay «tinh-thần» không?

Cuối tờ khai, còn một câu hỏi nữa mà đương-sự luôn luôn trả lời là: «không». Đó là câu: «Ông đã ở tù lần nào chưa?»

Rồi tiếp thêm một câu hỏi «hóc-búa» nữa để kết thúc:

— «Tại sao ông chưa bị ở tù?»

Vậy đương sự phải trả lời thế nào cho xuôi?

— Vì tôi không ăn cướp, ăn trộm không giết người, vì vì và vì vì, hằng ngàn chữ vì cũng không nói hết được.

Vậy muốn cho yên-ổn và giản-tiện, đương sự nên trả lời như sau:

— Là vì tôi chưa bị bắt!

P. C.

tiếng tình yêu

★ HƯƠNG-NGỌC-TUYỀN

Bàn tay mẹ gầy yếu
Âu-yếm bông co, thơ
Lời ru hòa nhạc điệu
Tiếng mẹ buồn như thơ

Chiều quê thu nhạt nắng
Tiếng sáo diều xa xa
Điệu buồn theo năm tháng
Quê hương tàn cỏ hoa

À ơi !.. Lời trao gửi
Ru giấc mộng thần tiên
Ngày con còn thơ dại
Ngủ trong tay mẹ hiền

Rồi... Chiều thu lá đỏ
Những trưa hè nắng hanh
Những lần đông vội vã
Rút ngắn dần tuổi xanh

Bây giờ con khôn lớn
Thoát tầm tay mẹ yêu
Đề đi vào kiếp sống
Chuốt nỗi buồn cô liêu

Tuổi đời hai mươi mốt
Con còn được gì hơn
Ngoài nỗi-niềm chưa xối
Với lần nhớ quê hương

À ơi !... Lời ru trước
Còn văng vẳng đâu đây
Làm sao về đất Bắc
Để tìm tuổi thơ ngây

Chắp tay con cầu nguyện
Đất nước được thanh bình
Đề lời mẹ âu yếm
Ru con vào tuổi xanh



TRUYỆN THẦN THOẠI
GYLAP-LAMA

★ Đàm-Quang-Hiện

● Apollon hay Phoebus

Apollon là ông thần Mặt Trời. Bỏ là Zeus và mẹ là Létô bà chúa Đêm,

Trước khi sinh Apollon, bà Létô phải đi lang thang khắp nơi để tìm một nơi yên ổn cho con trú ngụ, vì bà sợ Héra biết, mà Héra lại rất hay ghen. Mãi sau, thành hình đôi dạng làm con cun cút, bà đến một củ lao gọi là Astéria. Sau này củ lao ấy lại đổi tên là Delos. Bà bảo củ lao : « Hỡi Delos, ngươi hiện chỉ là một nơi khô khan mà không một sinh vật nào bước chân tới. Ngươi hãy tiếp đón con ta và nếu người làm cho nó một tòa lâu đài xứng đáng thì ngươi

sẽ được hưởng những của cải mà người đời đem dâng nó ».

Gió đi qua nghe thấy liền bảo : « Tôi sẽ tiếp nhận con bà nếu bà thề rằng y sẽ ở đây mãi mãi ».

Bà thề và tức khắc những con thiên nga hiện lên ca hát, bê và núi nhuộm vàng và đỏ để mừng thần Apollon ra đời. Các nữ thần trên trời reo mừng vang dậy. Bà Themis đem rượu và thức ăn thần ở Olympe xuống cho đứa bé. Nó vừa nằm vào các thứ ấy là nhón vút lên và nói : « Hãy cho ta một cái sáo và một cái cung, rồi ta sẽ bảo cho những lời tiên tri ! »

Ông vừa nói như vậy vừa đi trong đảo. Ông bước đến đâu là đem sự vui tươi đến đó : mặt đất phủ kín những hoa và toàn thể Delos chói lọi như một buổi sáng đỏ ối trên những ngọn đồi trắng.

Vừa ra đời được bốn ngày, Apollon đã biểu lộ sức mạnh của mình. Hồi đó, trong một cái hang ở Parnasse có một con rắn kinh khủng. Ai vô phúc gặp nó thể nào cũng bị ăn thịt. Apollon vốn có lòng nhân liên lập tâm trừ cái họa ấy cho dân. Một hôm đem cung và tên cầm một bó đuốc cháy đỏ, ông lẳng lẳng đi, vòng đến cửa hang và ném đuốc ấy vào. Khói tỏa mù mịt làm con quái vật bò ra ngoài và bị Apollon bắn chết.

Nhưng khi làm rơi máu con quái vật, Apollon đã bị ô uế. Theo thần luật, ông phải đi tẩy uế. Ông tự phạt mình bằng cách đầy thân đến ở cho Admète, vua xứ Thessalie. Trong chín năm, ông chăn bò và ngựa cho nhà vua. Trong khi chăn đàn vật ông thường đánh đàn và tiếng thiên cầm của ông trầm bổng làm tươi sáng cảnh đồng quê.

Khi vua Admète muốn hỏi cô Alceste làm vợ thì cha

nàng là Pélías thể chỉ gả nàng cho người nào ngồi trên cỗ xe có sư tử kéo mà thôi. Apollon liền khuiat phục hai con sư tử rất dữ rồi giao cho Admète sử dụng. Đám cưới cử hành nhưng lúc chú rể vào phòng thì thấy đầy những rắn. Apollon một lần nữa giúp chủ thoát cơn nguy hiểm. Chàng còn xin các vị Parques cho Admète thành bất tử nếu cha hay mẹ, hay vợ vua chịu chết thay cho ông. Giờ hy sinh đến. Cha mẹ Admète mặc dầu tuổi đã cao không chịu chết thay cho con. Nhưng Alceste không ngần ngại xin thế cho vua. Nàng can đảm bước xuống mộ, nhưng các thần cảm động đưa nàng về dương thế và trả nàng cho vua.

Người Hy Lạp cho thần Apollon là vị thần du lịch. Mỗi năm cứ đến thu là ông đi sang miền cực bắc, một nơi khí hậu tươi đẹp không có đêm và chỉ có một mùa xuân vĩnh viễn. Ông ở đó suốt mùa đông và đến mùa xuân lại trở về Delos, trên một cỗ xe bằng vàng có các thiên nga kéo. Mỗi khi tiếng thiên cầm của ông nổi dậy để báo hiệu sự trở về của ông thì những chim



APOLLON

họa mi, chim nhạn và ve sầu đều hoạt heo để chào đón ông.

Một hôm đi qua Thessalie, Apollon trông thấy ở bờ Pénée một cô gái nhanh nhẹn và rất xinh đẹp tên là Daphné. Nàng thường qua lại trong những rừng sâu hay những nơi vắng vẻ để bắt các thú giữ lấy da về làm áo mặc. Tóc tơ dài xỏa trên vai càng làm tăng vẻ kiều diễm của nàng. Apollon trông thấy nàng liền đem lòng yêu mến. Nhưng bản tính vốn ghét đàn ông, nàng vừa thấy bóng người thanh niên liền vội

quay đầu chạy trốn. Apollon đuổi theo. Chạy được hồi lâu nàng mệt quá khuỵu xuống đất mà kêu : « Hồi Đất mẹ, xin người hãy mở ra mà che chở cứu lấy tôi ! » Nàng vừa nói dứt lời thì hóa thành một cây nguyệt quế. Apollon đến sau liền ôm lấy thân cây, và khi thấy dưới thân cây trái tim của Daphné hãy còn đập, chàng nói :

— « Hồi Daphné, từ bây giờ trở đi, nàng là cây mà lá bất tử sẽ kết ở trên đầu ta. Nó còn là thứ trang sức trên đầu các chiến sĩ có tài, các thi sĩ và các kẻ chiến thắng ».

Chàng nói vậy và cây nguyệt quế sẽ ngã ngọn ra ý cảm tạ. Người ta cho Daphné là nàng Aurore bao giờ cũng tròn trước ánh sáng.

Mặt Trời làm cho hoa nở mùa xuân nhưng lại làm tàn đi mùa hạ. Muốn cắt nghĩa ảnh hưởng đó, người ta đã đặt ra chuyện sau đây : Hyacinthe, con vua Amyclos, là một thanh niên rất tuấn tú. Apollon kết bạn với anh ta rất thân. Họ thường hay cùng nhau tập ném đĩa. Một hôm như thường lệ đang tập dượt thì Apollon rủi ném vĩa đào

đầu Hyacinthe. Máu chảy như suối và chàng thanh niên ngã quy xuống đất. Đau đớn, Apollon nói: «Hỡi Hyacinthe, ta không thể chết cùng người được, nhưng ta sẽ làm cho người thành bất tử như ta. Người sẽ hóa thành hoa và mỗi năm người sẽ sống lại với mùa xuân».

Apollon nói dứt lời thì máu của Hyacinthe thấm xuống đất thành một cây hoa cũng mang tên của chàng.

Muốn cho ta hiểu tại sao mặt trời mùa hạ lại có một ảnh hưởng tai hại như vậy, họ kể lại rằng:

Apollon có với Clymène, con của Océan một đứa con trai là Phaéton. Một hôm trong một cuộc cãi cọ, một thanh niên nói rằng Phaéton không phải là con của mặt trời. Phaéton về phàn nàn với mẹ. Clymène muốn cho con biết rõ dòng dõi của nó, liền sai nó đến lâu đài của cha nó. Tới nơi, nó yêu cầu cha nó cho một đặc ân chứng tỏ rằng nó đúng là con của ông. Không kịp nghe con nói thêm, Mặt Trời vội thề ngay là sẽ không từ chối con điều gì hết. Phaéton liền xin cha cho đi soi sáng thiên hạ trong một

ngày. Mặt trời hết sức can ngăn con và kể những sự nguy hiểm có thể xảy ra. Nhưng vô hiệu. Apollon bó buộc bởi lời thề phải cho Phaéton lên cầm cương cái xe chói lọi của mình. Nhưng khi Phaéton thấy có một mình đứng giữa một đám ánh sáng cuộn cuộn và dưới là vực thẳm mênh mang, nó lầy lăm kinh sợ. Những con ngựa thấy không phải chủ cũ liền đi khác đường. Lúc thì chúng lên cao quá hăm dọa làm cháy cả Trời, lúc xuống thấp quá làm cạn nước sông, đốt rừng và cháy núi. Sau cùng, buông cả cương ra Phaéton bị lôi cuốn như trên một cái tàu bị bão, reo rắc khói lửa khắp nơi. «Đắt» kinh sợ liền chấp tay cầu cứu Zeus. Vị chúa tể muốn cứu Đắt khỏi bị cháy liền lấy sét đánh vào Phaéton. Và đẩy nó xuống sông Eridan. Những con ngựa thì tự đi về chuồng. Các chị của Phaéton là Héliades liền chôn cho em. Họ thương khóc em trong bốn tháng tròn. Các vị thần động lòng thương liền hóa Héliades thành các cây bạch dương và những giọt nước mắt của họ hóa thành những hạt hồ phách.

Apollon còn là ông vua của âm nhạc và thi văn. Đàn lục huyền là thi đàn sở trường của ông. Người ta kể rằng một hôm ông thần hoang dã là Marsyas nhặt được cái sáo của Athéna vứt đi liền đòi thử thi với Apollon. Vị này bằng lòng với điều kiện người thắng sẽ có toàn quyền đòi với người bại. Toàn thể các Muses và Midas vua Phrygie, được chọn làm trọng tài. Apollon dạo đàn lục huyền rất là du dương. Nhưng Marsyas với tiếng sáo réo rắt không thua kém gì Apollon khiến các trọng tài ngập ngừng. Muốn cuộc thi chóng kết liễu Apollon liền vừa dạo đàn vừa hát. Marsyas chịu không bắt chước được. Các Muses liền tuyên bố ông Apollon thắng. Ông liền trói Marsyas vào một gốc cây mà lột da hắn. Midas vì đã cho là Marsyas được nên bị Apollon hóa phép những tai ông thành tai lừa. Theo lời Apollon, những tai ngu dốt như vậy không đáng là tai người. Vua Phrygie xấu hổ lúc nào cũng đội một cái mũ rộng che tai đi. Duy có người cạo râu cho vua là biết mà thôi. Vua căm

người thợ đó không được lộ cho ai biết chuyện nếu không sẽ giết. Điều bí mật đó ám ảnh anh thợ đến nỗi không biết làm thế nào anh liền đào một cái hồ ở giữa một nơi đồng không mông quạnh và cúi xuống, anh sẽ nói vào cái hồ: «Midas, vua Midas có hai tai lừa». San sẽ được điều bí mật đi như vậy, anh ta như trút bớt được gánh nặng trong lòng. Nhưng khi cái hồ vừa lấp kín, anh ta thấy mọc ở đó một cây sậy. Mỗi khi gió thổi, cây sậy luôn luôn nhắc lại câu nói của anh thợ cạo. Vì thế chẳng bao lâu câu chuyện Midas có những tai lừa không còn là một điều bí mật đối với ai cả.

Là chúa của âm nhạc, Apollon tất nhiên là chúa của nhảy múa, văn thơ và cảm hứng. Vì ông soi sáng cả thế giới nên ông thông tỏ hết mọi điều. Ông thường ban những lời tiên tri và từ tứ phía nước Hy-Lạp người ta kéo đến hỏi rất đông. Delphes là nơi có nhà tiên tri có tiếng nhất.

Apollon hay ở nhất trên núi Parnasse. Ông thường điểu

khuyến đoàn ca vũ của các Muses và Charites.

Những vị Muses khi xuống trần thường hay ở những suối róc rách chảy gần núi Hêlicôn. Có chín vị Muses tất cả là: Clio thần sử, Euterpe chủ tọa thơ tâm tình, Thalie chủ tọa những tiệc yến, Melpomène kẻ lại những đau khổ bi thảm của các vị đại anh hùng, Terpsichore điều khiển các buổi ca hát nhảy múa, Erato chủ tọa các hôn lễ, Polymnêe nhắc lại những bài hát cổ ca ngợi các vị thần, Uranie dạy những điều bí mật trên trời và Calliope truyền cho người ta sự hùng hồn và đọc cho thi sĩ những anh hùng ca.

Apollon còn là vị thần của sức khỏe trong sạch và phong phú nữa. Ông là một vị thầy thuốc giỏi và đã sinh ra Esculape vị cứu tinh của loài người. Ông thần này giẫy ta tránh và chữa các bệnh. Mẹ ông là Coronis con gái của Phlégyas. Vì không bằng lòng cho con gái lấy Apollon nên Phlégyas tức giận, đột đến Delphes. Apollon liền bắn Phlégyas rồi đẩy xuống sông Tartare. Coronis sinh con xong thì chết. Apollon bèn giao đứa

bé cho con quái vật nửa người nửa ngựa tên là Chiron. Lúc đức bé bắt đầu hiểu biết thì Chiron, dạy nó những đặc tính bí mật của các cây trong rừng, Esculape được nuôi trên một ngọn núi gần Epidaure. Nó ăn sữa dê và một con khuyển trông coi nó. Một hôm một tên mục đồng trông thấy chung quanh đầu đứa bé có hào quang rực rỡ. Ít lâu sau, tiếng đồn khắp cả là một vị cứu thế mới ra đời để chữa tất cả các bệnh và cải tử hoàn sinh người ta nữa. Lúc Jason sang Colchide tìm Toison d'or, Esculape đi theo và cứu rất nhiều Arponaudes khỏi bệnh. Sau nhiều người được chữa khỏi bệnh và được cải tử hoàn sinh quá đền nổi Zeus sợ không ai chết và các địa ngục phải đóng cửa nên ra lệnh cho các Cyclopes đúc sét để ông dùng đánh Esculape.

Vị thần của y khoa đó rất được tôn thờ trong các rừng, trên các đỉnh núi và gần những suối. Ở tỉnh Epidaure ông được thờ phụng nhiều nhất. Ở đó ông có một miếu thờ, một rừng thiêng, một suối kỳ diệu, một rạp hát huy hoàng

và một tượng bằng vàng và bằng ngà. Nhiều bệnh nhân đến chữa bệnh được ông báo mộng cho biết thứ thuốc phải dùng. Con rắn vờn biểu hiệu cho sinh lực và sự biến cải, là con vật được công hiến cho ông. Con gái ông là Hygêia rất đẹp và mạnh khỏe.

Apollon bao giờ cũng được diễn tả trẻ, đẹp và đầy sinh lực, tóc dài lòa xòa trên vai. Mặt ông hình trái soan, thanh tú, có một vẻ cương quyết và cao thượng. Trán bao giờ cũng có kết lá nguyệt quế,

đào kim nương hay ô liu. Một đôi khi, y phục thật rực rỡ, mắt ngược lên trời, ông hình như vừa hát vừa gảy đàn lục huyền mà ông đeo ở đằng trước. Biểu hiệu cho ông là những vật: thiên cầm, cung, tên, ông dựng tên, giá ba chân; những súc vật, thiên nga, chim kên-kên, diều hâu, chó sói, hươu cái, ve sầu; những cây: cỏ, ô liu, sen, đào kim nương, và thứ nhất là nguyệt quế mà cành dùng để kết những vòng hoa đẹp nhất cho ông.



★ PHẢI ĐÚNG THỂ THỨC !

Một sĩ-quan trưởng phòng Hành-chánh đột nhập hăng hái vào văn-phòng vị sĩ-quan phụ-tá, tay cầm một tờ giấy, miệng hỏi lớn gần như la :

— Thế này là nghĩa gì ? Mẫu đơn mới chưa gửi đến cho những kẻ này à ?

— Thưa Đại-úy, em đã gửi rồi ạ. Có lẽ hôm nay những người ấy đã nhận được...

— Vậy anh gửi trả lại họ lá đơn này để họ làm đúng thể thức theo mẫu đơn mới, rồi hãy trả lời với họ : « Không chấp thuận. »

P. C.

1

bây giờ buồn đã đầy hồn
vàng son đã lạnh trong ngôn ngữ này
tôi nhìn tôi rộng vòng tay
cõi hoan mê nhớ những ngày thanh xuân
đã không vẹn đẹp một lần
thì thôi thôi đẩy muôn phần cho em

2

cũng đành xưa cũ chưa quen
nhưng tâm hồn đã lệ hoen ướt rồi
màu xanh nào đó về ngôi
cho ray rút những thung đồi xa xăm
gục đầu nhìn lại chỗ nằm
hội ơi cay đắng năm năm chưa tàn

3

vẫn còn thương tiếc vô vàn
nên lời thơ mới muôn ngàn khổ đau
đường xưa nay đã sang màu
trắng xưa nay đã in sâu miên man
thu về rû lá thu ngàn
tình thu thu đề ly tan một trời

4

cháy hồn anh mộng chưa vơi
có em có biết có đời đời sau
từ vào truyện dở dang nhậu
loài hoa đỏ nhuộm mười đầu ngón tay
mùa xuân nào ở nơi này
nhìn chiều nay thấy chiều nay không về



ông năm bụng

★ Nguyễn - Tăng - Liên

DÂN làng không ai không biết ông ta. Nhất là trẻ con trong xóm, đứa nào cũng sợ, thấy mặt ông là chúng ù chạy vào nhà hay tìm chỗ lẩn trốn.

Không biết ông từ đâu đến, theo lời chị Bảy-Rồ kể lại thì ông đến xóm Rạch này lâu lắm. Lúc đầu dân xóm không ai chú ý đến sự có mặt của ông, dần dần về sau người ta mới khám phá ra con người kỳ lạ và có những đặc điểm vô cùng lý-thú.

Cách đây lâu lắm, xóm Rạch còn là một vùng đất hoang vu ít ai biết đến. Từ khi nhà nước mở một con đường đất chạy ngang

qua vùng này để chở quế từ mạn ngược về, nên vài gia-đình di-cư đến đây dựng nên mấy quán ăn sơ sài.

Từ đường lộ vào xóm, phải qua một con Rạch nhỏ, dân xóm làm một chiếc cầu gỗ để tiện việc qua lại. Với bốn đà gỗ bắt ngang qua, mặt trên lót một hàng tre ống đục lỗ tròn ở hai đầu, cột chuyền lại với nhau, hai bên thành cầu cây lan can gậy đồ, một bên mắt hắt, phía bên kia

dính lại một đầu bên trụ, một đầu chìm dưới nước.

Cầu xây lâu lắm rồi, bốn cây đà meo mọc đóng dày, trên cầu vài ống tre đã dập nát, có chỗ lại sứt hẳn ra, để lộ một vũng nước xanh rì.

Cho đến nay dân quê ở mọi nơi, đồ về mỗi ngày một đông, nên xóm Rạch có một bộ mặt mới khác hẳn khi trước. Tuy vậy chiếc cầu gỗ vẫn không một ai để xướng ra để sửa chữa lại.



Ông Năm Bụng mở choàng mắt và lồm cồm ngồi dậy. Ánh nắng xuyên qua kẽ vách, chảy dài trên nền nhà như sưỡi ấm vụn vụn. Dưới gầm bàn con Vện nằm dài trên ổ rơm rách nát, nghe tiếng động nó hé mắt nhìn chủ và lừ đừ ra chiều mệt mỏi, đưa hai chân ra phía trước nó uống mình vài cái rồi sửa lên ăng-ăng.

Ông Năm dụi mắt nhìn kỹ. Bên cạnh ông chai rượu đã cạn lăn ra ngoài cửa. Như nhớ lại việc gì, ông đi ra sau bờ rào gọi lớn :

— Mụ Bảy-rồ có nhà không ?

Không có tiếng trả lời, ông lại gọi to hơn nữa :

— Có mụ Bảy ở nhà không ?

Vẫn không có tiếng trả lời, ông đi lại phía bề nước lằm bằm :

— Chắc nó vào rừng rồi.

Đưa hai tay vốc từng bụm nước tạt vào mặt, hơi nước mát lạnh, ông sức nhớ lại chiều hôm qua vợ chồng Bảy-rồ mời ông mộ bữa say mềm, về nhà còn hơn nửa chai ông nốc cạn rồi lăn ra ngủ. Bước vào nhà vừa đi ông vừa nghĩ :

— Mẹ kiếp ! không có bữa nào say nhiều như thế. mà rượu của Bảy-rồ gói mua tận miền xuôi uống ngon quá.

Rồi như nhớ lại hương vị bữa chiều hôm qua còn đọng lại, ông nhấp nhấp miệng và khà khà vài cái.

Tuổi ông vừa quá ngũ tuần đáng người mập mạp, vàng trán nhăn nheo, hai hàng lông mày như xách ngược hẳn lên, đôi mắt luôn nháy và bặm đầy ghèn, cái mũi hơi to và thấp, miệng rộng còn trơ lại mấy cái răng cửa, cặp môi dày và thâm, dưới cằm bộ râu dài đến tận cổ. Nhất là cái bụng phệ thì không khi nào lằm lằm được, ông thường hay mặc một cái quần dài vải ta trắng đã bạc màu, không lúc nào dân xóm thấy ông mặc quần trên rốn. Với cái « một » trật-bù-lương ấy, ông lại xăn hai ống quần

lên thật cao, để lộ cái rốn to đen và sâu. Ông tên Năm, dân xóm thấy đáng điệu của ông nên gọi đùa là ông Năm-bụng.

Ông có bệnh đau bụng, uống thuốc gì cũng không khỏi, duy chỉ ăn thịt chó, uống rượu là khỏi ngay. Vì thế trong nhà ông không lúc nào thiếu rượu và thịt chó được...

Lắm lúc vì khan hiếm chó lớn để làm thịt, ông lại bắt cả chó con. Muốn dự trữ món ăn được lâu, mỗi khi làm thịt xong một con chó, ông nấu trong một cái nồi to để dành ăn cho được nhiều ngày, có lúc ông bỏ vào hủ muối như ta muối cá làm mắm vậy.

Mỗi khi có việc vào xóm, chó lớn, chó nhỏ đều chạy ra hai bên đường bu vào người ông mà sủa, vì chúng đánh hơi rất tài. Thoáng thấy bóng ông đằng xa, chúng đã sủa rộ lên rồi, lúc đầu còn lẻ tẻ, sau nhiều con cùng sủa lên một lúc, khi ông qua khỏi chúng cũng còn sủa vang. Nhiều con còn hăm hè tỏ vẻ giận dữ như chực cắn vào người ông, vì ông đã hại đồng loại của nó quá nhiều.

Mà thật vậy, đến nay ông cũng không biết là mình đã làm thịt đến con thứ mấy nữa. Đối với ông, thịt chó cũng như một món ăn hàng ngày mà ông cần phải

có. Đúng hơn, nó là một vị thuốc vì thiếu nó, người ông như thiếu sinh lực, chứng đau bụng lại tái phát, đầy vò, xâu xé và hành hạ ông.

Ông chuyên nghề đi cắt tranh ở ven Rạch về đánh thành tranh tấm bán cho dân xóm lợp nhà, nên số tiền kiếm được chẳng là bao. Phần vì bệnh hoạn và ghiền rượu nên chỉ đủ nuôi sống qua ngày.

Tất cả tài sản của ông chỉ có một chiếc ghe nan và một gian nhà lá nghèo nàn. Giữa nhà kê một cái bàn gỗ đã cũ, một chân gãy hẳn, phải đóng một cây trụ bằng tre kèm vào. Trên bàn một cái lon sữa bò trong đựng cát còn trơ lại mấy cây nhạn đã tàn, hai bên cắm hai cây đèn sáp thấp dờ.

Phía bên trái kê một căn ván. Tuy nói là căn ván nhưng chỉ có bốn viên đá kê hai tấm ván dài, trên trái một chiếc chiếu và một cái gối bằng gỗ.

Sau cùng là nhà bếp. Cạnh đấy một cái thùng thiết cũ dùng đựng gạo. Trên cây cột nơi con sẻ một chiếc gióng thông xuống để một cái nồi to, có lẽ đây là thịt chó, thức ăn hàng ngày của ông.

Mặt trời đã lên cao, nắng sớm tràn ngập lùa vào gian nhà nhỏ.



Ông bước ra sân nhìn trời
lầm bầm :

— Trưa mất rồi, ta đi thôi.

Ông moi dưới thùng gạo, lôi
ra một chai rượu tu một hơi dài,
rồi vội vã cầm đòn xóc và chiếc
giăng, đầu đội chiếc nón đã bung
vành đi xuống rạch.

Dưới mé rạch một chiếc ghe
nan, hai bên be bọc gỗ, trong
ghé một cái sạp bằng tre để
chính giữa. Ông bỏ đồ dụng cụ
vào rồi từ từ chống ghe ra khỏi
rạch.

Hai bên bờ cây cỏ mọc um
tùm, lau sậy khê nghiêng mình
lung lay theo chiều gió. Trên bờ
từng rầy bấp nối tiếp nhau chạy
dài thành một màu xanh ngắt. Xa
hơn nữa, vài cây sậy còn trơ lại
những nhánh khô, các loại giây
leo bò chằng chịt bám sát vào
thân cây để tìm nhựa sống, nhánh
lá đâm ra tua tủa tựa như một

hàng rào lá phủ kín.

Càng đi sâu vào lòng Rạch
càng rộng hẳn ra, giòng nước
trong xanh không gợn một
làn sóng, tiếng nước chảy
vỗ vào hai bên mạn thuyền
gây thành tiếng động nho nhỏ.
Bỗng nhiên một tiếng « rắt »
khô khan nổi lên. Mái chèo bị
gãy, chiếc thuyền tròng trành và
di lạc hướng. Ngạc nhiên vì sự
rủi ro này, ông lái thuyền vào bờ
để sửa chữa lại.

Sau một hồi suy nghĩ, ông cho
đây là một điềm xấu của những
người đi đường thủy, nên ông
cho thuyền quay mũi chống về
nhà.



Cu Tam đang mãi mê đuổi
theo con bướm, vô ý nó vấp phải
đá và khóc thét lên. Nghe tiếng
con khóc, chị Bảy-rồ vội vàng
chạy ra ôm con vào lòng và dỗ
dành, thằng bé vẫn không chịu
nín. Chị vào bếp lấy một củ khoai
lột vỏ cho con ăn, nhưng vì đau
quá nó không ăn mà càng khóc
to hơn nữa. Bực mình quá chị
phải dọa nó :

— Nín đi con, không ông kẹ
ông cắn chết.

Nhưng ông Kẹ thì kẹ ông Kẹ,

nó vẫn khóc. Giận quá chị phát
mạnh vào mông con một cái thật
đau. Cu-Tam lại càng khóc to hơn
nữa.

Chợt thoáng thấy bóng ông
Năm thấp-thoảng bên bờ rào, chị
gọi lớn :

— Ông Năm ơi ! Thằng Cu
khóc đây, ông vào mỗ bụng nó.

Ông Năm-Bụng tay ôm đòn xóc
từ ngoài vào. Nghe tiếng gọi, ông
bỏ đồ xuống sân rồi chạy qua hét
lớn :

— Có nín đi không ! Tao mỗ
bụng bây giờ.

Thằng bé vội giật mình nín im
thín-thít, tuy còn ức quá nó ngước
mặt nhìn ông rồi hậm hực vài cái.

Thấy con đã nín, chị Bảy vội
hỏi :

— Sao hôm nay ông về sớm
thế, chắc được nhiều tranh lắm ?

Ông Năm lắc đầu xua tay đáp :

— Đi được nửa đường thì
chèo gãy, hẳn có điều gì chẳng
lành nên lại về không.

Chị Bảy kinh-ngạc :

— Chèo gãy ?

— Ừ.

— Điều xui lắm đấy, ông về
là phải.

Ông Năm đã ra về, tuy vậy
ông vẫn quay đầu lại nói :

— Ừ ! về là phải.

Ôm con vào nhà, chị lầm-bầm :

— Chèo gãy ! Thật là điềm
xấu.

Cu-Tam thiu-thiu ngủ. Chị se-
sẽ đặt con xuống giường, nằm
né qua một bên, tay thoa nhẹ trên
lưng nó.

Hai tiếng chèo gãy như in sâu
vào tiềm thức, nó đập mạnh vào
đầu chị, gọi lại chuyện đang buồn
hồi mười năm về trước.

Năm ấy chị vừa mười sáu tuổi,
cùng cha chèo thuyền lên mạn-
ngược chở củi về. Khi đi đường
rủi mái chèo bị gãy, chị giật
mình lo lắng. Nhưng ông không
tin những sự huyền-hoặc trong dân
gian nên bình-tĩnh sửa lại chèo
và tiếp tục lên đường.

Chuyến đi được bình-an vô sự.
Nhưng đến chuyến về thuyền va
vào đá hàn nhận chìm. Ông chết
vì bị củi đè nhận ép trong ghe,
phần chị may mắn lọt được ra
ngoài nên khỏi nạn.

Cho đến nay hơn mười năm
qua, câu chuyện chèo gãy dần
dần quên lãng theo thời gian, nay
có dịp sống lại trong lòng chị.
Nghĩ đến đây chị khê rùng mình
lo sợ.

Như để xua đuổi những hình

ánh đèn tối, chị dơ tay kéo mảnh khăn phủ lên mặt. Không bao lâu chị thiếp đi trong giấc ngủ.

Bên ngoài trời nắng chang chang không một làn gió thổi, hàng cau dài đứng im phăng-phắc. Trên trời một màn xanh ngắt, vài ánh mây chập-chùng trôi về nơi vô định. Trước sân, bầy gà đứng nhón-nhác nhìn nhau, vài con rĩa lông trong bóng cây, có con cố sức bươi chài để tìm thức ăn. Xa xa vài tiếng chó sủa vu-vơ vọng về trong im lặng. Xóm Rạch chìm đắm trong một buổi trưa hè oi-ả.



Ông Năm ôm bụng nằm trên ván, hai chân co quắp lại, đầu nghiêng về một bên, hai tay ôm chặt lấy bụng. Ông rên hừ hừ.

Hôm nay cơn đau bụng lại đến với ông. Giá bây giờ có thịt chó hay một ly rượu thì cơn đau sẽ hạ dần.

Suốt mấy hôm nay không làm gì được để kiếm ra tiền, nên ông phải chịu sự thèm khát nó đang cào xé trong lòng ông.

Chống hai tay xuống ván, ông ngồi dậy với dáng điệu mệt nhọc, mắt nhìn thẳng vào con Vện đang nằm trong xó bếp. Một tia sáng vừa lóe lên trong đầu ông. «Làm thịt con Vện!» Ý nghĩ

này làm ông tươi tỉnh hẳn, cơn đau như dịu xuống. Ông lão đảo đứng dậy, mắt hoa lên một cách dễ sợ, tiến lần lại phía con vật.

Con Vện lừ-dừ đứng dậy, nó nhìn ông không kém. Người và vật đưa mắt nhìn nhau.

Như hiểu được cử chỉ khác lạ của chủ, nó vụt chạy ra ngoài. Thất vọng, ông gieo mình xuống ván. Con đau lại nổi lên. Ông cố lê lại gần bàn cầm chai rượu đã hết trút vào miệng, lưỡi ông đưa ra để hứng từ giọt rượu sắp rơi xuống, chai này hết ông lại lôi chai khác ra. Với những giọt rượu mót-máy ấy, người ông khoan-khoái và dễ chịu hơn.

Ông bước ra sân ngó mông bốn phía vườn để tìm con Vện. Chợt thấy bóng nó thấp-thoáng ngoài đầu ngõ ông lên tiếng gọi vào. Con Vện từ ngoài nhìn ông sợ hãi. Nhận thấy lần này ông có vẻ hiền lành hơn, nên nó lại gần ông, ngoắc đuôi mừng rỡ. Ông vào nhà bưng một chén cơm cho nó ăn. Ngạc nhiên vì sự tử tế từ trước nay của chủ, lần này là một đặc ân đối với nó, nên ông vừa mới để chén cơm xuống là nó vội ngoạm lấy một miếng to, ăn vội vàng, hấp tấp như sợ người đành lại.

Đứng nhìn con Vện ăn, ông mới để ý nhìn kỹ. Lông nó xù lên, toàn thân óm nhom, hai bên hông hàng xương sườn dính sát vào da lộ hẳn ra ngoài, trông thật tiều-tụy.

Từ lâu nay sống trong túng thiếu nghèo nàn, ông và nó gần gũi bên nhau, no đói cũng có nhau. Mỗi khi đi làm về, đặt gánh tranh xuống là nó mừng rỡ, chạy lại quẩn quít bên ông, nhờ nó mà ông bớt đi sự lẻ loi cô độc.

Ông cúi xuống ôm nó vào lòng vuốt ve ra chiều thương mến. Ý nghĩ làm thịt con vện không còn với ông nữa. Rồi như thấy mình từ lâu nay không chú ý săn sóc đến nó, ông vào nhà lấy cơm cho nó ăn thật no.

Cơn đau càng tăng dần. Ông nằm lăn lộn trên ván, ông cố sức chịu đựng. Bao nhiêu tư tưởng đen tối lại hiện về, chúng ám ảnh và quấy rầy ông. Hết nhìn con chó ông lại nhìn mấy chai rượu. Rồi ông vùng la lớn:

— Không! Không! ta không thể nào làm thịt nó.

Con Vện giật mình ngẩng đầu lên nhìn ông ngơ ngác.

Sự thèm khát thịt chó và rượu lại cào xé trong lòng ông. Ông mơ-màng nghĩ đến lúc làm thịt những con chó to và mập. Ngồi bên nồi thịt nóng hôi còn bốc khói, hơi thơm bay ngào ngạt như đập vào mũi ông những miếng thịt béo ngậy, những tô canh văng mỡ, bên cạnh chén rượu nồng còn đượm hơi men.

Tất cả ông đều nhớ lại một cách tỉ-mỉ, mồm ông há hốc ra như để tìm lại hương vị những bữa ăn mà trước đây ông đã có. Không bao lâu ông thiếp đi trong một cơn mơ kinh khủng.

Trong mơ ông thấy những con chó mà trước đây ông đã làm thịt, chúng bu quanh người ông và sủa lên. Ban đầu còn ít, dần dần về sau chúng dồn lại một chỗ đông không thể nào tưởng được. Sợ hãi ông vụt chạy trốn, nhưng nào bầy chó lại buông tha, chúng đuổi theo cắn vào người ông. Hàng trăm cái miệng bu vào bụng ông mà cắn, chúng moi móc ruột, gan ông mà cào xé.

Ông hét lên một tiếng to, mồ hôi ướt đầm cả mình. Nơi bụng lại đau nhứt như hàng trăm miếng thịt bị rút ra ngoài, ông cố sức vùng vẫy, lăn lộn, rên la. Không chịu nổi sự hành hạ của căn bệnh, người yếu dần, ông lầm rầm những gì không rõ.

Cuối cùng ông nấc lên một tiếng to, toàn thân co rúm lại. Người ông chỉ còn là một cái xác cứng đờ.



Chưa bao giờ con chó thấy chủ ngủ một giấc dài đến thế.

Nó buồn bã khi thấy sự săn sóc, thương yêu của chủ không còn đối với nó nữa.

Chán nản nó ngước mắt nhìn trời. Bầu trời hôm nay cao và xanh, như không nhìn thấy được tia sáng yếu ớt bộc lộ từ đôi mắt của nó.





Tiếng Nói của Gái và Trai thế-hệ

LỜI GÁI QUÊ

★ LÊ THỊ THU HƯƠNG

(Làng Dương-đàn, Kỳ-Long, Tam-kỳ)

EM là một cô gái quê, học ít biết ít, quanh năm vui sống với ruộng vườn. Em không đẹp lắm nhưng cũng đủ làm cho tim các chàng trai thôn xóm đập mạnh mỗi khi được em hỏi chuyện (sự thật là thế các chị ạ, em không nói khoe đâu). Một buổi chiều em đi chợ về, gặp một đám đông con trai, con gái, đàn bà, con nít đang tụ họp giữa đường. Thấy em đến, một vài chàng trai liếc mắt nhìn trộm. Bỗng em nghe có tiếng nói quen quen :

— Bây giờ anh muốn đánh không ?

Có tiếng trả lời :

— Tui không sợ ai hết, đánh thì đánh.

Thì ra đây là một cuộc gây lộn "say máu" giữa Tuyền, một người con trai ngang tàng, lực lưỡng nhất làng em với một người con trai xa lạ ở làng bên cạnh. Tuyền cũng là người có học như bao chàng trai khác. Em không muốn cho hai người phải "hành động", nên em kêu Tuyền ra ngoài. Đang nổi máu anh hùng, nghe có tiếng em gọi, Tuyền vội vã bước ra. Em hỏi :

— Sao anh đánh người ta ?
Tuyền trả lời, giọng run run, có lẽ tim chàng đang đập mạnh :

TIẾNG NÓI GÁI TRAI THẾ HỆ

— Tại vì... hể... làm tàng... với làng mình.

Em cười :

— Thôi để người ta về nghe.

Có tiếng nói :

— Ai cũng nói như chị thế mà anh không chịu cứ đòi đánh cho anh ấy biết mặt.

— Thôi, đừng đánh nghe anh Tuyền.

Tuyền "dạ" rất khẽ làm mọi người cười vang rồi giải tán ra về.

Đó các chị coi, một người ngang tàng như Tuyền (cái ngang tàng của Tuyền em không thể nào kể hết được, nhưng các chị cứ tưởng tượng như mọi con người ngang tàng trên đời) mà em chỉ nói một lời là run ngay.

...Phồ-Thông tạp chí đến với em mỗi tháng hai lần, đó là món quà tiêu khiển của em trong những lúc rảnh rỗi công việc đồng áng. Đọc Phồ-Thông, sự hiểu biết của em được mở rộng thêm : nào những nhạc-sĩ, họa-sĩ, những chính-trị gia danh tiếng trên thế giới... xen vào đó cũng có những con người biết tội lỗi đem tâm trạng mình trải lên mặt báo, để trở về với gia đình yêu dấu.

Ngưỡng cửa gia đình không bao giờ eo hẹp với những con người biết tội lỗi, nó luôn luôn

mở rộng để đón nhận những đứa con đã nhận định được việc làm của mình trong những ngày tháng năm qua.

Tổ-quốc đang đón chờ những con dân yêu nước, những đứa con luôn luôn nghĩ đến tiền-đồ quốc-gia, Lịch-sử dân-tộc đã ghi biết bao gương hy-sinh, lòng quả cảm của bao anh hùng liệt nữ ngàn xưa. Chúng ta đã tự hào rằng chúng ta là con cháu rồng tiên và đã hãnh diện bởi những anh hùng dân tộc Lê-Lợi, Nguyễn-Huệ. Ngày nay, nước Việt-Nam từng bừng trong ánh sáng văn-minh của khoa-học và tiến triển trong sự sinh hoạt đời mới hoàn toàn. Nhưng theo em nghĩ, sự đổi mới ở đây không như những con người đã lầm tưởng rằng đời mới là phải làm "cao bồi", phải làm ngang dọc giữa công lộ để lấy le với gái. Chị em mình hẳn cũng ghét cái lối lấy le ấy lắm, các chị nhỉ.

Một hôm em lên tỉnh chơi, vì không có xe nên phải ở lại ban đêm. Trong đêm đó em đã được mục-kích rõ ràng những con người Diên : áo quần bó sát vào thân người, đầu tóc bõm xồm, đi hiên ngang giữa công lộ, chọc gái, đánh lộn, làm cản trở việc giao thông. Họ là ai ?

Chính họ là những học sinh, những con người có học vấn. Thế sao họ lại đi trong giờ này, cha mẹ họ đâu, không ngăn cấm họ? Họ chỉ cần một lời nói dối như đi mượn sách, mượn vở, hoặc mua cái này cái nọ thì cha mẹ tin ngay. Sáng ngày hôm sau họ cũng cắp sách đến trường; nhưng họ đâu có vào lớp, họ vào phòng trà, rạp hát đến trưa lại cắp sách ra về. Trong đêm tối họ đi lang thang như vậy, họ có biết đâu, khắp các miền thôn quê hẻo lánh, có những con người cũng bằng xương bằng thịt như họ lại phải chịu cảnh màn trời chiếu đất, tay ôm chặt lấy cây súng, mắt dăm dăm nhìn vào khoảng không gian mờ tối. Những con người đó là ai? Họ chính là những chiến-sĩ đã làm tròn nhiệm vụ. Đành rằng, mỗi người có một nhiệm vụ riêng, nhưng ai cũng phải chu toàn nhiệm vụ của mình. Nếu trong đêm khuya ấy, những người chiến sĩ không làm tròn nhiệm vụ, bỏ đi lang thang khắp các hương lộ như những người Diên ở đô thị, thử hỏi sự bình yên ở các thành phố có còn bảo đảm không?

Có những con người sau một thời gian đi lung lạc, theo bạn bè dắt dẫn đến con đường truy lạc,

rồi lại trở về hối hận đem tâm sự mình giải bày trên mặt giấy. Trái lại, có những con người sẽ và đang trở thành những hạng người trong xã hội. Em mong rằng những con người muốn thực hiện chí nam nhi, không chịu « du dú sáng ngày » thì hãy xông vào những đoàn quân cứu nước, đem lại hạnh phúc cho dân tộc, làm rạng danh con Hồng cháu Lạc.

Bao giờ các chị có dịp về miền quê, các chị sẽ thấy rõ sự sinh hoạt nơi thôn dã: ở đó mọi người đều làm việc, không một người nào ăn không ngồi rồi. Có lẽ các chị cũng liên tưởng đến những con người diên đại đi phá tuổi thanh xuân trong lúc tương lai còn nhiều. Em nghĩ rằng: nếu tất cả mọi người đều làm việc và ý thức được việc làm của mình thì xã hội không bao giờ có những phần tử đáng chê bỏ và có thể tiến đến một xã hội hoàn toàn tốt đẹp không còn là một việc khó khăn nữa.

Em không dám lên tiếng dạy đời các anh chị đâu, mà đây chỉ là « lời gái quê » sau khi thấy những điều trái tai gai mắt của những con người cùng lứa tuổi gây nên.



ngày mai

muốn ra sao

thì ra!

★ NGUYỄN-THIÊN-NGA
(Cựu nữ-sinh Trung-học Nhatrang)

ĐỌC ngày mai sẽ ra sao, của Yên-Sinh trong Phở-Thông 115, tự nhiên tôi lại cảm thấy muốn được như bạn và viết lên bài này.

Hoàn cảnh của tôi kể ra đây mới đáng buồn bạn ạ.

Hai chúng tôi cùng là một học sinh không quá 25 tuổi, chúng tôi yêu nhau trong mối tình đầu, rồi nhất quyết lấy nhau mặc dù đôi bên cha mẹ không mấy vui lòng.

Lấy nhau hoàn toàn hai bàn tay trắng với số học thức không là bao, tuy đã học qua phần trung học đệ nhất cấp, nhưng chúng tôi chưa có mảnh bằng nào để làm vốn với đời cả.

Lấy nhau rồi, chúng tôi mới thấy mặt trái của đời. Còn đâu thời kỳ mộng mơ? Còn đâu tương lai rực rỡ khi đang thời yêu nhau v. v. ...

Buồn tủi biết bao, đã bao đêm tôi khóc thầm cho số phận.

Nhưng bạn ạ — Trời sinh

voi trời sinh cỏ (đã có lần mẹ tôi bảo, nếu trời sinh toàn cỏ may thì sao?)

Tôi đành lòng với số phận và tôi bằng lòng thật, vì tháng tháng tôi vẫn nhận lãnh số tiền không quá ngàn bạc do cha chồng tôi ở xa gửi về, vì ông có V-2.

Bạn thử tưởng tượng xem với số tiền quá ư ít ỏi ấy mà gia đình tôi gồm 4 người, mẹ chồng tôi, chồng tôi, tôi và con chúng tôi. Thế mà chúng tôi vẫn sống, may mắn hơn bạn, chúng tôi không mất tiền thuê nhà (vì tôi ở trong trại định cư). Tôi không dám khuyên bạn, nhưng ở cảnh nào theo cảnh đó bạn ạ, vì — « trông lên thì chả bằng ai, trông xuống thì chả có ai bằng mình », nói vậy không phải cái gì cũng trông xuống, thiên hạ vẫn nói sự học thì trông lên, ăn tiêu thì nên trông xuống.

Theo tôi, cần gì phải ở cái nhà tới 600 đồng, và làm lấy có sao đâu mà phải mượn người ở để

làm gì cho thêm tốn. Sanh đẻ không tiền, tôi vào nhà thương chính phủ hạ giá và nếu khỏe thì không cần tiêm thuốc.

Tôi đẻ thì chồng tôi làm giúp, khi đã khỏe tôi lại tiếp tục làm, thương nhau là đủ lo gì miệng tiếng thiên hạ. Vì chúng tôi hoàn toàn trắng tay, chẳng có tý vàng nào cả, ngay đến chiếc nhẫn cưới cũng chỉ là vàng tây cho có lệ.

— Bạn thấy chưa ?

Nếu tôi là bạn, tôi có thể rút quỹ gia-dình, tần-tiện thêm được nữa.

Thế rồi ngày qua ngày, tháng qua tháng, chúng tôi vẫn sống đều dựa muối cho qua, ăn cơm với mắm thì ngấm về sau bạn ạ.

Bây giờ thì chồng tôi đã đầu quân rồi, moi mót với số lương lính cũng không hơn gì tiền cũ.

Thú thật với bạn, nhiều khi tôi cũng nghĩ nát óc, vì bây giờ

cái gì cũng đắt đỏ không thể tưởng được.

Bạn ơi ! Sữa bò 27 \$ một hộp rồi, may mắn con tôi đang chán sữa bò chỉ thích sữa mẹ thôi.

Nghĩ nhiều cũng đến vậy, còn thêm, chồng nhìn vợ, vợ nhìn chồng rồi hai vợ chồng nhìn con, lòng buồn tủi rạt rào, vì nếu nhà giàu thì có lẽ con tôi sẽ đầy đủ hơn bây giờ, mặc dù chúng tôi lo tròn tròn phận.

Thế cho nên tôi đã đổi buồn thành vui, vui bên chồng, bên con. Một con nuôi nôi, thì hai hay ba đi nữa cũng phải tìm cách nuôi nôi.

Nghèo mà biết an phận, sống trong hạnh phúc do mình tạo ra. Chúng tôi đều không nuôi ước vọng cao xa quá, ngày qua ngày...

Mặc ngày mai muốn ra sao thì ra. Chắc gì đã như vậy mãi mãi ?



bản khoản thế hệ chúng mình

★ NGUYỄN KHÔI MINH
(Cựu học-sinh Chu-văn-An)

AI mà không có một điều mơ ước ?

Tôi vẫn có tham vọng làm chính trị từ bé và phải thú nhận

rằng nó thoát thai từ một phần lớn ở sự hám danh, nhưng cũng ở một phần cái giáo lý của tiền nhân về chí làm trai.

Từ lúc biết mơ mộng ; giấc mộng của tôi đã đầy những cò lọng, cân đai, uy quyền, oai dũng. Nhưng càng lớn, cái giấc mộng làm vua, làm chúa ấy đã dần dần tan vỡ để còn lại những bản khoản trong giấc ngủ, những nỗi băn khoăn muôn đời của một thanh niên trong lúc tiền đồ tồ-quốc điều linh, những bản khoản vĩnh viễn của một thế-hệ thanh niên sau thời bình lửa giữa những tàn tích đau thương, bị ời đang rây rớt. Tôi luôn luôn đi tìm một đam mê cho cuộc đời đơn độc ; nhưng chẳng bao giờ thỏa mãn, đề rồi cuối cùng mệt mỏi trên những lo âu càng ngày càng rõ rệt. Tôi dò dẫm tìm tòi đề khơi cho mình một lý sống cao cả, nhưng những lời giảng giải tối như đêm, cuối cùng chỉ còn cách nhếch mép chán chường hay nhăn nhuc chịu đựng. Cái thế hệ của chúng tôi hay nói gằn là những người tôi quen biết đều mang lấy cái truyền thống cao quý muôn đời của dân tộc Việt-Nam là : chịu đựng mà đến bây giờ tôi thấy nó là cái mằm nô lệ đáng ghét. Tôi ao ước trong thế hệ của chúng tôi sẽ có kẻ nào làm được một cái gì khả dĩ gọi là vĩ đại ; mà nhiều lúc ngẫm nghĩ tôi không biết cái gì đó là cái gì nữa, nhưng tôi linh cảm thấy nó cao cả và bao la vô cùng, để khỏi

tủi nhục cho thế hệ này. Tôi không nói là cái thế hệ đi trước chúng tôi đều hèn kém mà không kỳ vọng ở họ những điều mơ ước thực tế ; nhưng họ đã già rồi, đã chán rồi, cái giòng máu nóng ở họ đã nguội rồi sau bao năm lao khổ và bây giờ là trọng trách của chúng tôi. Chúng tôi nhận lấy cái tiền đồ tồ quốc với những bàn tay run run như chực từ chối, với những con mắt âu lo, như nhìn thấy trước cái thiêng liêng của nó. Trong bọn chúng tôi không có lấy một câu nói quả cảm, một lời cảm ơn thành tâm. Đó là cái tinh thần ý lại đáng phỉ nhổ vẫn còn tiềm tàng trong tâm hồn của chúng tôi, những tâm hồn mà khi trưởng thành trong đơn côi lo sợ chưa hề một lần được giáo hóa. Chúng tôi cũng đã nhiều lần tự hỏi nếu linh hồn quốc gia Việt Nam này mai kia không phải là chúng tôi thì là ai ? Chúng tôi không nhận lãnh nó và làm cho nó một ngày một cao đẹp hơn bằng chính công lao sức lực của chúng tôi thì ý lại cho ai ? Nhưng chúng tôi vẫn cảm thấy khó quá, tối quá, với những nghị lực què quặt, những tâm hồn chưa kịp lớn đã cần cỗi. Số phận chúng tôi là số phận một người dân cây nà từ khi sinh ra đã phải nhận lãnh một miếng đất không màu

mở, lại gặp trời gió bão, trái mùa mà với một cái cây đã hư hao, hoen rỉ thì chán nản lắm.

Sau cái tang đau thương 1954 của thể xác quốc gia Việt Nam, lúc mà trong bọn chúng tôi có kẻ chỉ vừa mới biết viết biết đọc thông quốc ngữ, và vừa đủ sức để mơ hồ tưởng tượng thấy một giò hoa sắp nở, một cái chồi sắp đơm bông. Chúng tôi vô tư đem hết lòng mình để chung vui với những bậc cha mẹ, để hướng về một chân trời mới mẻ để chịu hơn. Thì chính lúc đó cho đến ngày nay ; cái mầm chưa nảy đã tàn, chúng tôi đã phải triển miên trong một bầu không khí khó thở mà một bọn người gọi là dân chủ, độc lập, tự do. Thật là tệ hại hơn cả thời Pháp thuộc, những lính kín, những mật vụ càng khó phân biệt hơn ngày xưa. Thế rồi bọn chúng tôi chỉ biết âm thầm chôn sâu cái tâm tư nặng trĩu mà không biết ngỏ cùng ai. Mỗi người đi sâu vào mỗi ngõ hẹp của giải thoát cá nhân bằng những vui khuây nhiều khi rồ dại.

Ai trách những anh bạn của chúng tôi là du đảng ! Chúng tôi ai cũng là du đảng cả, hễ chống đối là du đảng, bất mãn là du đảng, yêu tổ quốc, tôn giáo cũng là du đảng nốt ! (Học-sinh, sinh viên hôm biểu tình và bị đàn áp

dạo nọ đã bị Chính-phủ Ngô-dinh-Diệm gọi là một bọn du đảng). Họ bày ra những trại giáo hóa, những tù ngục để nhốt chúng tôi mà không tìm kiếm cái mầm mống nó mà cũng không cần nhìn thấy cái tương lai nó. Họ không biết xét lại mình để kịp thời ngăn ngừa đồ võ mà vẫn kiêu xa đi trên cây cầu đã mục, bởi vì cội rễ xấu xa và tham lam đã đủ ăn quá sâu vào đầu óc họ, đã che mắt mặt họ từ lâu rồi. Bây giờ đây, họ gặt lấy cái kết quả thảm khốc mà họ đã gieo trước kia bằng cường quyền. Cái chết của họ chưa đủ để trả nợ chúng tôi. Họ sẽ còn bị lịch sử muôn đời xét đoán, bị lòng người muôn đời nguyên rửa, bị đầu thai kiếp sau thành nô lệ để họ biết những chữ tự do, độc lập, dân chủ nó cao quý và thiêng liêng là dường nào.

Mấy hôm nay các bạn có thấy lòng rạo rực, rộn rã như ngày nào khi sắp mơ hồ thấy hiện ra trước mắt một chân trời quang đãng không ? Chúng ta có thể nào để cho cái mầm sắp đâm bông lại phải héo đi, cái dịp may hiếm có lại trôi theo giòng nước và trùng dương bao la không bao giờ trở lại nữa không. Nếu không khéo lúc này thì rồi cũng thế các bạn ạ !

Chúng ta không nhận cái cơ hội nghìn năm này mà đem hết

sức mình, đem hết lòng mình để tạo cho cái mai tốt đẹp hơn lên thì sẽ chẳng bao giờ nữa cả.

Chính lúc này là lúc chúng ta đem hết bầu nhiệt huyết mà bấy lâu nay cơ hồ như đã nguội lạnh để chan hòa cho xứ sở, tô đẹp cho non sông. Cái độc lập, tự do, hạnh phúc của chúng ta chỉ được tạo nên bởi chính những bàn tay của con cháu Hai-bà-Trung, Trần-Hưng-Đạo, Lê-Lợi, Quang Trung, Nguyễn-Trường-Tộ mới bền vững và lâu dài mà thôi.

Phải phá bỏ tất cả tàn tích suy đồi ngày xưa để lột xác hoàn toàn thành những con người yêu nước tích cực, luôn luôn ý thức được

lòng yêu nước chánh đáng của mình mà hãnh diện vì nó.

Phải tương kế tựu kế dùng những cái bỉ ổi thối tha của cuộc sống rèn luyện cho mình một tinh thần sắt đá, một ý chí cương quyết tiến lên khắc phục trở ngại, gian nguy đóng góp cho tổ quốc thân yêu. Chúng ta không chịu thua ai cả và lần này nhất định thắng các bạn ạ.

Lòng tôi bây giờ đã nhẹ nhõm rồi đấy, vì đã san xẻ được một ít bản khoản chân thành và thâm kín nhất. ★



mồ côi vợ

★ BUI VĂN THU
(KBC 4814)

Đã hai mươi lăm cái xuân xanh, tôi vẫn là một thằng người "cô đơn hoàn toàn" ! Nhìn quanh, ở lứa tuổi này bọn con trai "mồ côi vợ" như tôi chẳng phải là ít ! Thầy mẹ tôi đã bao lần thất vọng khi đem chuyện vợ con bàn

với thằng con trai lớn của người, và chính tôi phải luôn luôn chịu những lời trách móc !

Các bạn đừng vội cho tôi là thằng điên. — Cha mẹ bảo cưới vợ "khoái chí tử" tại sao không bằng lòng.

Xin thưa ! Tôi không phải là thằng điên ! mắt tôi vẫn còn sáng suốt để nhận xét ! Thú thật với các bạn là tôi sợ ! Tôi sợ vì nghi ngờ về giá trị tinh thần của những người con gái đương chạy đua theo đợt sóng hiện sinh, và tôi muốn bắt chước Võ-Sổ kêu to lên rằng : « Hỡi những người con gái của xứ bạc tiền và bằng cấp kia ơi ! ta xin giã từ các người » và tôi đã giã từ thật !

Đáng lo cho bọn con trai của chúng mình lắm các bạn ạ ! Nếu các bạn là độc giả trung thành của Phở-Thông, đã từng theo dõi trang « Tiếng nói của gái và trai thế hệ », các bạn sẽ rõ bộ mặt thật của các cô !

Các cô gái thời nay họ khôn ranh và quỷ quyết lắm ; người yêu họ xếp vào không biết mấy hạng : « écrit, oral, phụ diễn, dự bị, Service militaire » vân vân và vân vân. Tôi thăm nghĩ thời buổi bây giờ thứ ấy gạc xuống sông cũng chả hết ! Vốn là một thằng con trai « hoài cổ » nên gặp mười cô tôi đã thất vọng đến cả chín, mười cô vì điệu bộ kịch cớm, làm dáng ta đây là tài tử danh ca, rất muốn lấy chồng mà thái độ lại ngông nghênh kiêu cách : cô thì tuy con nhà quyền quý nhưng tâm hồn thì rỗng tuếch, cô thì nhạt

nhẽo, vô duyên, động nói rõ rõ như tướng giặc ; may đâu một vài cô hiền lành ngoan ngoãn lại kiêu cách nghĩa là không biết ai đáng trọng đáng tôn ! Lại còn cái loại con gái huỳnh huých như voi, suồng sã như đàn ông, ra phố ngông nghênh mặc quần ống túm, mặc áo hở ngực lại bó sát da, không quên độn thêm « đôi vú tân thời » để làm mỗi rung tim các cậu.

Tôi thấy thế mà lo sợ cho tương lai bọn chúng mình ; chưa biết chừng vô phúc gặp một cô vợ như thế thì ôi thôi, đời xem như xuống dốc, hết cả hạnh phúc hằng mơ ước ! các bạn cũng như tôi ai mà chả biết xã hội chúng ta đương sống là một xã-hội kim tiền ; nhất là với những cô gái ở thành thị đầy cám dỗ, giá trị tinh thần mỗi ngày một giảm và nền luân lý cổ truyền của người dân bà Á-Đông hầu như bị bóp méo. Tìm cho được một người bạn lý tưởng âu không phải là dễ !

Giữa cái thế kỷ này, các bạn có phí công thấp đuốc đi tìm cũng không thấy được một cô gái ngập ngừng bên chiếc nón bài thơ với tất cả vẻ thẹn thùng của công, ngon, dung, hạnh ! Nhan nhân ngoài phố, trong sân trường, toàn những cô đầm lai, tóc uốn kiêu Pier Angeli, mắt cười Ca-

lypso, miệng hát cha-cha-cha, chân nhảy mambo ; ăn mặc như bà hoàng, người yêu mà họ ôm ấp phải là một chàng trai giàu, biết nhảy, biết hát, biết mang giày Chicago, biết hót tóc kiểu Jean Dean hay hót trọc như Yul Brynner hoặc để che vầng trán như Kennedy lại phải đẹp trai như chàng hoàng tử của xứ « Nghìn lẻ một đêm » rồi họ còn đòi ở chàng một bộ râu của Clark Gable Errol-Flyn hoặc Charlot hay ít nhất cũng có được cái lưng của Marlon Brando ; phải có nhiều tiền giải quyết mọi nhu cầu thiết về vật chất cho họ.

Trời ! chúng mình là con trai làm sao hiểu nổi các chị ! Đàn bà họ phức tạp như bức tranh lập thể của Picasso !

Thế mà tôi vẫn nuôi hy vọng đi giữa lòng thế kỷ này để tìm một hình bóng lý tưởng : một mái tóc chưa bao giờ làm quen với hơi điện ; một cặp mắt chân thành chỉ biết nhìn thẳng và nói thật, một chiếc áo dài trinh bạch đủ che lấp những đường cong...

Tuy còn ở trong cuộc sống nhà binh với trách nhiệm nặng nề của một tân binh quân dịch, song tôi đã phác họa trong tâm khảm một hình ảnh đơn sơ, một tính tình giản dị của người bạn trăm năm.

Vợ tôi phải là một cô gái bậc trung, trắng trẻo và hiền hậu, tính tình thủy mị, dịu dàng và nhân đức, ít nhất phải có đủ sức

khỏe ; không cần đẹp, chỉ cần làm thế nào cho tôi yêu và không tiếc nụ cười với tôi ! Lại phải nhẹ nhàng êm ái, không cáu kỉnh, không làm dữ trong nhà. Tôi ước mơ được nâng niu những bàn tay nhỏ và xinh, những ngón tay mà người đàn bà thông minh dịu dàng có mái tóc dài óng ả ; vợ tôi phải là người hiểu tôi hơn hết, phải biết nói năng lễ độ, ăn nói thủy chung, không trọng tiền tài, không bủn xỉn keo kiệt, cũng không hoang phí. Tôi sẽ để nhiều thì giờ chỉ bảo và dạy dỗ vợ tôi.

Tóm lại, vợ tôi phải là người con gái không cần phải quá đẹp, không cần giàu sang. Tôi chỉ cần một người vợ đơn sơ, dịu dàng, học thức tạm đủ để biết được những ý thích của chồng — một người vợ biết yêu chồng trọn vẹn, hiểu rõ bản phận của mình. Người vợ ấy không cần như vợ của ông Tú, nâng niu chịu chuộc và sẵn sóc chồng từ ly từ tử ; đêm nào cũng nung nấu mình hỡi, mình ơi ! mà chỉ cần giúp chồng yên lòng về công việc nhà để đem sức ra tranh đấu với đời, góp phần lớn vào công việc xây dựng quốc gia, duy trì gia đình bé nhỏ ; nói một cách khác — vợ tôi phải hoàn toàn như ý nghĩ của tôi !

Tôi đã để ý đi tìm và tìm mãi không ra, đành phải âm thầm kéo dài kiếp sống cô đơn của một thằng « mồ côi vợ » với những đêm **trống trải lạnh lùng !**

cảnh hoa bạc phước

★ D.T. (Saigon)

Nàng là kẻ tâm thường trong nhân thế
Với tấm thân nhỏ bé chốn chợ đời
Như chiếc thuyền lạc lõng giữa bể khơi
Như giọt nước trong bầu trời mưa gió.

Nàng chỉ muốn được làm thân cây cỏ,
Đứng giữa trời mà đón gió muôn phương
Khỏi đa mang một số kiếp đoạn trường
Khỏi sầu tủi vì thua hương, kém sắc.

Nàng suy nghĩ, rồi... tìm nàng quặn thắt,
Oán cao xanh sao nở quá cơ cầu.
Đề mắt nàng không là mắt bồ câu
Và mái tóc chẳng như giòng suối chảy

Mỗi buổi chiều khi hoàng hôn run rẩy
Ngồi đắm chiêu nàng nghĩ tới cuộc đời
« Đóa hoa rừng theo năm tháng dần trôi
Sẽ tàn héo trong hững hờ quên lãng ».

Mua xuân đến bao nụ cười thỏa mãn
Nở trên môi các thiếu nữ diễm kiều
Họ vô tình say mộng đắm hương yêu,
Nàng tủi phận, đề lệ trào dâng mí.

Cao xanh hỏi ngài thấu cho chăng nhỉ ?
Một tâm hồn đang đau khổ vì đâu ?
Đâu quyền năng ? đâu phép thuật nhiệm màu
Giúp nàng có một dung nhan diễm lệ.

Nhưng nàng vẫn cam sầu đau lặng lẽ...
Sống thiệt thòi cho trọn kiếp trần ai.
Số vô duyên chẳng được vẻ trang đài
Ôi ! thương xót một CẢNH HOA BẠC PHƯỚC.



CUỘC ĐỜI trong tấm kính chiếu hậu

★ Trọng - Tấn

(Tiếp theo P.T. 118)

X.—Ở ĐỜI ANH CHẲNG SỢ AI !

KHỉ người ta đang yêu nhau
tha thiết, thì ở xung quanh ta
thiên hạ đều như chết hết cả.
Tôi thường nghĩ như vậy, và
điều này có đúng hay không, nếu
có dịp xin mời quý bạn hãy thử
quan sát một vài trường hợp
« yêu nhau » cho biết.

Tôi đã từng là « người vô
hình » trước hai kẻ đang yêu
nhau, mặc dầu xác thân tôi vẫn
còn lù lù ngồi ở băng trước

để làm anh tài xế Tắc-xi chở
khách. Than ôi ! Người ta đã
coi tôi như không có mặt ở trên
cái cõi đời này (nói theo kiểu
Hoàng-Hải-Thủy). Người ta
tưởng chừng như người ta đang
ngồi tri-kỷ, lâm ly với nhau trên
một chiếc xe hơi di chuyển tự
động, không người lái. Người
ta ấy — hai « người ta » ấy —
là một cặp tình nhân trẻ đang ở
tuổi bắt đầu yêu. Họ yêu nhau
trên xe tôi (xin những ai có tà-ý
đừng hiểu lệch-lạc danh từ này)
vào một buổi tối, trời trở lạnh,
khoảng 22 giờ năm 1948.

Chàng là một thanh niên vạm

võ, đẹp trai, thích nói nhiều và nói toàn những chuyện về mình cả. Nàng là một cô gái ngây thơ ít nói, con nhà lành, chỉ biết nghe và biết thần phục.

Nếu quả đúng như lời chàng nói, thì chàng thật là xứng đáng mang dòng máu anh hùng bất khuất của dân-tộc. Nghe chàng kể lại tất cả những thành tích tranh đấu của mình, chính bản thân tôi, tôi cũng đâm ra tự thẹn.

Chàng bảo nàng :

— Tính anh không thích khoe khoang, bởi vậy tất cả những gì anh đã làm được cho dân-tộc, anh chẳng bao giờ thêm nói ra. Anh muốn nhường cái quyền nói ấy cho các nhà làm Sử sau này. Dầu muốn dầu không thì tên anh cũng phải đi vào lịch-sử tranh đấu của dân-tộc.

Nàng khấp nép ngả đầu vào vai chàng âu yếm, nhưng không nói gì cả. Chàng lại tiếp lời :

— Chính anh là người đã chỉ huy trận tấn công đầu tiên ở cầu Thị Nghè để chống lại bọn thực dân Pháp hồi cuối năm 1945. Lúc ấy anh chỉ vòn vện trong tay một tiểu đội với những khí giới hết sức thô sơ. Ấy thế mà nhờ can đảm có thừa, anh đã đánh tan cả một Tiểu Đoàn của quân đội Viễn chinh Pháp.

Nàng khờ khạo hỏi :

— Một tiểu đoàn bao nhiêu người hả anh ?

Chàng đáp :

— Nhiều lắm ! Nhiều lắm ! Có đến vài ba ngàn người.

Nàng le lưỡi, choàng tay qua người chàng, ghì chặt vào lòng. Chàng vẫn cứ tiếp tục đều đều kể :

— Sau trận đó là trận đốt kho đạn. Em có nghe nói cái vụ « đốt kho đạn » không ?

— Có !

— Ấy đấy ! Chính anh là kẻ chủ mưu trong vụ đó. Lẽ ra thì giờ này anh chẳng còn được ở đây để tri kỷ với em...

Nàng ngắt lời chàng :

— Tại sao vậy anh ?

— Là vì chính anh tình nguyện xông vào kho đạn tầm đầu trên người và tự châm lửa đốt mình, hầu phá hủy kho đạn của địch.

Nàng hỏi :

— Thế sao anh còn sống tới ngày nay ?

Chàng đáp :

— Ấy thế mới nói. Số là vì, thua đó anh chỉ huy tài quá. Mà em nên nhớ rằng, trong binh pháp, người chỉ huy cần vô cùng. Người chỉ huy cần phải sống để

điều khiển chứ. Mất người điều khiển thì đạo quân có khác chi con rắn không đầu. Em không thấy Lê-Lai đã liều mình cứu chúa hay sao ? Bắc-Bình-Vương, đâu phải là người tham sinh úy tử. Có điều ngài cần phải sống để lo cho đại cuộc nên đành gạt nước mắt mà hy sinh một con cờ là Lê Lai.

— Ghê quá anh nhỉ — Nàng nói.

Chàng lại tiếp :

— Trường hợp của anh cũng vậy. Anh cần phải sống để chỉ huy các trận đánh. Bởi vậy có một kẻ khác đã tình nguyện hy sinh thay anh.

Để điểm cho câu chuyện thêm phần thi vị, chàng đã hôn nàng một cái. Nàng mê, có lẽ vì tự hào có được một anh nhân tình oai dũng. Câu hỏi đột ngột của tôi khiến hai người giật mình trở về thực tại :

— Hai cô cậu đi về đường nào ?

Chàng chặc lưỡi :

— Anh đi đâu cũng được. Ra mấy chỗ đường vắng cho đỡ tránh xe đi anh !

Đây là lần thứ hai trong đời làm tài xế Tắc-xi, tôi được khách cho phép muốn lái đi đâu thì lái.

Lần thứ nhất là chị bán mắm mê cái-lương người Châu-Đốc, và lần này là một cặp trai gái mê « mùi ». Tôi lái xe chạy về phía nhà Bè, trong khi đó hai kẻ yêu nhau lại « chìm sâu trong quên lãng » cái anh tài xế cao một thước bảy.

Chàng thanh niên vẫn không ngớt kể chuyện kháng giặc :

— Có một lần chính anh đã đích thân lên về Saigon để thiết lập một cơ cấu hoạt động bí mật trong thành. Tiếc thay, lần đó anh bị công an liên bang bắt sống. Anh bị tra tấn vô cùng dã man. Anh bị đưa đi hết cơ quan nọ đến cơ quan kia để địch khai thác. Chúng cho anh đi máy bay, quay điện, cho uống cả chục thùng nước.

Nàng le lưỡi :

— Eo ôi ! Thế mà anh chịu nổi à ?

— Phải chịu nổi chứ ! Anh cần phải nêu gương sáng cho bọn dưới thấy rõ chứ ! Em biết không, mặc dầu phải chịu đựng tất cả mọi cực hình như vậy, nhưng anh cương quyết không khai bất cứ một ai. Cả đến những người cùng bị bắt với anh cũng vậy, anh vẫn cứ chối là không biết họ nên họ được thả hết.

— Chắc họ cảm phục anh ghê lắm nhỉ !

— Dĩ nhiên, họ coi anh như một chiến sĩ can trường vào bậc nhất. Sau này bọn phòng-nhì của Pháp bắt anh làm « bao bố » để nhìn mặt những người bị bắt khác, nhưng vô ích. Anh chỉ toàn lắc đầu và bảo chúng rằng anh không hề quen biết với các người bị bắt đó. Chúng giận quá, lại đem anh ra tra khảo lần thứ hai. Chúng đánh anh chết lên chết xuống. Và trong khi bị nhốt ở bốt Ca-ti-na, anh đã liều lĩnh vượt ngục trốn ra bụng đề tiếp tục hoạt động kháng địch. Ở đời anh chẳng sợ ai !

Nàng mơ màng nhìn chàng :

— Thế rồi tại sao anh lại về thành ?

Chàng đáp :

— Sau khi bọn Cộng-Sản đề ròi mặt nạ, anh mới tức giận trở về thành để tham gia công cuộc chống Cộng. Anh bắt đầu hoạt động chính trị từ đó. Anh làm Cố vấn cho Tư Cốc và hoạt động thường trực tại một trụ sở đặt gần lò heo Chánh-Hưng. Nhưng rồi, vì tình trạng khắt khe của nước nhà, anh cảm thấy đường lối chính trị khôn khéo nhất là phải len lỏi vào hàng ngũ địch để tìm cách cầm chân địch. Anh

bèn xin vào làm *séc-dăng-anh-téc-pờ-rét* cho phòng nhì của Pháp. Nhờ làm ở đó, anh đã cứu giúp được không biết bao nhiêu anh em kháng chiến không Cộng Sản.

— Thế sao anh lại không làm cho tụi nó nữa ?

Chàng im lặng khá lâu rồi mới nói :

— À, tại vì bọn nó đuổi anh. Bởi có nhiều đơn của bọn Việt gian tố cáo với thẳng xếp phòng Nhì là anh cố tình che chở cho kháng chiến, tìm cách thả quá nhiều kháng chiến, nên chúng bắt giam anh. Cũng may mà anh trả lời khôn khéo nên chúng không có cơ gì để buộc tội anh cả. Tuy nhiên, chúng cũng bắt đầu nghi ngờ anh và cho anh nghĩ việc luôn. Ấy thế mà còn có kẻ xấu mồm xấu miệng dám bảo anh là vì ăn tiền nhiều quá nên bị đuổi, em bảo thế có tức không ?

Nàng an ủi chàng :

— Ôi chao, chuyện đời hơi đâu mà nói cho mệt, anh !

Xe tôi chạy tới nửa đường đi Nhà Bè. Chàng thanh niên bỗng bảo tôi :

— Bác ngừng đây đi cho chúng tôi xuống ngồi chơi một lát cho mát.

Tôi đậu xe ngay cạnh lề đường để cho đôi uyên ương này xuống. Họ ngồi ngay trên bờ cỏ phía phải lề đường ngay bên hông xe tôi. Thật là tiện lợi và kín đáo. Chỉ phiền cho tôi, một anh chàng xưa nay cũng quen thềm « ái tình lẻ ». Còn gì đau khổ cho bằng phải ngồi đây, nghe tiếng đồng hồ Tắc-xi nhẩy tích-tắc, và chứng kiến cảnh yêu đương nồng thắm của một gã con trai không phải là mình. Tôi ngả lưng trên ghế tựa lim dim đôi mắt để khỏi phải nhìn thấy cái cảnh yêu đương của kẻ khác. Nhưng rồi tai tôi vẫn cứ phải nghe những tiếng tâm tình rủ-rỉ rừ-rì cùng những tiếng thở dài não nuột. Giận quá, tôi tính đòi tiền xe hai người rồi lái xe không về, bỏ rơi những kẻ không biết điều này ở lại. Dù sao thì tôi cũng còn một chút lương tâm cho nên tôi đành cắn răng hy sinh. Thôi thì mình « khổ tâm » để cho kẻ khác được mát lòng mát dạ, âu cũng là một lối đi tìm hạnh phúc theo kiểu cao thượng vậy.

Họ nói chuyện với nhau mãi mê quá đến quên cả giờ về. Sương xuống nhiều, trong xe tôi còn thấy run, ấy thế mà không hiểu tại sao hai người ngồi bên

ngoài vẫn không thấy lạnh. Còn đang rạo rức với những cảm giác bút rút trong đầu, tôi bỗng nghe thấy có tiếng quát to ở phía sau xe tôi :

— Con này to gan thật ! Trốn nhà đi chơi với trai hả ? Có về ngay không ?

Đang ngồi lâm ly với người yêu, chàng thanh niên giật mình đứng phắt dậy chạy một mạch biến dạng trong đồng vắng. Người thiếu nữ cũng hốt hoảng đứng dậy, nhưng khi nhìn thấy rõ cái người đi xe máy vừa thốt ra lời quát đó, nàng bỗng tỏ dấu bức mình. Nàng sùng sộ :

— Ông là ai mà lại có quyền la tôi ?

Sau khi nhìn rõ mặt cô gái, anh chàng đi xe máy vội vàng lúng túng đáp :

— Ấy chết, xin lỗi cô, tôi cứ tưởng đâu là con em gái tôi.

Nói vừa dứt câu, chàng vội leo lên xe máy đi một nước.

Người thiếu nữ chờ mãi không thấy chàng thanh niên trở lại, buồn bã bước lên xe tôi để về Saigon, miệng lầm bầm :

— Thế mà cũng lên mặt anh hùng gan dạ !

(còn tiếp)

PAULING

GIẢI THƯỞNG NOBEL HÒA - BÌNH

★ Thiếu-Sơn

NHÀ bác-học Bửu-Hội đã bị quốc-dân lên án nghiêm-khắc vì ông đã bán rẻ lương-tâm và làm những chuyện xấu xa đê-tiện. Nhưng ngay trong địa hạt khoa-học ông cũng chưa xứng đáng mang danh bác-học trong khi thế-giới đã sản-xuất được những nhà bác học đại danh đưa nhân loại tới một trình-độ khoa-học tiên-bộ vượt bậc như trình-độ của hậu-bán thế-kỷ XX này.

Nhưng khoa-học càng tiên-bộ thì những nhà khoa-học trên thế-giới càng thấy rõ trách-nhiệm của mình và càng thấy lương tâm bị cắn rứt.

Họ đã khám phá ra bí-mật nguyên-tử, họ đã góp công chế tạo những vũ-khí nguyên tử mạnh-mẽ vô cùng thì họ càng lo sợ rằng những vũ khí đó sẽ được dùng đến để tận diệt loài người.

Vì thế mà họ đã đoàn kết với nhau để tranh-đấu bảo vệ hòa-bình, cấm thí-nghiệm nguyên-tử và cấm chế tạo vũ khí nguyên-tử.

Những nhà bác học Mỹ, Nga đã từng làm cho những nhà

cầm quyền Nga, Mỹ phải nghe lời cảnh-cáo của họ mà mau chấm dứt một cuộc thi-đua vũ-trang nguyên-tử nguy-hiêm và tai hại vô-cùng.

Cuộc vận-động của các nhà bác học đã ảnh hưởng rất nhiều đến thỏa ước cấm thí-nghiệm nguyên-tử năm rồi.

Tôi sẽ có dịp nói tới cuộc vận-động này.

Hôm nay tôi chỉ nói tới nhà Bác-Học Mỹ Linus Pauling được giải-thưởng Nobel Hòa-Bình vì ông là một điển-hình xứng-đáng.

Trước đây nhà bác-học Pauling đã được giải-thưởng Nobel về Hóa-học. Nhưng giải-thưởng này chỉ là một điểm cao nhất cho những công-trình phát-minh về hóa-học của ông. Ông còn có một sự-nghiệp cao cả hơn nữa là sự-nghiệp bảo-vệ sự sống và hòa-bình cho nhân-loại.

Từ năm 1946 ông luôn luôn hoạt-động chống thí-nghiệm vũ-khí nguyên-tử, chống phổ-biến loại vũ-khí này và chống chiến-tranh dùng làm phương tiện để giải-quyết những tranh-chấp quốc-tê.

Ông biết rõ hơn ai hết sức phá-hoại ngấm-ngấm của phóng xạ nguyên-tử. Mới đây, chính ông đã tuyên-bố ở Thụy Điển là sẽ có 1.600.000 hài-

nhi sắp chào đời mắc bệnh thần-kinh hay bất thành nhân-dạng vì chất phóng-xạ của những cuộc thí-nghiệm nguyên-tử trước đây.

Cũng may mà Hiệp-định ngưng thí-nghiệm đã được ký-kết nếu không thì tự tàn-phá của phóng-xạ sẽ còn tiếp-tục và tăng gia tới mức độ khủng-khiếp hơn nữa.

Theo Bác-sĩ Gunnar Jahn, chủ-tịch Ủy-Ban giải-thưởng Nobel, thì chính nhà Bác-học Pauling đã đóng góp rất nhiều vào Hiệp-định nói trên. Bác-sĩ Gunnar Jahn nói:

«Không ai muốn hiểu rằng hiệp-định cấm vũ-khí nguyên-tử là công-trình của Pauling, nhưng có ai nghĩ rằng hiệp-định này ký được nếu không có nhà bác-học luôn luôn giải-thích cho các nhà cầm-quyền và công-chúng hiểu mối đe-dọa thực-sự của những cuộc thí-nghiệm nguyên tử».

★

Chính nhà bác-học Pauling cũng không dám nghĩ rằng Hiệp-định cấm thí-nghiệm nguyên-tử là công-trình của ông. Nhưng chắc-chắn là ông đã sung-sướng nhận lãnh giải thưởng Nobel Hòa-bình, vì ông và các bạn của ông đã đóng góp phần mình vào Hiệp-định nói trên.

★ ●

nguyện

★ TRÚC-LINH
(Gia-đình Phật-tử Huế)

Bạch Thế-Tôn, lạy Ngài con khẩn nguyện
Cho đời con dứt sạch nghiệp si-mê
Bỏ tham, sân con tự giác xin về
Nương bến Giác, theo thuyền Từ muôn thuở.
Bạch Thế-Tôn, trước Hào-Quang rạng-rỡ
Con cúi đầu xin phát nguyện Quy-Y
Cầu ân chư Phật giáng Pháp hộ trì
Cho tan biến hận tình* cùng diên đại.
Bạch Thế-Tôn, hương Từ Bi lan mãi
Vượt thời gian, hòa lẫn với hư không
Vượt không gian, gieo rắc đến tận lòng
Khuyên xa tục, đến nương thuyền Phật-Pháp.
Bạch Thế-Tôn, con mừng lòng ấm-áp
Vì phàm-trần sưởi được Tuệ oai linh
Chiếu sáng đường cho tất cả chúng sinh
Đang lặn-lội, vẫy vùng trong bóng tối.
Bạch Thế-Tôn, đời trần đầy giả-dối
Tình, tẻn, quyền ràng buộc khách đau thương
Hoa Vĩ-Tha mong nở khắp nẻo đường
Hương Bác-Ái bay cùng toàn vũ-trụ.
Bạch Thế-Tôn, vì Vô-Minh ắp-ủ
Con đã gây tội-lỗi đến quá đầy
Tiếng náo-nùng than oán tận đầu dây
Nghe thoang thoảng, lòng con bầm tơi tả.
Bạch Thế-Tôn, cúi đầu con lạy tạ
Trước Phật-Đài con sám nguyện từ đây
Bỏ hết đi bao tội-lỗi mang đầy
Cho bao kẻ phải sầu gai, hận mật.
Bạch Thế-Tôn, con xin tìm lẽ thật
Những huyền linh của nếp sống thiêng-liêng.
Mong ngày mai ra khỏi cảnh xích-xiêng
Xin được đến yên vui miền Cực-Lạc.

14-11-63

thức thêm một giờ nữa

★ MINH-ĐỨC
(Trong Tao-Đàn Bạch-Nga)

Thức thêm một giờ nữa.
Viết thư gửi cho em
Xin anh hãy thức một giờ thêm nữa
Dầu trời khuya run rẩy bước trăng êm
Dầu tinh thần mỗi mệ
Dầu thân thể rã rời
Dầu bút mực sắp báo tin cạn hết
Dầu bên ngoài cô độc tiếng sương rơi
Một giờ nữa mà thôi
Một giờ nữa anh ơi
Mấy trang thư nhỏ bé
Mà sưởi lòng ai tận cuối trời
Anh có nghe chăng
Giọng em nài nỉ
Anh có thương chăng
Lời em vang ví
Thức với em đi anh
Thức nghe tình long lanh
Của bầu sao cuồn đại
Xé rách màn đêm nói chuyện đôi mình
Anh có tin rằng thời gian
Sẽ xóa mờ trang kỷ niệm
Anh có tin rằng không gian
Sẽ chôn vùi bao âu yếm
Anh có cho rằng lang thang
Thì tâm tư vơi xao xuyến
Thì hai người quên lưu luyến
Thì mộng tưởng sẽ phai dần
Và lòng ai thôi băng Khuâng !!!
Phải chăng anh:
Thư không đến nghĩa là tình đã chết
Tình chôn đầu xin hãy bảo giùm em
Thư thừa đến nghĩa là tình sắp hết
Tình hết rồi năm tháng dậy mầu đêm !!!

Paris, 10-63



TIẾNG SÁO RỪNG SÂU

★ Anton Tchekhov ● Vũ-minh-Thiều dịch

AUTON Tchekhov sinh năm 1860 tại thành Tangarog hải cảng của biển Azov và gần miền đồng hoang. Cha buôn thực phẩm, ông nội trước là nô lệ, sau chuộc lại được tự do cho mình và cả gia đình.

Tuổi niên thiếu của ông rất vất vả. Buôn bán được ít năm, ông thân bị phá sản, cả gia đình dời lên ở Mạc-tư-khoa, trong một cảnh thật cơ cực. Ông ở lại Tangarog học ban trung học, cũng nhờ sự giúp đỡ của một người chủ và tiền dạy học thêm. Mấy năm sau, ông về Mạc-tư-khoa với gia đình theo học đại học Y-khoa. Trong những năm ở đại học, ông viết các truyện ngắn đầu tay, đăng trong mấy tạp chí trào phúng. Năm 1888, với truyện « Đồng hoang » ông nổi danh. Tiếp theo là các truyện ngắn và kịch, như « Ngọn lửa », « Cuộc khủng hoảng », « Ivanov », « Câu chuyện buồn rầu ». Hàn lâm viện Nga tặng ông giải thưởng Pouchkine. Tác phẩm của ông gồm nhiều truyện ngắn và kịch, đáng kể nhất là « Phòng số 6 », « Người dân quê », « Chuyện một người xa lạ », « Tu sĩ áo đen », « Ba năm », « Ariadna », « Dưới hồ », « Vị tu sĩ », « Chàng sinh viên », « Con chim hải âu ».

Với Tchekhov, cũng như với Nietzsche hay Block, nghệ thuật tuyệt vời nhất là âm nhạc. Block ghi trong « Cuốn sổ tay » của ông : « Tới giới hạn của nó, thi ca sẽ chìm đắm trong âm nhạc », giảng

TIẾNG SÁO RỪNG SÂU

giải rộng thêm câu của Wagner : « Tác phẩm hoàn toàn nhất là tác phẩm nào giống một bản nhạc hoàn mỹ. » Quan niệm đó cũng là quan niệm của Tchekhov.

Lòng ái mộ âm nhạc đó không phải chỉ thụ động thôi. Âm nhạc luôn luôn hiện trong tác phẩm của ông. Trong những truyện ngắn của Tchekhov, âm nhạc đi liền với phong cảnh, như trong truyện dưới đây : « Sau những cây phong, có ai thổi sáo, thứ sáo của mục đồng, chế tạo một cách thô sơ... », « ... tiếng sáo thoát ra ngập ngừng, hỗn độn, không hợp thành một nhạc đề nào. Những âm điệu cao vút, run rẩy rồi tắt hẳn, tưởng như than khóc... » Âm nhạc nhẹ nhàng hòa nhịp với lời than vãn của viên quản lý về đời sống cơ cực, cảnh nghèo nàn, về cuộc tận thế, sắp tới và không tránh được về cái thế giới ô trọc này. « Tám đứa trẻ, một vợ, mẹ già còn sống... »

CHÀNG Mê-linh-Tôn, quản lý đồn điền Đê-minh, đeo súng trên vai, mạng nhện và gai bám đầy người, đang tìm đường ra ven rừng vì mùi nặng nề của rừng rậm làm chàng ngột ngạt.

Con chó Đam-ka của chàng, một con chó lai, gầy guộc quá, bụng xệ, cụp đuôi ướt, cố gắng đi sợ mồm đầm xuống đất. Buổi sáng hôm đó, trời xấu u ám. Từ ngọn những cây cao có sương nhẹ bao phủ rơi tí tách xuống những giọt sương lớn ; ở những lùm cây nhỏ ẩm ướt bốc lên một hơi nồng nặc của cành lá ứa nát.

Phía trước, bên ven rừng, sừng sững những cây phong,

qua thân cây và cành lá, người ta trông thấy những vùng xa xăm chìm đắm trong màn sương. Sau những cây phong, như có người nào thổi sáo, thứ sáo của miền quê, do tự họ chế tạo ra. Y chỉ dùng năm hay sáu âm hiệu, thổi kéo dài, uể oải, chẳng cần hợp lại thành một nhạc đề nào, mặc dầu tiếng sáo như chứa đựng điều gì chua chát, chiu nặng lòng sầu xứ.

Khi rừng rậm bừng sáng, giữa những cây rừng bách lộ ra những cây phong nhỏ thì cũng lúc này người ta thấy hiện ra cả đàn gia súc, nào ngựa buộc vào các thân cây, bò cái và dê lang thang ở giữa khoảng trống

những cây nhỏ, vừa ăn lá cây, vừa đánh hơi ngửi cỏ dưới các lùm cây. Ở ngay ven rừng, một ông già chần gia súc dựa lưng vào thân một cây phong ẩm ướt. Thân hình lão gầy đét, mặc một chiếc áo khoác dài rách bằng len, đầu để trần. Lão nhìn xuống đất, mãi suy nghĩ điều gì, thối sáo như máy móc cử động:

Với giọng yếu ớt, khàn khàn, không hợp với thân hình cao lớn và khuôn mặt to béo, Mê-linh-Tôn gọi ông già:

— Chào ông già! Thượng đế phù hộ cho ông! Ông thối sáo hay quá, ông có biết không? Đàn gia súc của ai thế ông?

Ông già như tiếc rẻ điều gì, vừa trả lời vừa cắt chiếc sáo vào trong áo.

— Của A-ta-mô-nô đó.

Mê-linh-Tôn nhìn xung quanh và hỏi:

— Thế khu rừng này cũng của A-ta-mô-nô sao? Ồ, chắc là đúng rồi. Suýt nữa tôi lạc đây. Tôi bị gai móc rách cả áo.

Ngài ngồi xếp xuống đất ẩm ướt, quấn thuốc lá bằng giấy báo.

Cũng như giọng nói, tất cả

ở Mê-linh-Tôn đều nhỏ bé và không đi đôi với thân hình cao, béo với khuôn mặt húp híp của chàng, cả đến nụ cười, cặp mắt, bộ khuy, chiếc mũ cát-két chênh vênh trên cái đầu to tóc cắt ngắn của chàng. Khi chàng nói và cười, bộ mặt cạo nhẵn, húp híp và cả người chàng đều lộ ra một vẻ đàn bà, bên lên, nhút nhát và tí tiện nữa.

Chàng lắc đầu nói:

— À! Thời tiết mới lạ sao! Mong thượng đế hãy giúp ta. Chưa gặt được lúa mạch, trời đã mưa! Thật quá quất!

Ông già nhìn trời đang mưa bay, khu rừng, quần áo ướt của viên quản lý, suy nghĩ và không nói gì.

Mê-linh-Tôn thở dài:

— Tất cả mùa hạ đều như thế... Với nông dân thật tồi tệ, với chủ cũng chẳng vui gì.

Ông già lại nhìn trời, suy nghĩ và nói chậm rãi như nhai đi nhai lại từng lời nói:

— Việc gì cũng xuống dốc. Chẳng có gì may mắn chờ đợi.

Mê-linh-Tôn châm điếu thuốc và hỏi:

— Về phần ông ra sao? Ông có mấy ổ trứng gà rừng trong khu này?

Ông già không trả lời ngay. Ông lại nhìn trời, nhìn phía này phía nọ, suy nghĩ và mắt chớp luôn... Trông qua cũng biết ông rất quan tâm đến lời nói của mình và muốn đề tăng giá trị, ông nói dần từng tiếng cho thêm trịnh trọng. Với vẻ mặt khôn ngoan, nghiêm nghị của các ông già, hơn nữa với cái mũi hình yên ngựa, lỗ mũi huếch, ông lại có bộ điệu tinh quái, ngạo nghễ.

Ông nói:

— Không! Tôi không trông thấy ổ nào. Gã liệt hộ Ê-danh-ca cho tôi biết y có nhặt được một ổ trong ngày lễ thánh Ê-Li ở gần Bô-tô-chi nhưng chắc hẳn nói bậy. Chim muông ít quá mà!

— Phải, ít lắm... Ở đâu cũng vậy, ít lắm. Xét cho kỹ, săn bắn bây giờ chẳng mang lại kết quả gì. Đâu còn có muông thú, mà giá có cũng chẳng đáng nhặt. Nhỏ quá thêm phát ngượng!

Mê-linh-Tôn mỉm cười, vẻ thành thạo, hất tay tỏ ra chán ngán:

— Việc xảy ra trên trái đất chỉ đáng cười, chẳng hơn gì cả? Chim muông vào thời này ấp trứng cũng muộn màng. Đến lễ

thánh Pi-e có con còn trên ổ. Đúng thế đó.

Ông già ngừng đầu lên và nói:

— Tất cả đều xuống dốc. Năm ngoái đã ít thú, năm nay lại ít hơn nữa, bốn năm năm nữa, tôi chắc rằng chẳng còn gì cả. Tôi thấy rồi muông thú chẳng còn.

Mê-linh-Tôn nghĩ ngợi:

— Phải, đúng thế.

Ông già mỉm cười, chua chát và lắc đầu:

— Thật lạ! Vậy chúng đi đâu cả? Cách đây hai mươi năm tôi còn nhớ ở đây có ngỗng, hạc, vịt trời, gà rừng, đếm sao cho hết. Khi các chủ nhân đi săn, ta chỉ nghe thấy: dùng, dùng, dùng, dùng! Nào rẻ, chim mỏ nhác, còn biết bao nhiêu nữa, lại le le đông đặc như chim sẻ đá, hay nói vắn tắt, như sẻ thường, muốn bắn bao nhiêu cũng có! Vậy chúng đi đâu? Cả những con tôi tàn cũng chẳng còn. Điều hâu, ưng, cú đều biến mất...

Thú cũng chẳng còn. Bây giờ chó sói, cáo là vật hiếm, chưa nói tới gấu, rái cá. Trước có cả nai lớn. Đã bốn mươi năm nay, hàng năm tôi quan sát những

việc xảy ra và tôi thấy mọi việc đều xuống dốc.

— Xuống dốc nào?

— Đến chỗ tôi tệ. Cần phải nghĩ tới lúc tận thế...

Ông già đội mũ và nhìn trời. Sau một lúc yên lặng ông thở dài:

— Tiếc thay! Trời ơi! Tiếc thay! Cố nhiên là do sự định đoạt của Trời, có phải vì chúng ta mà trái đất được tạo ra đâu, nhưng dù sao, cũng đáng tiếc. Một cây khô héo, một con bò chết, ta cũng tiếc thương, như vậy, nếu cả nhân loại tan biến ra tro bụi, ta nghĩ sao? Biết bao điều thiện, điều tốt! Mặt trời, bầu trời, rừng núi, sông ngòi, sinh vật tất cả đều tạo ra, xếp đặt vào khuôn mẫu. Thế rồi sẽ biến hết.

Một nụ cười buồn bã nở trên mặt ông già và mắt ông nhắm lại.

Mê-linh-Tôn vẻ trầm ngâm nói:

— Ông bảo tất cả nhân loại sẽ chết. Có thể gọi là tận thế không lâu lắm gì, nhưng không thể xét về loài chim mà kết luận như thế được. Khó có thể tin được chim muông báo trước điềm này.

— Có phải chỉ có chim

muông đâu, cả thú dữ nữa, cả gia súc, ong, cá... Nếu anh không tin tôi, hãy hỏi những người già cả khác, họ sẽ bảo cho anh biết cá bây giờ cũng khác xưa. Ngoài biển, trong các hồ ao, sông ngòi, mỗi năm qua, cá lại ít bớt đi. Khi xưa có con sông Bê-san-ca của chúng tôi, tôi còn nhớ người ta câu được cá măng dài gần một thước, còn cá chuối, cá gáy, cá mè, đủ các loại. Nhưng nay câu được con cá măng nhỏ, đã cảm ơn trời đất lắm rồi. Còn đâu cá măng cỡ chính tông nữa. Mỗi năm qua, lại tồi tệ hơn, rồi anh xem, cá cũng hết, nay hãy lấy sông ngòi, làm thí dụ. Sông ngòi à, chẳng có nghĩa gì, cạn hết.

— Có đúng là cạn không?

— Còn biết nói thế nào. Mỗi năm dòng sông lại nhỏ đi, còn đâu những sông sâu như vực thẳm khi xưa nữa. Anh có trông thấy những lùm cây kia không? Ông già vừa nói vừa chỉ tay, sau đó là lòng một ngánh sông, một ngánh sông đã biến mất. Vào sinh thời cha tôi, chính ở đó chảy ra sông Bê-san-ca, nay anh thử nhìn, mà quý đã cuốn đi đâu mất. Lòng sông thay đổi và anh coi, nó sẽ thay đổi cho đến khi hoàn toàn cạn hẳn. Sau vùng



Cu-giơ-sơ trước kia có những đồng lầy và ao chuôm, bây giờ còn đâu? Còn ngọn suối biến đâu mất? Ở đất chúng tôi, giữa rừng, xưa kia một ngọn suối chảy qua, dân chúng đặt ở đấy, đó, lờ và bắt được cá măng, mùa đông đến vịt trời đậu ở trên bờ suối, nhưng nay, ngay vào mùa nước, cũng không có nước nữa. Phải đúng thế, nay anh nhìn bất cứ ở đâu, ở đâu cũng tồi tệ cả. Đâu cũng thế!

Yên lặng một lúc. Mê-linh-Tôn suy nghĩ, mắt nhìn chăm chăm. Chàng muốn hình dung một khoảng đất nhỏ cũng được, mà sự tàn phá, đã tàn phá khắp mọi nơi chưa đặt chân

đến. Qua màn sương và qua những sọc mưa, những đốm sáng lướt đi như trên một tấm kính mờ, nhưng rồi cũng tan biến. Đó là mặt trời mới mọc, cổ ló ra nhìn xuống mặt đất.

Mê-linh-Tôn lầm bầm:

— Thế núi rừng cũng chung số phận đó hay sao?

Ông già nói:

— Rừng cũng vậy, người ta chặt, rừng thì cháy, khô héo không mọc thêm được cây mới, mọc được cây nào, người ta chặt ngay; ngày hôm nay nhô ở mặt đất lên, anh xem, ngày mai người ta sẽ chặt và cứ như thế mãi cho đến không còn cây cối nào nữa... Như tôi, một người gan dạ, từ ngày nông nô giải phóng, tôi chặn gia súc của làng; xưa kia tôi cũng đi chặn tại nhà các vị lãnh chúa tôi trông nom gia súc cũng tại nơi đây và từ ngày ra đời, không có một ngày mùa hạ nào tôi không có mặt ở đây.

Ở đây tôi quan sát những việc xảy ra, suốt đời tôi quan sát, đến nay biết rằng cây cối cũng đến lúc tàn. Hãy xem cây lúa mạch chẳng hạn, hoặc lấy bất cứ thứ rau hay thứ hoa nào tất cả đều trên một dốc cả.

Viên quản lý nói :

— Trái lại loài người khá hơn.

— Thế nào là khá hơn?

— Thông minh hơn.

— Thông minh thì có, đúng vậy, nhưng anh tính, có lợi gì? Với con người thông minh, có nghĩa lý gì trước sự chết? Có đâu cần phải thông minh để chết. Với một người săn bắn, thông minh làm gì, nếu không có muôn thú? Đây tôi lý luận như thế này: Thượng đế đã ban trí thông minh cho người, nhưng lại lấy mất sức mạnh.

Người ta bây giờ yếu, yếu đuối quá. Như trường hợp tôi... tôi chỉ là một kẻ nhỏ mọn, người cùng dân trong làng, nhưng anh bạn ôi, tôi có sức khỏe. Anh hãy nhìn xem, tôi sắp bảy mươi tuổi, suốt ngày tôi chăn gia súc, lại đêm nữa, tôi thức canh để lấy hai «kô-péc» Anh đừng tưởng tôi ngủ đâu, tôi không thấy rét nữa. Con trai tôi thông minh hơn tôi nhưng nếu để hắn thay thế tôi, ngay sáng hôm sau, hắn sẽ xin tăng lương hoặc phải đến thăm bác-sĩ. Đúng như thế, còn tôi, ngoài bánh mì ra, tôi chẳng ăn gì, vì người ta vẫn nói «Hãy

cho chúng tôi khẩu phần bánh hằng ngày», cha tôi cũng vậy, ngoài bánh không ăn gì thêm, cả ông tôi cũng vậy, nhưng một người dân quê bây giờ, phải cho anh ta thêm trà rượu, bánh ngọt và giấc ngủ từ chiều đến rạng đông, còn thầy thuốc và trăm ngàn sự nương chiều nữa. Như thế là tại sao? Vì hần yếu, hần đâu có sức khỏe để chịu đựng. Hần cũng muốn thức, nhưng mí mắt dán lại, còn làm gì được.

Mê-linh-Tôn gật gù :

— Quả có thế, người dân quê bây giờ không có giá trị gì.

— Điều đó không phải dấu điểm, mỗi năm qua, ta càng hư hỏng mãi đi. Nay nếu ta còn nói đến những nhà quý phái, họ còn yếu đuối hơn người dân quê nữa. Ngày nay vị lãnh chúa học biết đủ thứ, hiểu biết cả những điều, không cần hiểu nữa, nhưng có ích gì? Nếu bạn thấy họ, bạn phải thương họ. Họ gầy guộc, ốm yếu như một anh người Hung-gia-Lợi hay người Pháp, trông chẳng có phẩm giá, chẳng có vẻ gì; lãnh chúa chỉ vì cái tước vị mà thôi. Ông ta chẳng biết đặt

mình vào đâu, chẳng biết làm gì, mà cũng không biết cách nào thích hợp cho ông ta nữa. Hoặc ngồi tay cầm cần câu như thế là câu cá, hoặc nằm, uốn bụng ra, như thế để đọc sách, hoặc đập gót giày ở giữa đám đông dân quê, như thế vậy, để nói đủ thứ chuyện và khi đói, chỉ còn biết cạo giấy. Sống như vậy không có nghĩa, mà cũng chẳng làm được việc gì đích đáng. Phần nữa các vị lãnh chúa thời xưa là tướng, nhưng nay họ chỉ là những con người hèn mọn, vô dụng.

Mê-linh-Tôn nói :

— Họ nghèo đi nhiều lắm.

— Họ nghèo đi vì Thượng đế không ban cho họ sức khỏe nữa. Trái với ý Trời sao được?

Mê-linh-Tôn lại chăm chăm nhìn. Sau một lúc suy nghĩ, chàng thở dài, cái thở - dài của những người điếm đăm, chín chắn, lắc đầu và nói :

— Và tất cả như thế là tại sao? chắc vì chúng ta nhiều tội lỗi, chúng ta đã quên Thượng đế...và quyết là ngày tận thế sắp đến. Phải nói rằng nhân loại không tồn tại được mãi mãi, phải biết lẽ phải mới được.

Ông già thở dài, và như

muốn chấm dứt một câu chuyện buồn rầu, ông rời gốc phong, lấy mắt đêm gia súc.

Ông kêu :

— Hê-hí-hê! Hê-hí-hê! Ma quỷ dẫn tụi mi đi sao? Mi không chết à! Ma quỷ dẫn tụi mi vào bụi rậm à?

Ti-li-u ti-li-u!

Về giện-dữ, ông ra các bụi rậm tập hợp gia súc. Mê-linh-Tôn đứng dậy, chậm chạp bước theo ven rừng. Chàng nhìn xuống đất và suy nghĩ; chàng



muốn tìm một vật gì mà thần chết chưa đặt tay tới. Qua những sọc mưa, những đốm sáng mặt trời lại lướt qua; vươn tới ngọn các cây trong rừng rồi lại tắt lụi trong cành lá ẩm ướt. Con chó Đam-Ka bắt được một con dím dưới một cây nhỏ và muốn lưu ý chủ, sủa vang.

Đứng sau bụi cây, ông già nói lớn:

— Ở chỗ anh bạn có nhật thực không?

Mê-linh-Tôn trả lời:

— Có.

— Mọi người đều than phiền là có một nhật thực chắc chắn ở trên trời, cũng thế, cũng lộn xộn! Nhật thực có phải vô nghĩa đâu. Hi-hi! Hi-hi!

Sau khi dẫn đoàn gia súc ra ve rừng, ông già ngồi dựa lưng vào một gốc phong, từ tốn rút ở trong áo ra cây sáo, nhìn trời và bắt đầu thổi. Cũng như trước, cũ g như máy móc cử động, ông cũng chỉ dùng năm, hay sáu âm hiệu, tưởng như lần thứ nhất, ông thổi sáo, tiếng sáo thoát ra, ngập ngừng, hỗn-dộn, không kết hợp lại thành một nhạc đề nào, nhưng Mê-linh-Tôn đang suy nghĩ về ngày tận thế, nhận thấy

tiếng sáo ảo não, rầu rĩ những âm điệu cao vút, run rẩy rồi tan biến như tiếng than khóc khôn nguôi, tưởng như cây sáo ồm đau và sợ hãi. Những âm điệu thấp hình dung màn sương, cây cối ầu sầu, bầu trời đen sấm. Nhạc và người ăn nhịp với nhau, thích hợp với thời tiết, tương tự như ông già, gợi nhớ những lời ông nói.

Mê-linh-Tôn còn muốn than vãn. Chàng lại gần ông già nhìn bộ mặt rầu rĩ ngạo nghễ và chiếc sáo của ông, chàng ấp úng:

— Ông già ơi, hóa ra sống cũng tẻ tẻ lắm à! Chẳng còn cách nào nữa sao? Mùa màng xấu, cơ cực... Gia súc bệnh tật không ngừng, người cũng ốm đau... cơ cực đã thắng.

Bộ mặt béo phị của viên quản lý bừng đỏ, vẻ xót xa đau đớn, bộ điệu của một người đàn bà nhà quê. Chàng cựa cựa ngón tay, như muốn tìm lời nói để diễn tả cảm tình xa xăm của mình. Chàng nói tiếp:

— Tám đứa trẻ, một vợ, mẹ già còn sống... lương đâu nuôi

có mười « rúp » (1) một tháng, không cơm nuôi. Khổ quá, vợ tôi hóa ra quỷ cái... còn tôi, thỉnh thoảng lại uống rượu.

Tôi là một người biết lẽ phải, điềm đạm, có học thức. Đáng lý tôi phải ở nhà, yên tĩnh. Vậy mà suốt ngày, tôi chạy rong như một con chó, vai đeo súng, vì tôi không chịu được nữa: nhà cửa tôi hóa ra ghê tởm quá!

Thấy như muốn diễn tả điều khác mà không được, chàng giơ tay, tỏ vẻ chán nản và rầu rầu nói:

— Nếu phải tận thế, mong rằng càng sớm càng hay. Cần gì phải kéo lê lét và hành hạ người một cách vô ích...

Ông già bỏ sáo ra nháy mắt nhìn qua lỗ hổng giữa kẽ lá. Mặt ông rầu rĩ, đầy những hạt mưa, tưởng như nước mắt. Ông mỉm cười và nói:

— Đáng tiếc, trời ơi, thật đáng tiếc! Trái đất, bầu trời... tất cả các sinh vật: tất cả đã được tạo ra, xếp đặt, trong tất cả mọi vật đều có trí thông minh. Tất cả rồi sẽ chết và đáng tiếc nhất là con người ta.

Một trận mưa lớn sắp đến ven rừng, đã nghe thấy tiếng ào-ào, Mê-linh-Tôn nhìn về phía có tiếng động, cài khuy áo lại và nói:

— Tôi về làng, ông già, xin chào ông. Ông tên là gì thế?

— Lư-kế, ông già nghèo.

— Thôi xin chào ông, ông Lư-kế! Rất cảm ơn những lời ông dạy bảo. Đam-Ka đến đây!

Sau khi chào ông già, chàng theo ven rừng đi từ từ, rồi xuống cánh đồng cỏ nay dần dần đã biến ra đồng lầy. Dưới chân chàng, nước vỗ bập bênh và cỏ xanh, ngả màu rí sắt nhưng còn cứng và mạnh, ngả rạp xuống mặt đất, như sợ người ta dẫm lên. Quá xa cánh đồng lầy trên bờ con sông Bê-san-ca mà ông già đã nói tới, mọc những hàng liễu và sau đó, trong màn sương, người ta nhận thấy một vựa thóc của một vị lãnh chúa hiện ra như một vệt xanh lợt, người ta có cảm tưởng như giờ khắc tàn khốc sắp tới không sao tránh được.

Đồng nội, biến thành màu đen tối, mặt đất dơ bẩn và lạnh

(1) Rouble: tiền Nga thời trước.

lùng, những hàng liễu như càng
rầu rĩ hơn, thân cây sứt mướt
giọt lệ, riêng chỉ có những con
hạc thoát được cảnh tang
thương chết chóc nhưng sợ làm
méch lòng tạo hóa sâu muộn,
ganh ghét vì hạnh phúc riêng
tây của mình, nên lên tiếng kêu
thảm thiết, u sầu, vang cả
bầu trời.

Mê-linh-Tôn tới bờ sông và
nghe thấy tiếng sáo tàn tạ phía
sau mình. Chàng còn muốn
than thở nỗi buồn của chàng.

Chàng buồn rầu nhìn xung
quanh, cảm thấy xót thương
trời đất, mặt trời, rừng núi và
cả con Đam - ka nữa. Nghe
thấy âm điệu sáo cao vút, ngân
nga mãi trong không trung, run
rẩy như tiếng người than khóc;
chàng thấy lòng chua xót, càng
tê tái khi nghĩ đến cảnh hỗn
độn trên đời.

Nhạc điệu run rẩy mãi, sau
tan đi và tiếng sáo tắt hẳn.



★ NƯỚC RỬA BÁT

Một Đại-Tá đi thanh-tra hỏa-thực, thỉnh-linh đột nhập vào
nhà bếp một trại binh. Quân-nhân trong bếp sợ tái xanh cả mặt.

Đại-Tá nghiêm-nghị nói :

— Mọi người phàn-nàn và khiếu-nại với tôi là món canh nấu
rất tệ. Vừa nói, vị Sĩ-quan cao-cấp mày thọc chiếc vá vào một nồi
lớn, múc ra một ít nước, rồi vừa thổi vừa húp.

Ông nói tiếp :

— Tệ quá ! Như thế này mà các anh gọi là canh ư ?

Người đầu-bếp chính trả lời :

— Thưa Đại-Tá, vừa rồi Đại-Tá uống nước . . . rửa bát.

thế là người

★ TUỆ-MẠP

(Bài này đã bị cấm đăng trong
Phổ-Thông số 108 tháng 8-1963)

Tiếng muôn phương, ôi ! nhạc hờn nhưng nhức đở
Cách đất trời không cách biệt nhịp ưu tư
Nẻo hôm nay... xa rồi đường trắng hướng gió
Nẻo hôm nay... lên gay gắt chuyện bây giờ

Đây cõi sống — đây dọc ngang đây mê lộ
Gót quay cuồng luôn tiếp nối sục lăm than
Thân tặng cho nhau những uất hờn đau khổ
Nhưng mà này : xin hiện đại chớ than van

Từ thuở hoang sơ tiến thời khôn nếp nhất
Có bao giờ không thét hận lẫn cười vui
Người vừa khóc... vừa cười... vừa xây ngục thất
Thế là người, là xây phá tự người thôi

Ai thần tượng ? ngự tháp ngà cao đẹp đó
Mời xuống đây cùng hợp thử hội trần gian
Xem chúng tôi, quyết hôm nay tìm lối mở
Đây óc tim... xin hòa hợp đề lên đường.

(Trong Tao-Đàn Bạch-Ngư)



Tuần

DÂN CHÚNG
LỊCH SỬ
XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

CHÀNG TRAI NƯỚC VIỆT 1910-1960

(Tiếp theo P.T. 117)

CUỘC bãi khóa thành công, mấy cậu cầm đầu khoái lắm. Reo mừng nhảy múa, tha hồ cười to nói lớn, được bạn bè mền phục, nhưng sự thật trong lòng vẫn áy-náy lo ngại không biết rồi đây tình hình biến chuyển như thế nào. Đây là cuộc bãi khóa lần đầu tiên, có tính cách bùng bột, hơi liều lĩnh, vì ngoại trừ sự liên lạc quá xa xôi với hai trường Quốc học và Đồng Khánh ở Huế, tại thành phố địa phương không có một hậu thuẫn nào hay một sự giúp đỡ nào của ai cả.

Dư luận thành phố rất phân vân, vì đây là lần đầu tiên học trò công khai chống đối lại « Nhà nước ». Trong dân chúng một số ít người tán thành cuộc bãi khóa, nhưng chỉ tán thành suông,

không triệt để ủng hộ. Còn đại đa số đều cho rằng « tụi học trò làm chuyện bậy bạ », và họ chờ xem « nhà-nước » sẽ trừng phạt cách nào.

Học trò cũng xông xáo đợi chờ.

8 giờ, trống trường đánh vào lớp trong phong cảnh học đường vắng teo, thì 8 giờ 30 bốn ông « Đốc An-nam », cùng đi một lượt tới nhà anh Phạm-Đào-Nguyên. Ông Đốc Th. và ông Đốc V. giáo sư Luân lý và Việt văn, ngồi chễm chệ trong hai chiếc xe kéo nhà sơn đen bóng loáng, do hai anh cu-li kéo. Ông Fr. giáo sư Lý-Hóa thì cỡi chiếc xe máy thường nhật của ông. Ông Đốc B. vẫn đứng định đi bộ như thói quen hằng ngày. Học trò biết ngay đây là bốn « sứ giả » của ông « Địa ». Tại nhà Phạm-Đào-Nguyên có học trò

TUẦN CHANG TRAI NƯỚC VIỆT

ra vào thường xuyên, nhưng mấy cậu cầm đầu cuộc bãi khóa thì sáng nay không có đến đây. Họ đi tản mát các nơi để xem xét tình hình và nhất là để phòng hờ ngăn cản những trò đi học. Bốn ông Đốc đều có vẻ mặt hơi ngượng ngùng, và tức giận. Ngồi một lúc thấy xung quanh mình chỉ có mấy đứa học trò con nít, ông Đốc Th. hỏi các em:

— Tụi Quỳnh, Tuấn, Tồ, đâu ?

Mấy em lễ phép trả lời:

— Dạ thưa ông, mấy anh đó không có đến đây.

Ông Đốc V. bảo :

— Đi gọi tụi nó tới ngay. Nói có các ông Đốc ngồi chờ ở đây.

Mấy em học trò sợ sệt, tuân lệnh chạy đi kiếm tụi Quỳnh, Hào, Tuấn... nơi mấy nhà quen.

Được tin, bọn này kéo nhau đến nhà anh Nguyễn, với ý định « tùy cơ ứng biến ». Bốn ông Đốc An-nam thay phiên nhau mà « thuyết » các trò, lấy tình thấy trò mà khuyên bảo. Các ông rầy la giận dữ, nhưng vẫn dõ dăng

ngon ngọt, mục đích cuối cùng là khuyên học trò chấm dứt cuộc bãi khóa, và chiều nay nên đi học đông đủ. Các điều học trò yêu cầu thì ông Sứ và ông « Địa-réc-tơ » sẽ cứu xét sau.

Các ông Đốc đảm bảo với học trò rằng nếu chiều nay toàn thể học sinh đi học lại, thì sẽ không có sự trừng phạt nào cả. Ông Deydier sẽ khoan dung tha thứ hết.

Trong số 12 trò tham-gia chỉ huy cuộc bãi khóa, 8 trò trốn tránh không dám đến nhà Nguyễn khi nghe tin các ông Đốc An-nam đến đây. Chỉ có Quỳnh, Tuấn, Hào và một anh Đệ - tứ niên là nhất định « đi thử xem ra sao ». Thầy thái-độ của bốn ông Đốc đều hòa nhã, và lời lẽ dịu ngọt, cả bốn cậu « đại diện » đều có vẻ sẵn sàng « nghe lời Thầy », tuy vẫn hăng hái giữ lập trường « ái quốc » theo luận điệu của anh chị em học sinh Quốc-học và Đồng Khánh ở Huế.

Bốn ông Đốc cố gắng thuyết phục bốn cậu học trò cầm đầu cuộc bãi khóa của toàn thể học sinh, cả một buổi sáng. Riêng ông Đốc Bình đã được sự tín nhiệm và mền phục

nhiều nhất của học trò, gọi riêng Quỳnh và Tuấn ra hè, bảo với giọng thân-mật nhỏ nhẹ, bằng tiếng Pháp, đại khái : « Các anh bãi khóa một buổi thế cũng là đủ rồi. Đòi với nhà cai trị Pháp và các nhà giáo sư Pháp, thế cũng đủ cho họ thấy rằng học sinh An-nam đã hưởng ứng một phong trào quốc gia rộng lớn, chứng tỏ tinh thần ái quốc của dân tộc An-nam đã tỉnh-ngộ nhiều rồi... Chiều nay các anh nên bảo nhau đi đến trường, tiếp tục học như không có xảy ra việc gì cả. Nếu có điều chi nguy hại đến các anh, thì tôi sẽ can thiệp cho, tôi sẽ bảo đảm cho... »

Cuộc điều-định giữa 4 giáo-sư, « đặc phái viên » của ông Đốc học Deydier, và 4 cậu học trò « đại diện » cho toàn thể học sinh bãi khóa, kéo dài cho đến 11 giờ trưa, suốt 3 tiếng đồng hồ. Rốt cuộc, học trò phải nhượng-bộ, Vì dù sao, học trò không có hậu thuẫn trong các giới, và sĩ số không đông đảo như hai trường Quốc học và Đồng Khánh ở Huế.

Những người ở Huế vô cho biết phong - trào bãi khóa

ở Huế mạnh lắm, vì anh chỉ em ở Đề-đô dựa theo uy-tín của cụ Phan-Bội-Châu, và của một số giáo-sư An-nam triệt đề ủng hộ phong trào. Cuộc bãi khóa ở Huế rất sôi nổi, ồn ào, làm náo động cả kinh-đô, chứ không phải lặng lẽ đơn độc, như ở Qui-nhơn. Phong trào bãi khóa ở Vinh, tỉnh-ly Nghệ-An, cũng sôi nổi lắm, vì nghe nói ở đây đa số phụ huynh học sinh khuyến khích cuộc bãi khóa. Ở Hà-nội, phong trào bãi khóa ở Trường Bưởi và trường Cao-đẳng (Đại-học) cũng làm xôn xao dư luận không ít, nhờ có các nhà cách-mạng, lớp lão thành như cụ nghệ Ngô-đức-Kê, cụ cử Dương-Bá Trạc, lớp thanh-niên như Nhượng-Tông, Hồ-văn-Mịch, đều cổ vũ và triệt đề ủng hộ học sinh bãi khóa.

Trái lại, ở Sài-gòn và Cần Thơ, Mỹ-Tho, số học sinh đông hơn ở Huế và Hà-nội, nhưng một vài trường đề xướng bãi khóa không được đa số hưởng ứng, và vì thế phong trào không có tiếng vang.

Phải nhìn nhận rằng cuộc vận động bãi khóa ở Huế là mạnh hơn cả, và có kết quả

nhiều hơn. Chính trong những dịp bãi khóa này mà học sinh các nơi lần đầu tiên nghe tên thầy trợ giáo Đào-duy-Anh, (instituteur) và cô Như-Mân. Đòi bạn trẻ này rất là hăng hái, và Như-Mân cầm đầu cuộc bãi khóa ở trường Nữ-học Đồng-Khánh, đã khiến cho các giới « An-nam », và cả « Bảo hộ » đều phải thần phục. Do cuộc bãi khóa, hai người bạn trẻ quen biết nhau rồi yêu nhau. Đào-Duy-Anh đã từ bỏ nghề « gõ đầu trẻ » (1) để nghiên cứu các sách về Sử-học; và viết bài trong báo *Tiến-Dân* của cụ Huỳnh-thúc Kháng mới mở. Sau đó ít lâu, Đào-Duy-Anh và Như-Mân thành hôn, và loại sách « Quan hải tòng thư » ra đời, được dân chúng, và nhất là trí thức, học sinh, nhiệt liệt hoan nghênh. Cuộc bãi khóa trường Qui-nhơn thành công được một nửa, nhưng ảnh hưởng của nó rất sâu rộng, và không ai chối cãi rằng phong trào « ái quốc » và « cách mạng » ở thành phố lớn này chính là do bọn học sinh ở đây gây ra đầu tiên, từ vụ vận động ân-xá cụ Phan-Bội-Châu, vụ đề tang cụ Phan-chu-Trinh, cho đến vụ bãi khóa 1927.

(1) Nghề thầy giáo.

Cuộc bãi khóa chấm dứt ngay buổi trưa ngày thứ Hai 11-4, và mấy trò cầm đầu, Quỳnh, Tuấn, Hào, Tồ, v.v.. lại phải chạy đi từng nhà, từng xóm, để kêu gọi học trò buổi chiều đi học.

2 giờ chiều, ba hồi trống đánh tự trường như thường lệ. Cả thành phố đều vui vẻ thấy từng đàn học sinh lũ lượt kéo nhau đi học như mỗi ngày, không có triệu chứng gì khác cả. Một anh thợ cúp vắng khách ngồi trong tiệm ngó ra cười và hỏi to mấy cậu đi ngang qua trước tiệm anh :

— Sao, hết bãi khóa rồi hỉ ?

Bọn học trò gật đầu cười :

— Ông Đốc năn nỉ hết hơi, tụi tui mới chịu đi học, chớ để gì !

Đó chỉ là một câu nói đùa cho vui, chứ sự thực cậu nào cũng lo ngại, đợi đến trường mới biết được thái độ của ông Deydier...

Vào cổng trường, Tuấn thấy ông « Địa-réc-tơ » và đông đủ các ông giáo-sư Tây và An-nam, cả ông Tổng-giám-thị (Surveillant Général), ông Đốc Gi, đứng trước hè Văn-phòng Hiệu-trưởng, lặng

lễ dóm ngó học trò lần lượt đến trường. Tuần hơi bẽn-lẻn, rụt rè, dõm chào các ông trong lúc đi ngang qua, và liếc thấy ông Deydier gật đầu chào lại, vài ông giáo sư Pháp mỉm cười hóm-hỉnh, ông giáo-sư Toán, Gabriel, ngó trân-trân với nét mặt giận dữ, mấy ông giáo-sư An-nam làm nghiêm.

Câu chuyện xôn-xao khi học trò đến đã đông đủ ở *préau* (gian nhà trống để học trò chơi trong giờ nghỉ học), không phải là lo sợ sẽ có sự trừng phạt, mà là bàn-tán về hai tên « điểm-chỉ » đã tỏ-cáo bí-mật với ông Directeur về cuộc vận-động bãi-khóa. Hai trò ấy chiều nay lại không đi học : Th. ở lớp Đệ-tứ-niên và Tr. ở lớp Đệ-tam-niên, hai trò giỏi Toán nhất ở hai lớp.

Hai giờ rưỡi, 3 tiếng trông đánh vô lớp. Ai nấy đều hồi hộp... chờ đợi trận tấn-công chửi mắng của ông Deydier và các giáo-sư.

Nhưng, lạ thay, chẳng có chuyện gì xảy ra cả. Giáo sư dạy học như thường lệ. Ở lớp đệ-tam-niên của Tuần, giờ đầu là môn Hóa-học của ông

Độc Trưng, một ông giáo nghiêm-khắc nhất. Ông Trưng vào lớp, đến bàn ngồi, dõm sổ điểm ra, điểm-nhiên gọi :

— Định-tân-Hường !

Đây là một cậu nghịch-ngợm nhất, chuyên môn đập vỡ những chai acide và những ống thủy-tinh của phòng thí-nghiệm Lý-Hóa. Hường đứng dậy, lên bảng đen trả bài. Hường thuộc bài lâu lâu, chiều ấy hãnh diện được ông Độc cho 8 điểm, (trên 10). Hường tủm-tủm cười xuống bàn. Kề đến trò khác được gọi lên... rồi vài trò nữa, rồi ông Độc dạy bài mới.

Hết giờ, một tiếng trông đánh, dõm thấy. Ông Gabriel giáo-sư Kỹ-hà-học, bước vào. Mặt ông đỏ hơn mọi khi. Nhưng ông cũng chẳng làm gì khác hơn là gọi vài ba trò lên bảng đen trả bài, như thường lệ. Chính ông là một cái đích của cuộc bãi khóa. Học trò bãi khóa tỏ cáo ông đã chửi « người An-nam là mọi-rợ », « An-na-mít và giống dân bản thiu » và yêu cầu Nhà-nước đòi ông giáo-sư khác. Nhưng « nhà-nước » không đòi ông, học trò bãi khóa đã đi học, ông vẫn đi dạy, như

không có chuyện gì xảy ra. Riêng Tuần đã bị ông ghét nhất từ trước, (vì dõm Toán nhất), lần này Tuần tin chắc sẽ bị ông trả thù. Nhưng ông vẫn thần-nhiên. Có lẽ ông khinh Tuần cho là « trẻ con » không làm gì được ông. Cũng có lẽ ông xấu hổ, làm ngơ chuyện bãi khóa cho êm. Hoặc giả ông gượng làm lành, để gây cảm-tình với học trò An-na-mít, và không muốn gây sự với chúng nó. Nhiều trò đoán chừng rằng ông Gabriel bị ông Độc trường, Henri Deydier, rầy la, nên ông không dám trả thù, và cũng không dám chửi mắng người An-na-mít như trước nữa.

Tình-hình nhà trường yên-ôn, trái hẳn với những lo ngại và dự đoán của học sinh.

Nhưng nửa tháng sau, Tuần nhận được thư của cha (lúc bấy giờ ông Phán Tuần, anh ruột của Tuần-em, đã bị tù vì hoạt-động chống Pháp, như thầy Đồng-sĩ-Bình). Thư của ông thân-sinh viết như sau đây :

Con,

Sao con nghe lời người ta xúi-dục bãi khóa chi vậy? Quan Đốc học viết thư về trách cha mẹ không dạy bảo con...

Quan Đốc học biếu cha phải đánh con 100 roi khi con về nghỉ hè, để từ nay con đừng làm

chuyện bậy bạ nữa. Cha mẹ lo cho con ăn học, mong sau này con thi đỗ, để công thành danh toại thì cha mẹ vui mừng. Sao con không biết thương cha mẹ, vô trong trường làm việc phi pháp, nếu như nhà nước bắt bỏ tù con thì khổ cho cha mẹ biết bao. Mẹ con nghe cha đọc bức thư của quan Đốc học, thì mẹ con khóc lóc và giục cha phải vô Qui-nhon mau mau, để xin Quan Đốc tha tội cho con. Chắc là tháng sau cha phải vô, cha sẽ đem một quả đường bông, một quả gạo nếp, hai chai mật Ong, và hai miếng quế Thanh quý giá, để kính quan Đốc học, và xin cho con khỏi bị đuổi. Mẹ con lo lắm, vì mẹ con đi chợ nghề bà Phán Đông cho biết là Quan Đốc học Qui-nhon có viết thư cho Quan Sư ở đây nói về mấy đứa học trò quê tỉnh mình xúi học trò Qui-nhon bãi khóa, sẽ bị đuổi hết. Mẹ con buồn lắm, ngày đêm cứ thúc giục cha phải đem lễ lộc vô lo lót quan Đốc. Vậy chắc là tháng sau, cha khoẻ mạnh sẽ vô Qui-nhon, chờ tháng này bị đau yếu, chưa đi được đâu.

Cha gửi lời thăm con, cha khuyên răn con cố lo học hành đừng làm chuyện chi sai phép, thì cha mẹ buồn rầu.

Thơ bất tận ngôn.

KÝ TÊN

Tuần xem thư cha, lòng cảm-xúc, đau khổ. Trưa, cậu học trò ở trường về không ăn cơm, thui-thui đi ra bãi biển một mình, ngồi khóc nức-nở...

(còn tiếp)

Những bí-mật trong thế-chiến thứ II

★ Thiếu-Sơn

(Theo P.T. 115)

MUSSOLINI XUẤT-HIỆN

THẦY quân Đức chiến-thắng một cách dễ-dàng và thấy quân Pháp tan-vỡ một cách dễ-dàng hơn nữa, Mussolini nóng mặt và nôn ruột, lăm le muốn nhảy vào để ăn có.

Ông sợ rằng nếu đứng ngoài chiến-cuộc thì nước Ý sẽ không có mặt và sẽ mất phần ăn trong ngày ký hiệp-ước đình-chiến. Ông thêm một miếng đất của Pháp, thêm phần thuộc địa của Pháp ở Bắc-Phi và nhứt là thêm hạm-đội của Pháp hầu như còn nguyên- vẹn. Nhưng ông đã gặp sự chông-đội của tất cả

NHỮNG BÍ MẬT

mọi người. Nhiều yêu-nhân trong chánh-phủ không chịu. Thông-chê Badoglio là Tổng-tư-lệnh quân-đội Ý không chịu. Và ngay cả ông là Hâu-tước Ciano làm bộ-trưởng ngoại-giao cũng không chịu.

Họ biết rõ giá-trị và can-đảm của quân-đội Ý. Họ không phải là đối-thủ của quân-đội Pháp. Mặc dầu Pháp đã thua Đức nhưng còn sức đánh Ý. Và lại cho rằng Ý sẽ thắng thì cũng chẳng vinh-dự gì vì chỉ thắng một kẻ đương hấp-hối.

Còn đảng Phát-xít Ý là đảng của Mussolini thì lại càng không đáng tin cậy nhiều.

Chính Mussolini đã nói riêng với tên bồi phòng của ông ta câu này :

« *Mày thấy không ? Muốn cai-trị người Ý chỉ cần có 2 món : có cảnh-sát và có kèn nhà binh* ».

Người Ý có máu « anh hùng rơm », đánh giặc miệng thì hay mà đánh giặc thiệt thì dở. Họ nhát gan nên cần phải có quân-nhạc thúc đẩy nhưng luôn luôn phải có cảnh sát canh chừng vì họ hay thụt lui bắt tở.

Sau khi Mussolini đã nhứt

định tham-chiến không đếm xỉa gì tới những lời ngăn cản của mọi người, chính Thông-chê Badoglio đã ghi trong « Hồi-ký » những nhận xét của ông về những « *lữ-đoàn hoan-nghinh* » của đảng Phát-xít Ý :

« *Một cảnh-tượng đáng thương, một bầy người được huấn-luyện do bốn chức-sắc và nô-lệ của đảng được lệnh phải hoan-nghinh mỗi đoạn trong bài diễn-văn của lãnh-tụ. Nhưng cuộc lễ vừa tan thì đoàn người liền tự giải tán trong sự yên lặng tuyệt-đối.* »

Cảnh-tượng nói trên chính là cảnh-tượng buổi lễ mà Mussolini đọc diễn-văn tuyên bố sự tham-chiến của Ý.

Chính về ông là hâu-tước Ciano cũng viết :

« *Tin về sự tham-chiến của chúng ta không làm cho ai ngạc nhiên và cũng không gây phần-khởi quá đáng. Tôi buồn, rất buồn.* »

Ngày 15-6 Badoglio được lệnh tấn-công vào ngày 18. Ông tuân lệnh một cách miễn cưỡng và còn trình bày cho nhà lãnh-tụ Phát-Xít thấy rằng Đức không cần có sự can-thiệp của Ý mới thắng được Pháp.

● HITLER KHÔNG HẸN LÀ MỘT TÊN THẤT-PHỤ (THỎ BỎ MỘT TÊN QUI SỬ DIỆN CUỒNG NHƯ NGƯỜI TA THƯỜNG TẢ)

Hơn, nữa người Ý sẽ mang nhục khi đánh lên một kẻ hấp hối. Nhưng Mussolini liền trả lời :

— Tôi quyết-định tàn-công Pháp là một vấn-đề hoàn-toàn chánh-trị. Tôi lãnh hết trách-nhiệm về tôi.

Nếu chúng ta chỉ đứng ngoài mà chứng-kiến sự sụp-đổ của Pháp thì chúng ta không có lý-do gì đòi chia phần chiến-lợi-phẩm. Nếu tôi không đòi vùng Savoie là đất của Pháp thì ít nào tôi cũng đòi Nice, Corse và Tunisie. »

Chính Ciano cũng nói với cha vợ rằng :

— Tôi thấy rất ít vinh-quang và nhiều nguy hiểm về phương-diện tinh-thần khi ta đụng độ với một quân-đội đã thua. Hiệp-định đình-chiến sẽ ký-kết nay mai. Nếu quân-đội ta không đánh lũng được phòng tuyến của địch ngay từ giờ đầu thì chiến-tranh sẽ kết-thúc bằng một thất-bại rực rỡ cho ta.

Và quả-nhiên quân-đội Ý đã thất-bại một cách rực-rỡ. 550.000 quân Ý rần-rộ tiến qua phía núi Alpes đã bị 185.000 quân Pháp chặn

đứng. Quân Pháp có những đồn lũy kiên-cố và đã biết rõ giá-trị của đôi-phương nên coi thường quân Ý, mặc dầu họ đã mất tinh-thần chiến đấu trước những thắng lợi của Đức. Họ đã đánh tan nhiều cuộc tàn-công của Ý, giết chết 4000 tên, bắt sống 1.141 tên trong khi họ chỉ có 37 người chết, 150 người mất tích và 42 người bị thương.

Mặt khác trong 6 tuần chiến đấu trên đất Pháp, quân Đức đã chết : 27.074 tên, mất tích : 18.384 tên, bị thương 111.034 tên. Nhưng họ đã bắt được 1.900.000 tù-binh Pháp trong đó có 5 vị đại-tướng và 29.000 sĩ-quan.

Đức đã chiến-thắng một cách rực-rỡ nhưng Ý đã thất-bại một cách rực-rỡ. Rực-rỡ hơn hết là đã đánh vào một kẻ hấp-hối mà cũng cứ bị thua.

ĐÌNH-CHIẾN HAY ĐẦU HÀNG ?

Chánh-phủ Pháp đã rời đô xuống Bordeaux. Chánh-phủ này thành-lập để ký hòa-ước riêng với Đức. Thông-chê Pétain và Đại-tướng Weygand

vọng rằng họ còn nửa nước Pháp, họ có thể xin đình-chiến với Hitler và không cần nổi thất-thể-diện một cách quá đáng. Nhưng với tâm-trạng của kẻ chiến-thắng Hitler chỉ bằng lòng cho đình chiến bằng cách buộc Pháp phải chấp-nhận những điều-kiện nhục-nhã gắt-gao.

Ông lựa đúng chỗ mà sau trận giặc trước Pháp đã buộc Đức phải ký tên đầu hàng trên một toa xe lửa. Chỗ đó là Rothondes ở ven rừng Compiègne trên đất Pháp. Toa xe lửa lịch-sử lại được đưa ra làm văn-phòng hội-nghị.

Phái đoàn Pháp do tướng Huntziger cầm đầu đã phải vát-và len lỏi trong đám dân chạy giặc tới nơi hội-nghị ngày 21-6. Tất cả bộ Tham-mưu Đức đều có mặt ở đó. Hitler cũng tới dự nhưng ông chỉ ngồi trên toa xe lửa trong lúc Tướng Keitel đọc bản Tuyên-ngôn nhơn danh vị Lãnh-tụ Quốc-xã, tổng tư-lệnh lực-lượng quân-sự Đức. Bản tuyên ngôn như sau :

« Căn-cứ trên những lời đảm-bảo của Tổng-Thống Wilson

được lực-lượng đồng-minh xác-nhận, quân đội Đức chịu buông khí-giới vào tháng 11 năm 1918.

Thế là chấm dứt một cuộc chiến-tranh mà cả dân-tộc lẫn chánh-phủ Đức đều không muốn.

Trong suốt thời-gian chiến-tranh mặc dầu có ưu-thế tuyệt đối quân địch vẫn không thắng trọn quân đội, hải quân và không quân của Đức-quốc.

Khi phái đoàn Đức tới để thảo luận ký kết một hiệp định đình chiến thì bắt đầu có ngay những vi phạm về những lời mà họ đã hứa hẹn một cách long trọng. Chính là ngày 11 tháng 11 năm 1918, cũng trên chiếc toa này bắt đầu sự đau khổ của dân tộc Đức. Ở đây khởi đầu mọi tủi nhục, mọi hèn hạ và đau thương mà người ta đã đè nặng xuống một dân-tộc. Người ta đã vi phạm lời cam kết, người ta đã bội ước đối với một quốc gia đã kháng chiến anh dũng trong suốt 4 năm trường và đã bị đánh ngã vì một sự hèn yếu là đã đặt tin tưởng vào những lời hứa hẹn của các nhà chánh khách phe dân chủ.

Ngày 3 tháng 9 năm 1939— tức là 25 năm sau khi bắt đầu

cuộc thế chiến — hai nước Anh Pháp một lần nữa không một lý do chánh đáng nào, lại tuyên chiến với nước Đức. Sự quyết định bằng khí giới tiếp theo sau.

Nước Pháp đã bị đánh bại. Chánh-phủ Pháp thỉnh cầu chánh-phủ Đức cho biết những điều kiện của Đức để kết thúc một cuộc đình chiến.

Đề tiếp nhận những điều kiện đó, phái đoàn Pháp được mời tới cánh rừng lịch sử này ở Compiègne. Chỗ này đã được lựa chọn để xóa nhòa một lần chót, bằng một hành động công bằng để rửa nhục, một kỷ niệm mà Pháp không nên coi là một trượng sử vinh quang, nhưng dân tộc Đức coi là một nhục nhã của muôn đời.

Nước Pháp, sau một cuộc kháng chiến anh dũng minh chứng bằng những trận đổ máu ác liệt đã thua và ngã quỵ. Trong những trường hợp này nước Đức không muốn cho những điều kiện đình chiến và những cuộc hội đàm liên hệ có một tính cách sỉ nhục đối với một địch thủ anh hùng như thế.

Những điều kiện của Đức nhằm 3 điểm: Thứ nhất, ngăn cản không cho chiến tranh tái phát; thứ hai, đảm bảo cho

nước Đức đầy đủ an ninh trong cuộc chiến tranh chống Anh-quốc do nước này bắt buộc chúng tôi phải theo đuổi; thứ ba cần phải có những điều kiện thiết yếu để xây dựng một nền hòa bình mới để sửa chữa tất cả những bất công mà người ta đã dùng sức mạnh ép buộc Đức-quốc phải cam chịu.



Tôi dịch trọn vẹn bản tuyên ngôn vì nó là một văn kiện lịch-sử có giá-trị cả về nội-dung lẫn hình-thức. Nhưng bản tuyên-ngôn này còn cho ta thấy Hitler không hẳn là một tên thất-phu thô-bi, một tên quỉ-sứ điên cuồng như người ta thường tả ông hiền chiến, hiền thắng và đã gây nên những tội ác tày trời. Nhưng thái-độ của ông ở Rothondes thật là thái độ của vị trượng-phu, của một người quân tử. Ông cõ tình rửa nhục cho đất nước, cho quân-đội và dân-tộc của ông. Ông không một lời nói nặng tới những người đã chịu trách-nhiệm về sự thất-bại của Đức trong thế-chiến thứ nhất, ông cũng không làm nhục nước Pháp và phái-đoàn Pháp ở trước mặt ông. Hơn thế nữa, ông còn nhìn nhận rằng quân-đội Pháp đã anh

dũng chiến đấu như... đã thất bại và ngã gục. Ông nói cho họ biết họ là kẻ thua trận không có quyền đòi hỏi cách đối xử ngang hàng nhưng ông không xỉ-nhục họ. Không làm tổn-thương danh dự của họ. Ông có thái-độ của một kẻ trượng phu, của một người quân-tử, khác hẳn thái độ phái đoàn Pháp năm 1918 đã đối-xử một cách khinh-bạc và vô-lễ đối với kẻ thất trận. Phái đoàn Pháp hồi đó Foch và Wey-gaud nhưng chính hai ông này lại thiếu nhã-độ nhiều hơn hết.

Hitler đổ hết trách nhiệm lên đầu phe Đồng-Minh đã gạt quân đội Đức buông khí-giới để rồi bội-ước, quên lời, đối xử với nước Đức một cách bất công và tàn ác. Ông cho ta có cảm-tưởng rằng nước Đức là nạn nhân của phe Đồng-Minh mà phải cảm sùng tự vệ trong cả hai trận giặc và ông có bốn phận cùng dân tộc Đức đứng lên sửa chữa tất cả những nỗi bất công không phải là một trượng sử vinh quang cho Pháp mà lại là một sỉ nhục muôn đời cho Tổ quốc của ông.

Sự thật chưa hẳn đã về phía Đức nhưng lời văn đã gọi cho ta những cảm tưởng tốt đẹp đối với một kẻ chiến thắng oai hùng, hiền ngang mà không tự kiêu, tự đắc,

không thô bạo thất phu.

Hiệp định đình chiến ở Rethondes được ký kết ngày 22-6-40 gồm 24 điều kiện có những điều kiện mà Pháp xin sửa đổi. Đức tỏ ra cứng rắn cương quyết nhưng thỉnh thoảng cũng tỏ ra đại lượng khoan dung. Nước Pháp bị chia làm 2 vùng. Vùng phía Bắc là vùng bị chiếm đóng trong đó có Thủ-đô Ba-Lê. Vùng phía Nam là vùng được tự do, do chánh phủ Pháp cai trị. Pháp xin cho giữ một đạo binh từ 120.000 tới 130.000 người không kể cảnh sát, hiền binh và cảnh binh lưu động. Nhưng Đức chỉ cho giữ một đạo binh không quá 100.000 người. Pháp phải chịu trách nhiệm về Hải-quân và tất cả các thuộc địa của mình không được để cho Anh lợi dụng để đánh lại nước Đức. Hitler cũng biết rằng không thể bắt chánh phủ Pháp giao hạm đội cho họ vì chắc chắn là hạm đội sẽ không tuân và sẽ tự hủy hay sẽ theo Anh để kháng chiến. Còn thuộc địa Pháp thì minh mông, Đức không đủ lực lượng để chiếm đóng. Họ tính rằng họ đã nắm được chánh phủ Pháp làm con tin thì rồi đây họ muốn

gì mà không được.

Có điều lạ là không có mặt phái đoàn Ý ở Hội nghị Re-thondes. Hitler không bằng lòng cho họ dự vì thật ra họ mới tham chiến được có mấy ngày mà đòi vô « ăn có ». Hơn nữa, họ đánh thua chứ đâu phải đánh ăn. Nhưng không muốn cho đồng-minh mặt mặt nên Hitler cũng để cho Ý tổ chức cuộc đàm-phán riêng với Pháp để thương-nghị đình chiến.

Mussolini mắc cỡ không vác mặt tới hội-nghị. Thông-Chê Badoglio tỏ ra rất nhã-nhận. Chính ông đã tuyên-bồ khi hiệp định đình-chiến Ý-Pháp được ký kết vào ngày 24-6:

« Tôi chúc cho nước Pháp



★ LỜI NÓI VÍ ĐẸP ĐẼ

Một bà to lớn ăn mặc sặc sỡ đến một tiệm may và hỏi cô chủ :

— Cô xem màu sắc gì thích hợp với người tôi ?

Cô chủ nhìn khách rồi trả lời nhỏ nhẹ :

— Thưa bà, Hóa công đã sinh ra những con bướm và những con chim nhỏ thì lông cánh của chúng được tô điểm màu rực rỡ. Còn con voi thì Thượng-Đế đã cho nó cái bì xám như bà đã biết.

P. C.

sẽ đứng dậy được. Đây là một cường-quốc có một lịch-sử vĩ đại và tôi chắc là nước này sẽ bảo đảm được tương-lai của nó. Đây là một quân-nhân nói với một quân-nhân. Tôi chúc như thế với tất cả lòng tôi.»

Ciano, rề của Mussolini, viết :

« Tôi không muốn có những lời đoán trước nhưng tôi không tin chắc cho lắm là chánh-phủ Pétain có thể bắt Đế-quốc phải nghe mình, nhất là đối với Hải quân lại càng không chắc lắm. Hôm nay, ở Constantinople những tàu buôn Pháp đều thượng cờ Anh. Chiến-tranh chưa hết. Nó chỉ mới bắt đầu. Chúng ta sẽ có những bất ngờ làm cho chúng ta phát ngấy ...»



than văn

★ ĐẠM-VÂN

(Phú Thọ — Pleiku)

Tôi đã khóc qua bao dòng lệ ướt
Nhưng ghen lời biết phải nói năng chi,
Tâm can tôi bao phủ viễn ảnh gì,
Lòng thăm nghĩ, nhưng rồi trống trải quá.
Ngước mắt lên chao ôi là bề cả...
Sắp nhận chìm bởi trụy lạc yêu đương.
Biết nói sao chỉ nhận thấy u buồn,
Trần trề xuống nơi tâm hồn bé nhỏ.
Ai thấu chăng ! ngàn dư âm nức nở,
Âm thầm vang như độc điệu Tư Quân
Đó phải chăng ? ngàn đau khổ gian trần
Đều dành hết một mình tôi mang lấy !
Lệ chân thành vẫn buông dòng tuông chảy,
Ngập tràn đầy cả giếng mắt thâm sâu
Xây mà chỉ bao mộng ước ban đầu
Rồi tất cả chôn sâu mồ tuyệt vọng
Ôi tình yêu ! ! ! phải chăng là lẽ sống ?
Của tuổi xuân sống động giữa trần đời
Đề hình ai sống mãi giữa tim tôi
Chôn hiện tại giữa làn môi câm nín
Tình sẽ mất khi duyên kia chết liệm.
Trong lòng người trong suốt tím tang thương
Đề cho tôi nuốt hận cả đêm trường
Giữa trời lạnh thê lương và điên đảo.
Tôi cố nuốt chuỗi thời gian đề tạo
Những vần thơ với lệ máu với dầy
Tâm hồn tôi mờ mịt bởi sương mây
Lời than vãn chìm dần vào đêm lạnh.

BỨC THƯ

Saigon

Lời Tòa Soạn.— Cô Minh-Đức ở Paris vừa về Việt-nam về thăm gia-đình và bạn-hữu. Cô còn ở Sài-gòn một thời-gian ngắn để sửa-soạn xuất-bản một vài tác-phẩm. Bạn nào muốn gặp cô Minh-Đức, xin mời đến Tao-đàn Bạch-Ngà, 531 Trần-hưng-Đạo, mỗi buổi chiều, từ 3 đến 6 giờ.

PHỎ-THÔNG

★ Minh-Đức

Saigon, ngày 10 - 1 - 1964

Bạn thân mến,

BUỒN ngủ quá, bạn ơi. Viết thư này lúc năm giờ sáng, bạn sẽ bảo cả đêm ngủ chưa chán sao. Chưa chán thật đấy bạn ạ, hai đêm nay được ngủ ở quê hương, nhưng không ngủ được vì thời gian cách nhau vào độ tám tiếng đồng hồ. Bây giờ ở Paris mới vào độ chín giờ tối.

Bạn có tin được không? Bao nhiêu lần tôi tự hỏi có phải là sự thật hay chỉ là «Trang sinh huyền mộng mê Hồ điệp» mà

thôi. Nghe tiếng gà trống gáy, tiếng xe ngựa chạy bên ngoài tôi mới biết chắc rằng mình không phải là Trang-sinh. Gần tám năm xa nhà, bạn có mừng gì không?

Chạy giấy tờ gần hết hơi vì cái hồ sơ của tôi nó cứ nằm lì dưới xa, theo lời ông Đặc-sứ ở Paris thì có đến hằng thước hồ sơ, và số phận Minh-Đức như thế là may lắm rồi, xin gần hai tháng mà đã được về còn đòi gì nữa. Hẳn mỗi kỳ máy bay chắc có đến hằng trăm người về ấy chứ, bạn nhỉ.



BỨC THƯ SAIGON

Vì nhận được giấy tờ muộn, gặp vào lúc Noël với lễ Tết dương-lịch nên nhà hàng nào ở Paris cũng nghẹt cả người. Ngoài đường xe nhích từng bước. Chẳng mang được quà gì về cho bạn vì thế. Bạn hỏi sao không lo mua từ trước, nhưng mua trước ngộ nhớ không được về thì chán chết. Sự về quê của tôi không khác gì các cô gái già lúc vừa kiếm ra được một tấm chồng, trước ngày cưới phải lo 'dấu không dám cho ai biết sợ «nhờ tàu» thì ể ăm. «C'est trop beau pour être vrai» (đẹp quá đến không thể tin được) tôi đã hét lên khi cầm cái giấy thông hành trong tay.

Bây giờ kể bạn nghe cuộc hồi hương nhé. Lên sân bay lúc mười một giờ sáng, cái máy ảnh đến phút cuối cùng lại trở chứng, đành phải để lại, cái máy chữ vì hành lý nặng, vượt số hai chục cân nên cũng phải để lại, va li phải rút bớt sách. Nặng chỉ vì sách. Từ Paris về Saigon phải trả gần năm chục quan một cân thừa. Tính ra tôi bị thừa những mười mấy cân, nghèo luôn bạn nhỉ.

Máy bay định khởi hành vào lối mười giờ bốn mươi, nhưng vì có một sự cháy bóng đèn gì đó nên khởi hành muộn mất một giờ, nhìn thấy mấy ông thợ chuyên môn đến bàn cãi làm tôi đâm lo, liệu có về được đến quê hương chăng, hay sẽ thành một

đống xương thịt bèo nhèo thì chán quá.

May phúc, nhờ trời bình yên. Đến Athène (Hy-lạp) được xuống một giờ tha hồ mua «các», bảo thể chứ vừa xuống đã bị gọi lên ngay.

Ngồi cạnh tôi là một ông khách người Mỹ lai Iranien. Nói chuyện chưa đầy năm phút là ông ấy đã hỏi thăm ngay về tình hình Việt-nam.

Bạn biết không, sương mù ở Paris sáng hôm ấy giống hệt như một lớp tường dày mà máy bay phải chọc thủng để chui lên mười một nghìn thước cao, trời bên ngoài dưới năm mươi độ.

Vừa mới được nhìn mặt trời lặn, vừa thấy trời tối om, thế mà có vài giờ sau đã được thấy mặt trời mọc. Chưa đến trình độ quay cái ghế như chú bé hoàng tử của Saint Exupéry, mỗi khi chú bé hoàng tử muốn nhìn mặt trời lặn thì chỉ việc quay cái ghế, sướng quá bạn nhỉ. Đến Téhéran, (Ba-Tur) từ trên cao trông tưởng như chiếc khăn quàng của một cô gái nào đi dự dạ hội, trót vô ý đánh rơi xuống đất. Đèn ánh xanh ánh đỏ chớ dỏm nhoáng muôn màu. Bạn có thấy thế không. Nếu bạn chưa thấy thì hãy để ý nhìn xem khi nào có dịp đi qua. Nhất định bạn cũng sẽ muốn làm trời để ban đêm liếc mắt xuống trần gian nhìn những tấm khăn quàng to

nhỏ của các cô gái giàu nghèo ấy.

Đến Bangkok trời sáng hẳn, hành khách được mời xuống ăn điểm tâm ở tại phi trường. Nhìn thấy con trâu và những mảnh ruộng xanh từ trên cao mà đã cảm động ghê bạn ơi. Chỉ còn hơn một giờ nữa thì được nhìn lại quê hương. Sẽ được các bạn chưa biết mặt đi đón. Tôi không báo tin cho người quen vì muốn tìm một cảm giác đặc biệt. Xem những người bạn chưa biết nhau ấy sẽ nghĩ gì về nhau, phút gặp gỡ đầu tiên.

Đến Saigon lúc mười hai giờ rưỡi. Gặp bà chị và ông em đi đón làm tôi ngẩn cả người, thế là cái chương trình sắp đặt không thành. Cố nhiên có cả các bạn, anh Nguyễn-Vỹ, B.s. Anh-Tuấn Nguyễn - tuấn - Phát và gia đình. Thêm cả chú bé Lê tài Tông. Chú bé này tôi đã dặn đừng đi đón mà chẳng chịu nghe. Tôi chỉ sợ trong lúc tâm hồn đang xao động không thể gặp chú ấy như tôi muốn.

Anh Vỹ, B. s. Anh Tuấn và các bà, người nào cũng bảo nhận ra tôi ngay vì có cái đầu bù và cái đàn trong tay. Biết thế lúc xuống máy bay tôi phá họ bằng cách nhờ bà cụ già xách hộ cây đàn còn mình xách giỏ cho cụ. Như thế sẽ vui biết mấy. Xuống đến

đất, quả thật phải cảm thông với Ulysse, nếu không sợ mọi người cho là đồ điên, thì cũng sẽ cúi hôn đất, như Ulysse đã làm.

Quê hương. Muốn hét lên, muốn ôm lấy Saigon vào trong tay. Bao nhiêu lâu mơ ước.

Thì ra ở đời gõ cửa thì cửa sẽ mở. Tôi cứ tưởng « ngày về còn xa lắm », và « đợi chờ thường âm u » nhưng cái gì rồi cũng có thể đến nếu biết chờ đợi.

Tất cả mọi người đều hỏi tôi Saigon vui hơn hay Paris vui hơn. Trả lời sao đây hở bạn. Cố nhiên là Saigon phải vui hơn rồi. Saigon « béo » ra, đó là ý nghĩ thứ nhất bây giờ mà bị thả ra ngoài đường thì lạc chết. Về Saigon chỉ mỗi một sự « bị được », mời đi ăn cũng đủ gây người.

Đùa đẩy bạn ạ, về đây tha hồ được cưng. Ngay chiều hôm ấy phóng lên thăm mộ mẹ, mộ cha và mộ hai em. Có bà bạn tế nhị (cũng là bạn chưa gặp mặt bao giờ) đã mua sẵn hương hoa cho Minh-Đức lên thăm mộ. Cảm động không, hở bạn.

Đi ăn, đi ăn, và đi ăn. Từ sáng đến tối được mời. Tha hồ nghe ca sĩ, tha hồ phơi nắng, tha hồ quạt. Giờ này Paris đang run rẩy trong những chiếc mũ len, những đôi giày cao cổ và chiếc áo tơi

sùm súp mà Minh-Đức của bạn đã ăn mặc giống hệt cô gái Saigon rồi đẩy bạn ạ. Hôm qua có bà chị cưng mang đi mua sắm quần áo. Bạn mà trông thì xiu liền...

Anh Vỹ mời đi ăn với một số anh chị em trong Tao-Dàn Bạch-Nga : Anh-Tuấn, Tuệ-Mai, Hỷ-Khương, Tuấn-Kiệt, Nguyễn-Thu-Minh, Thu-Nhi, Ngọc-Hân, và bác-sĩ Phát phu-nhân. Nghe bảo chị Thu-Nhi đáng lẽ đã đi Phan-thiết nhưng vì có Minh-Đức nên rán ở lại thăm. Lại cảm động. Bao nhiêu cử chỉ cảm động mà mỗi người bạn dành riêng cho mình.

Quê hương thật dễ thương.

Bạn biết không, tôi phục tất cả mọi người lái xe ở Saigon, cho tôi lái xe thì từ ba hôm nay ít nhất cũng có một trăm năm mươi vụ đụng xe.

Còn bao nhiêu người phải gặp, bao nhiêu người phải thăm, bao nhiêu quà phải đưa.

Hẹn thư sau, hay bạn sẽ bảo như chú bé Quang, chị về nước thì người ta hết thích chị, thế thì M.Đ. của bạn đành trở về làng

cũ đi cày cho xong. Quên khoe với bạn tôi vừa về là phải đến thăm ngay hai ông chủ hiệu làm tóc Gương Thu ở đường Trần Hưng Đạo và ông chủ hiệu may Thiết Lập ở Tân Định. Cả hai đều hài lòng khi nghe bảo không có tiệm may, tiệm thợ cạo nào ăn được của Minh-Đức một xu nhỏ. Mà về đây đã phải nạp tiền mả lộ cho hai ngài. Đỡ bạn biết vì sao, vì muốn mình cũng sẽ có cái dáng dấp của người Việt như ai. Nói tiếng Việt nếu chỉ nói với trẻ con hoặc những câu chuyện thường thì rất dễ nhưng nếu đề cập đến một vấn đề gì khó thì cũng như bao nhiêu người mới về khác đều có lúc ngập ngừng tìm không ra chữ. Lỗi tại ở Pháp lâu và lười, khi gặp chữ nào khó là nói sang tiếng Pháp ngay. Mách bạn đề bạn có sắp sang Pháp hay sắp về nước xin hãy coi chừng.

Thư dài rồi bạn ơi, và mắt cũng díp lại rồi. Hẹn bạn thư sau. Về đây có bao nhiêu người mừng vì khỏi phải viết thư, khỏi phải mỏi tay như . . . anh Vỹ.



nhỏ của các cô gái giàu nghèo ấy.

Đến Bangkok trời sáng hẳn, hành khách được mời xuống ăn điểm tâm ở tại phi trường. Nhìn thấy con trâu và những mảnh ruộng xanh từ trên cao mà đã cảm động ghê bạn ơi. Chỉ còn hơn một giờ nữa thì được nhìn lại quê hương. Sẽ được các bạn chưa biết mặt đi đón. Tôi không báo tin cho người quen vì muốn tìm một cảm giác đặc biệt. Xem những người bạn chưa biết nhau ấy sẽ nghĩ gì về nhau, phút gặp gỡ đầu tiên.

Đến Saigon lúc mười hai giờ rưỡi. Gặp bà chị và ông em đi đón làm tôi ngẩn cả người, thế là cái chương trình sắp đặt không thành. Cố nhiên có cả các bạn, anh Nguyễn-Vỹ, B.s. Anh-Tuấn Nguyễn - Tuấn - Phát và gia đình. Thêm cả chú bé Lê tài Tông. Chú bé này tôi đã dặn đừng đi đón mà chẳng chịu nghe. Tôi chỉ sợ trong lúc tâm hồn đang xao động không thể gặp chú ấy như tôi muốn.

Anh Vỹ, B. s. Anh Tuấn và các bà, người nào cũng bảo nhận ra tôi ngay vì có cái đầu bù và cái đàn trong tay. Biết thế lúc xuống máy bay tôi phá họ bằng cách nhờ bà cụ già xách hộ cây đàn còn mình xách giỏ cho cụ. Như thế sẽ vui biết mấy. Xuống đến

đất, quả thật phải cảm thông với Ulysse, nếu không sợ mọi người cho là đồ điên, thì cũng sẽ cúi hờn đất, như Ulysse đã làm.

Quê hương. Muốn hét lên, muốn ôm lấy Saigon vào trong tay. Bao nhiêu lâu mơ ước.

Thì ra ở đời gở cửa thì cửa sẽ mở. Tôi cứ tưởng « ngày về còn xa lắm », và « đợi chờ thường âm u » nhưng cái gì rồi cũng có thể đến nếu biết chờ đợi.

Tất cả mọi người đều hỏi tôi Saigon vui hơn hay Paris vui hơn. Trả lời sao đây hở bạn. Cố nhiên là Saigon phải vui hơn rồi. Saigon « béo » ra, đó là ý nghĩ thứ nhất bây giờ mà bị thả ra ngoài đường thì lạc chết. Về Saigon chỉ mỗi một sự « bị được », mời đi ăn cũng đủ gây người.

Đùa đẩy bạn ạ, về đây tha hồ được cưng. Ngay chiều hôm ấy phóng lên thăm mộ mẹ, mộ cha và mộ hai em. Có bà bạn tế nhị (cũng là bạn chưa gặp mặt bao giờ) đã mua sẵn hương hoa cho Minh-Đức lên thăm mộ. Cảm động không, hở bạn.

Đi ăn, đi ăn, và đi ăn. Từ sáng đến tối được mời. Tha hồ nghe ca sĩ, tha hồ phơi nắng, tha hồ quạt. Giờ này Paris đang run rẩy trong những chiếc mũ len, những đôi giày cao cổ và chiếc áo tơi

sùm súp mà Minh-Đức của bạn đã ăn mặc giống hệt cô gái Saigon rồi đấy bạn ạ. Hôm qua có bà chị cưng mang đi mua sắm quần áo. Bạn mà trông thì xiu liền...

Anh Vỹ mời đi ăn với một số anh chị em trong Tao-Đàn Bạch-Nga : Anh-Tuấn, Tuệ-Mai, Hỷ-Khương, Tuấn-Kiệt, Nguyễn-Thu-Minh, Thu-Nhi, Ngọc-Hân, và bác-sĩ Phát phu-nhân Nghe bảo chị Thu-Nhi đáng lẽ đã đi Phan-thiết nhưng vì có Minh-Đức nên rón ở lại thăm. Lại cảm động. Bao nhiêu cử chỉ cảm động mà mỗi người bạn dành riêng cho mình.

Quê hương thật dễ thương.

Bạn biết không, tôi phục tất cả mọi người lái xe ở Saigon, cho tôi lái xe thì từ ba hôm nay ít nhất cũng có một trăm năm mươi vụ đụng xe.

Còn bao nhiêu người phải gặp, bao nhiêu người phải thăm, bao nhiêu quà phải đưa.

Hẹn thư sau, hay bạn sẽ bảo như chú bé Quang, chị về nước thì người ta hết thích chị, thế thì M.Đ. của bạn đành trở về làng

cũ đi cày cho xong. Quên khoe với bạn tôi vừa về là phải đến thăm ngay hai ông chủ hiệu làm tóc Cương Thu ở đường Trần Hưng Đạo và ông chủ hiệu may Thiết Lập ở Tân Định. Cả hai đều hài lòng khi nghe bảo không có tiệm may, tiệm thợ cạo nào ăn được của Minh-Đức một xu nhỏ. Mà về đây đã phải nạp tiền mãi lộ cho hai ngài. Đố bạn biết vì sao, vì muốn mình cũng sẽ có cái dáng dấp của người Việt như ai. Nói tiếng Việt nếu chỉ nói với trẻ con hoặc những câu chuyện thường thì rất dễ nhưng nếu đề cập đến một vấn đề gì khó thì cũng như bao nhiêu người mới về khác đều có lúc ngập ngừng tìm không ra chữ. Lỗi tại ở Pháp lâu và lười, khi gặp chữ nào khó là nói sang tiếng Pháp ngay. Mách bạn đề bạn có sắp sang Pháp hay sắp về nước xin hãy coi chừng.

Thư dài rồi bạn ơi, và mắt cũng díp lại rồi. Hẹn bạn thư sau. Về đây có bao nhiêu người mừng vì khỏi phải viết thư, khỏi phải mỏi tay như . . . anh Vỹ.



MÌNH ƠI ! MÌNH

10

ở các nước Âu Mỹ

báo có ra nhiều quá như ở
xứ mình không?



8 giờ sáng Chủ-nhật, bà Tú cắp tay ông Tú đi ra tiệm cà-phê ở ngã-tư để ăn tô hủ tiếu. Trong tiệm chật-ních không còn một bàn trống, vợ chồng ông Tú phải ngồi hai ghế đầu của chiếc xe mì, kẻ sập báo. Ông Tú nhanh-nhau báo chú Chiết bán mì :

— Cho hai tô mì nhỏ, mỗi tô hai « dặt ».

Bà Tú dặn :

— Đừng bỏ lá hẹ, nghen !

Chị Năm bán báo ngồi kế cận, nhòen một nụ cười tình-tứ, bảo ông Tú :

— Bữa nay có thêm 3 tờ báo mới nữa, ông Tú bà Tú đã xem chưa ?

Ông Tú cũng mỉm cười đáp lại bằng một cái gật đầu.

Bà Tú hỏi :

— Thế là hôm nay có tất cả bao nhiêu tờ báo ra đời, hả chị Năm ?

— 32 tờ cả thảy, cô Tú à. Cô Tú có xem, em lấy cho cô Tú mỗi thứ một tờ để cô Tú xem chơi. Đạo này báo nào cũng đăng tiêu thuyết ái-tình cụp-lạc lắm, cô Tú à.

— Cụp-lạc là sao, chị Năm ?

— Là mê-ly. Dứt gân kinh-khủng đi lặn !

Chú Chiết bưng hai tô mì đến, hơi nóng bay lên thơm ngát. Bà Tú vừa ăn vừa hỏi ông Tú :

— Mình ơi, đạo này báo ở đâu mà ra lắm thế vậy, hả Minh ?

— Ở trong trường báo chứ đâu.

— Tụi mình chưa bao giờ đọc hết cả gần ấy báo một ngày nhỉ.

Quây sang chị hàng báo, bà Tú nói tiếp :

— Báo ra loạn xị thế chắc chị bán được nhiều lắm, chị Năm nhỉ.

Chị Năm lắc đầu, thờ ra :

— Ồi, ể lắm, cô Tú ơi. Chỉ được vài ba tờ chạy nhất, còn thì bán lại rai.

Ông Tú chê ớt không cay, Bà Tú bỏ thêm vài miếng ớt trong tô mì của chồng, và hỏi :

— Ở các nước Âu-Mỹ, nhất báo có nhiều như ở Saigon không hả Minh ?

— Kề ra cũng nhiều, nhưng báo họ không ể, vì dân chúng đọc nhiều. Nhất là họ thích xem những bài phê-bình về thời-sự.

— Nhưng em chắc là ở các xứ Âu Mỹ không đến nỗi báo ra loạn-xà-ngầu như ở xứ mình.

— Ồ, trái lại ! Ngay từ thế kỷ XIX, Việt-nam chưa có báo mà ở Pháp, ở Anh, ở Mỹ nhật báo đã có rồi, và còn nhiều hơn báo ở Sài-gòn hiện nay. Như ở Mỹ, năm 1860 đã có 387 tờ nhật

báo. Sau đó, báo chết lần hồi, mà hầu hết là chết non, nhưng hiện nay cả nước Mỹ vẫn còn đến 1855 tờ nhật báo, tổng cộng số tiêu thụ được trên 56 triệu số báo bán mỗi ngày. Ở Paris, thủ-đô Pháp lại còn nhiều hơn nữa. Năm 1860 riêng ở Paris đã có 500 tờ báo hằng ngày, năm 1866 số ấy lại còn tăng thêm lên đến 800 tờ. Em thử tưởng tượng xem có ghê không!

— Chắc tại dân-số của họ đông quá, nên báo phải ra nhiều thế mới đủ cung-phụng cho độc-giá phải không, Minh?

— Không phải vì dân số đông. Em nên biết ngay từ năm 1891 tờ Petit journal của Pháp đã bán được mỗi ngày 1 triệu số, tờ Figaro 80.000 số, tờ Petit Parisien 500.000 số. Em thử lấy một tờ như Le Petit Parisien, năm 1891 đã bán được mỗi ngày 500.000 số, và một tờ báo chạy nhất ở Việt-Nam hiện nay (1964), không bán được quá 50.000 số. Em so-sánh xem!

Bà Tú bỏ đôi đũa xuống bàn, hít-ha chảy nước mắt:

— Ớt cay quá mà Minh nói không cay!

Ông Tú tủm tỉm cười:

— Về thời-gian báo-chí thì nước ta đã chậm tiến hơn họ

đến 73 năm. Còn! về số báo bán tối-đa của mình thì không bằng một phần mười số báo của họ bán năm 1891! Báo của xứ họ bán đắt như thế, là nhờ 95% dân chúng đều mua báo xem, chứ không mượn báo coi như trường hợp duy nhất ở xứ ta.

— Còn báo bên Mỹ thì sao, hả Minh?

— Ở Mỹ, hiện nay tờ báo phát hành mạnh nhất là tờ New-York Daily News mỗi ngày bán hơn 2 triệu số.

— Ồ, ghê quá, Minh nhỉ.

Bà Tú gọi chú Chiệt:

— Cho hai ly cà-phê sữa, chú!... Còn ở bên Anh thì sao, hả Minh?

— Ở London, tờ báo chạy nhất là Daily Express mỗi ngày bán được 4.328.000 số.

Times, tờ báo uy tín nhất của Anh-quốc nhưng bán ít nhất, cũng đến 260.000 số mỗi ngày. Tờ Manchester Guardian của hạng trí-thức mỗi ngày bán trên 2.000.000 số, Daily Herald của thợ thuyền cũng bán được 3.000.000 số, Mirror, khổ nhỏ, của «Đợt sóng mới», bán trên 4.500.000 số. Hai tờ Express và Mail, phát hành mỗi buổi sáng, bán được

8.000.000 số. Còn tuần báo như ở New sof the World, 7 000.000 số, The People ra mỗi chủ nhật 5.500.000 số...

— So sánh báo ở xứ người với báo ở xứ mình, nghe mắc cở!... Tại sao có sự chênh lệch quá thế, hả Minh?

— Vấn đề dễ hiểu lắm. Dân số nước ta có trên mười hai triệu, mà tờ báo bán chạy nhất chỉ đến con số tối-đa thường xuyên là 60.000 mà thôi. Đôi khi đặc biệt, hoặc tờ báo có bài xã thuyết đích-đáng bàn về vấn đề thích hợp với dư luận quần chúng, hoặc bài điều-tra phóng sự gọi là «giật gân», thì số bán có thể lên đến 100.000 là quá mức. Lý do, là vì số người coi báo còn ít quá. Cứ theo tỷ số 12 000 000 dân mà chỉ có 100.000 người coi báo, thì tính ra 120 người chỉ có 1 người coi báo mà thôi. Đây là nói về tờ báo có uy tín nhất và bán chạy nhất. Còn các báo khác, thí dụ số bán được 30.000 số, thì trong 400 người chỉ có 1 người coi, bán 20.000 số, thì trong 600 người chỉ có 1 người coi, bán 10.000 số, thì trong 1200 người chỉ có 1 người coi. Nhưng tỷ số ấy thật là quá ít. Và theo số bán mỗi ngày của

các báo ngoại quốc, tỷ số trung bình có thể: 100 người có đến 95 người xem báo, (95%).

— Tại sao số độc-giả Việt-Nam xem báo rất ít quá vậy?

— Trước kia, hồi Sài-gòn còn ít báo, không quá 15 tờ, thì vài tờ báo bán chạy nhất có thể đến con số 45.000, hoặc 46.000. Tổng cộng tất cả 15 tờ báo mỗi ngày chỉ bán được 300.000 đến 400.000 người đọc. Nghĩa là cả nước Việt-Nam 12.000.000 dân, chỉ có 400 000 người mua báo xem mà thôi. Từ khi báo ra nhiều quá, thay vì 15 tờ bây giờ có những 30 tờ, tất nhiên số độc giả 400 000 người kia bị phân phối ra nhiều, số người mua mỗi tờ báo vì thế mà phải bị sụt xuống từ 50 đến 25, hoặc 20 phần 100.

— Nhưng em không hiểu tại sao số người xem báo ở xứ ta lại ít thế? Không được đến 40%?

— Vì hai nguyên nhân. Một là số người mua chỉ có 40%, số người xem có thể là 80% hoặc 90% cũng nên. Nghĩa là có đến 40% hoặc 50% xem báo mà không cần mua.

— Thế là thế nào?

— Là họ mượn báo. Thay

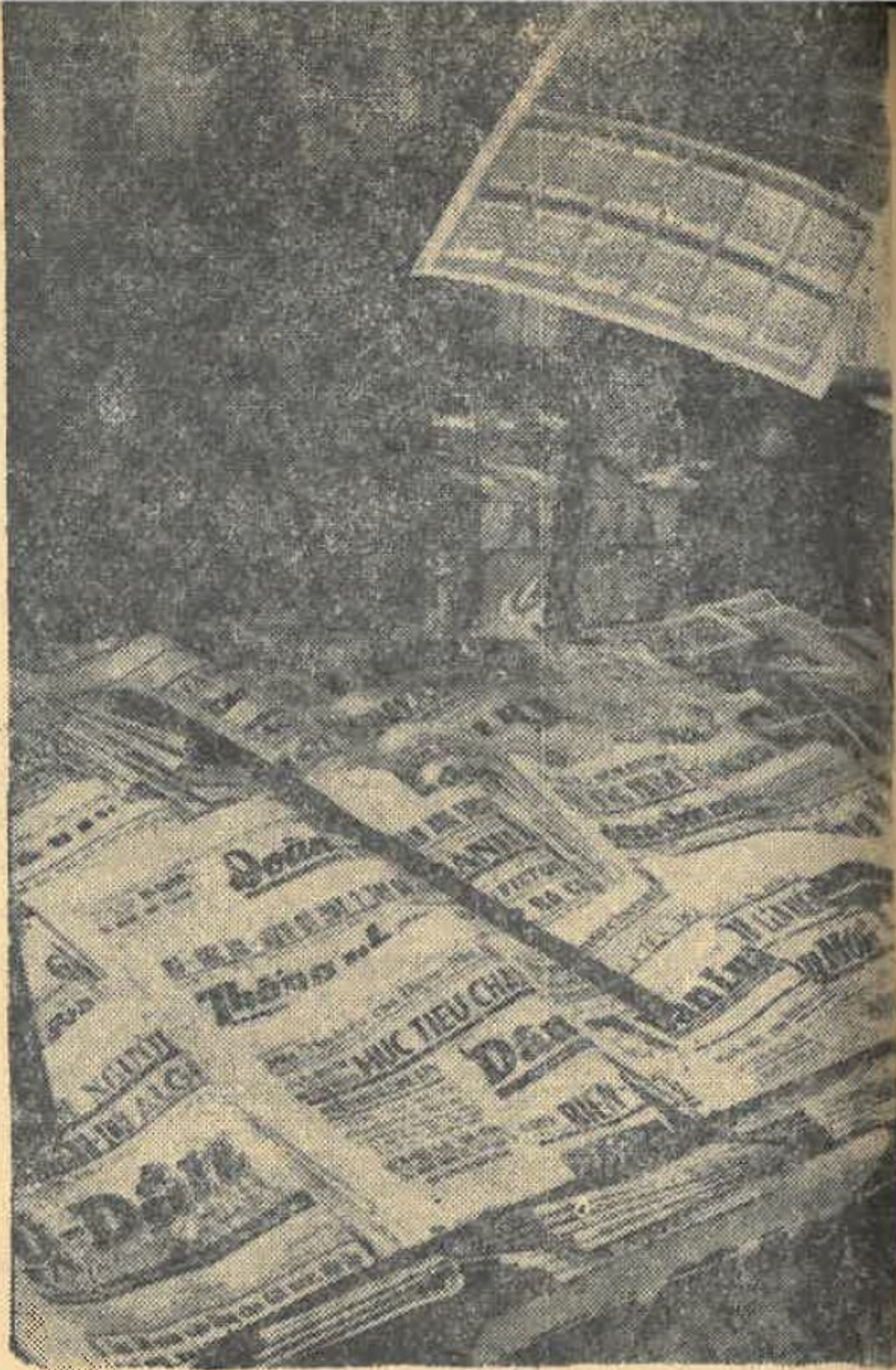
vì bán tờ báo 2\$ cho khách hàng, người bán báo cho khách mượn 0\$50 một tờ báo, khách xem xong trả báo lại. Như thế là có lợi riêng cho người bán báo cả người đọc báo, mà thiệt hại cho người chủ báo. Do đó, người ta biết rằng một tờ báo Việt-Nam có thể có 100.000 người đọc nhưng chỉ có từ 40.000 người mua. Đây là nói những tờ báo tạm gọi là «nhiều độc giả nhất» «được uy - tín nhất». Nhưng tờ báo tốt nhất có thể có 100.000 người đọc nhưng lại chỉ có 2.000 người mua thôi. Đây là chúng ta nói thí dụ.

Cho nên ở nước ta, báo ra càng nhiều, thì số người mua báo càng sụt.

— Như thế không sớm thì muộn những tờ báo kém cỏi sẽ

yếu dần và sẽ tự tiêu diệt. Những tờ báo vững vàng hơn cũng không tiến lên được bao nhiêu.

— Đây là cái tai họa chung cho toàn thể báo chí Việt-Nam. Hiện nay báo ra đã trên 30 tờ, và sẽ còn ra nữa, có thể đến



MÌNH ƠI

60, 70 tờ. Đã có nhiều tờ báo không thể sống được với số độc giả quá ít-oi, (nhiều tờ chỉ bán được 3.000 số mỗi ngày, cả đô-thành lẫn các tỉnh). Những báo đó đang tìm cách sống nhờ tiền quảng cáo, hoặc nhờ tiền bán báo ế, vì giá giấy báo cũ hiện nay cũng gần đồng giá với giấy trắng để in.

Một mặt nữa, tính chất đồng nhất của các báo hằng ngày ở xứ ta, thiếu những đặc-điểm riêng của mỗi tờ báo, và không có lập-trường riêng, không thể hấp dẫn và lôi cuốn đại đa số quần chúng, cho nên muốn vượt qua cái mực tiêu thụ trung bình trên 10.000 số mỗi ngày, hoặc mức tối-đa trên 30.000 thì ban biên tập của mỗi tờ báo phải cố gắng lắm mới được. Nhưng một cố gắng thường xuyên khó mà có được trong phạm-vi khả-năng tổ-chức của đa số nhật báo ngày nay. Trên 30 tờ nhật báo ở Saigon đang bị kẹt trong tình-trạng bế-bối hỗn-độn không có lối thoát. Vì thế, những nhà tư-bản mới tìm cách lợi-dụng trạng-huống ấy để lũng-đoạn báo-chí, và dùng những phương tiện dồi-dào vật-chất để lôi cuốn độc-giả, thí-dụ như: Lịch, tranh ảnh in offset, hoặc ra thường xuyên 6 trang, v.v... khiến cho các nhà báo ít vốn có thể bị thiệt-hại nặng-nề, rồi dần dần tự bắt buộc đình bản.

— Mình ơi, thế thì sự tranh đua ra báo nhiều quá như hiện nay có lợi ích gì cho dân chúng đâu?

— Không lợi ích gì? Em nói cũng có lý. Nhưng sau một cuộc Cách-mạng luôn luôn có sự hỗn-độn về mọi phương diện sinh hoạt nhân dân trong một thời-gian nào đó. Rồi dần-dần tình hình sẽ ổn-định, sẽ đến giai đoạn khác, tất cả những gì thừa thãi hoặc không tiến-bộ, tự nhiên sẽ không tồn-tại được.

Bà Tú ngồi nhìn sập báo của chị Năm... Khách hàng rất đông, nhất là sáng Chủ-nhật. Nhưng trong 10 người đứng lật qua lật lại xem trang nhất trang tư của mỗi tờ báo, chỉ có một vài người mua một vài tờ. Họ bảo nhau: «Báo nào cũng như báo nào...» rồi họ mua đại một tờ nào đó, không cần suy nghĩ, không có định-kiến rõ ràng. Có một cô em ở tiệm hớt tóc gần đây lấy cả gần 20 chục tờ một lúc... Để rồi trưa, hoặc chiều, cô đem đủ cả 20 tờ, hoặc 18 tờ, trả lại chị Năm.

Bà Tú khẽ bảo ông Tú:

— Thôi, Mình, Mình đừng thêm làm báo nữa, Mình nhé. Em ghét cái nghề đó rồi.

Bà Tú trả tiền hai tô mì, và hai ly cà-phê, xong đứng dậy đi về với ông Tú... Bà còn nói với ông Tú:

— Em không thích Mình làm báo trong lúc này nữa đâu.

Ông Tú lặng lẽ cúi đầu đi...

★ Diệu-Huyền

cuộc chiến đầu

* TRẦN TUÂN-KIỆT
(Trong Tao-Đàn Bạch-Nga)

Còn quỷ đến làm phép

Đàn đêm và vực sâu

Tuyệt vọng và hận thù.

Còn quỷ đến làm phép

Đôi ta không thấy nhau

Em biết bởi vì sao ?

— Thiên thần ngự trên cao

Mặt đất là của quỷ

Và loài người tranh nhau

Còn quỷ đến làm phép

Loài người yếu đuối kia

Vẫn mong làm dáng đẹp

Cho thiên thần đêm khuya

— Thiên thần ngự trên cao

Còn quỷ và loài người

Hăm-hè câu xé nhau

— Thiên thần ngự trên cao.

LỄ TRUY-ĐIỆU NHẤT-LINH

NGUYỄN-TƯỜNG-TAM

* Nguyễn-Minh



v.v...đã tổ chức tại vườn Tao-Đàn, Saigon, một lễ truy-diệu nhà văn Nguyễn-tường-Tam.

Buổi lễ cử hành theo cồ-tục Bắc-Việt, có chuông, trống, và đọc văn-tế, với sự tham-gia của vài ngàn người gồm đại đa số là học sinh, đại diện sinh viên và một số đảng phái chánh-trị.

Giữa buổi lễ đang nghiêm trang, bỗng một nhóm đông do sự chỉ-huy của ông Vũ-hồng-Khanh (Việt-Nam Quốc Dân Đảng) bỏ ra về, vừa la to : « Đả đảo !... ». Một vài nhóm khác, học sinh của ông Phan-Ngô (cũng V.N.Q.D.Đ.) cũng bỏ đi ra và la lớn « Tại sao không truy điệu các chiến sĩ cách-mạng mà truy điệu Nguyễn-Tường-Tam ? ». Đám đông xông-xao, trong lúc trước bàn thờ đèn hương nghi-ngút, một người điề-nhiên tiếp-tục đọc một bài văn tế.

Hồi 9 giờ sáng ngày 5-1-1964, một nhóm thân hữu của Nhất-Linh trong P.E.N Club : Linh-mục Thanh Lăng, nhà văn Hiếu Chân,

Buổi lễ không còn tính cách văn nghệ nữa mà biến thành một cuộc phá hoại nội bộ do chính những đảng viên của Việt Nam Quốc Dân Đảng gây ra, chống lại Nguyễn-tường-Tam. Một người nào đó lại rải truyền đơn dả-đảo chính-phủ, và rồi cuộc, một nhóm đảng viên Quốc Dân Đảng và một đoàn học sinh kéo đi biểu tình ngoài phố, dả-đảo thuyết Trung-Lập ! Thật không ai hiểu gì cả.

10 giờ 20, buổi lễ bế-mạc trong sự ồn-ào rối loạn. Rất tiếc, ban tổ-chức không làm chủ được tình-thế. Vì đó, buổi lễ cầu-siêu cho hương hồn Nhất Linh đã mất hết tính cách uy-nghiêm và mất cả ý nghĩa. Đại đa số đồng-bào không tham gia lễ cầu siêu này, nhất là các giới trí-thức và lao động. Báo-chí không hưởng ứng mấy.

● **Tiểu sử Nhất - Linh Nguyễn-Tường-Tam**
(1906 — 1963)

Ông Nguyễn-tường-Tam bút hiệu quen thuộc nhất là Nhất Linh sinh năm 1906 tại làng Cẩm Phô huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Thân phụ ông là một nhà nho, trước làm tri huyện ở Cẩm Giàng, sau đi làm tòa xứ ở Ai-lao và mất tại đó trong khi ông Nguyễn-tường-Tam còn thơ ấu.

Ông có tất cả 6 anh em, mà nhiều người đã nổi tiếng trong văn giới nhất là Hoàng-Đạo và Thạch Lam. Năm 1924 ông đậu Thành chung và theo học trường Mỹ thuật Hà-nội. Đến năm 1926 ông sang Pháp du học và năm 1930 ông về nước sau khi đã đậu bằng cử nhân khoa học.

Năm 1932, ông điều khiển tờ tuần báo Phong Hóa với sự cộng tác của các văn sĩ Khái-Hưng, Hoàng-Đạo, Tú-Mỡ, Thế-Lữ, và họa sĩ Nguyễn gia Trí. Đầu năm 1933, Nhất Linh thành lập Tự lực văn đoàn. Năm 1936 tờ Phong Hóa đóng cửa, ông tiếp tục cho ra tờ Ngày Nay.

Năm 1939, ông giữ chức Tổng thư ký trong Đảng Đại Việt dân chính do ông thành lập có tính cách thân Nhật-bồn. Bị thực dân Pháp lùng bắt, năm 1942 ông trốn sang Liễu Châu liên lạc với các nhà cách mạng Việt nam ở đây. Năm 1945, ông về nước giữ chức Bộ Trưởng ngoại giao trong chánh phủ Hồ-Chí-Minh. Ông là Trưởng phái đoàn ngoại giao Việt-Nam tại Hội nghị Đà-lạt.

Nhưng vì không đồng ý với đường lối chính trị của Cộng sản, nên ông từ chối không làm Trưởng phái đoàn Việt-Nam đi dự Hội Nghị Fontainebleau. Năm

1946 ông sang Trung Hoa. Năm 1950, ông về Hà nội rồi lên ở Đà-lạt.

Năm 1958 ông xuống Saigon hoạt động văn hóa, làm chủ tịch Việt-Nam P.E.N. club (do Mỹ viện trợ). Đồng thời ông cho phát hành giai phẩm Văn Hóa Ngày Nay. Được mấy số thì Văn-Hóa Ngày Nay tự đình bản.

Ngày 11-11-1960 ông lập Mặt trận Quốc Dân đoàn kết, nhưng rồi

cuộc đảo chính thất bại, chính phủ Ngô đình Diệm bắt đầu khủng bố bắt bớ các chiến sĩ quốc gia. Ông Tam không bị bắt.

Ngày 7-7-1963 ông Nguyễn Tường Tam đã uống thuốc ngủ tự tử để phản đối bản án xử tội ông.



★ **LẦN NÀY KHÔNG PHAI**

Người ta chở vào bệnh-viện một người đàn ông mình đầy thương tích.

Một cảnh-sát-viên móc túi lấy sổ ra và hỏi :

— Anh tên gì ? Mấy tuổi ?

Nạn-nhân trả lời :

— Tôi tên Mọp, Mai-văn-Mọp. Năm ngoái 21 tuổi, năm nay 22...

— Anh có vợ chứ ?

— Vâng, tôi có vợ... Nhưng lần này tôi không phải bị vợ... Tôi bị tai nạn xe hơi.

GIÁO - HỘI PHẬT - GIÁO VIỆT - NAM THỐNG - NHẤT

• nguyên

văn

bản

HIẾN

CHƯƠNG

* LỜI MỞ ĐẦU

Công bố lý tưởng hòa bình của Giáo lý đức Phật, 2 Tông phái Phật-giáo tại Việt-nam thực hiện nguyện vọng thống nhất thực sự, đã hoài-bão từ lâu, để phục vụ nhân loại và dân tộc : đó là lập trường thuần nhất của Giáo hội Phật-giáo Việt-nam Thống nhất.

GHPGVNTN không đặt sự tồn tại của mình nơi nguyên vị cá biệt mà đặt sự tồn tại đó trong sự tồn tại của nhân loại và dân tộc.

Quan niệm thống nhất Phật Giáo Việt Nam được thể hiện theo chủ trương điều hợp nghĩa là : giáo lý, giới luật và nếp sống của hai tông phái cũng như của

hai giới Tăng sĩ và Cư sĩ chân những được tôn trọng mà còn phải nỗ lực phát triển trong sự kết hợp có chỉ đạo. Chính đó là sắc thái đặc biệt của nền Phật-Giáo thống nhất tại Việt-Nam.

CHƯƠNG THỨ I

• Danh hiệu, Huy hiệu và Giáo kỳ của GHPGVNTN

Điều thứ 1 — Tổ chức thống nhất của hai Tông phái tại Việt Nam lấy danh hiệu là GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT, viết tắt là GHPGVNTN.

GIÁO-HỘI PHẬT-GIÁO

Điều thứ 2. — Huy hiệu của GHPGVNTN là Pháp luân (có 12 căn tượng trưng 12 nhân duyên lưu chuyển và hoàn diệt) theo hình vẽ.

Điều thứ 3 — Giáo kỳ của GHPGVNTN là cờ Phật giáo Thế Giới.

CHƯƠNG THỨ II

• Mục đích

Điều thứ 4 — GHPGVNTN điều hợp hai Tông phái Phật-giáo tại Việt Nam để phục vụ nhân loại và dân tộc bằng cách hoằng dương chánh pháp.

CHƯƠNG THỨ III

• Thành phần

Điều thứ 5. — Thành phần của GHPGVNTN gồm hết thầy Tăng sĩ và Cư sĩ thuộc Nam Tông và Bắc Tông, chấp nhận bản Hiến Chương này.

CHƯƠNG THỨ IV

• Hệ thống tổ chức

Điều thứ 6 — GHPGVNTN là một trong những "Trung Tâm Điem địa phương" của Hội Phật-Giáo Thế-giới.

Điều thứ 7. — Tại Trung Ương GHPGVNTN có 2 viện :

1) Viện Tăng Thống.

2) Dưới Viện Tăng Thống là Viện Hóa Đạo.

• Đức Tăng Thống và Viện Tăng Thống

Điều thứ 8. — Ngôi vị lãnh đạo tối cao của GHPGVNTN là đức Tăng Thống.

Đức Tăng Thống lãnh đạo giới luật cho toàn thể Tăng, Ni Việt Nam và lãnh đạo Đạo Pháp cho toàn diện Phật Giáo đồ Việt Nam.

Đức Tăng Thống trực tiếp lãnh đạo viện Tăng-Thống. Nhiệm kỳ của Ngài là BỐN năm.

Điều thứ 9. — Viện Tăng Thống gồm có tối thiểu là 4 vị Trưởng Lão từ 60 tuổi sắp lên và 4 vị Thượng Tọa từ 40 tuổi sắp lên do 2 Tông phái cung thỉnh.

Điều thứ 10 — Nhiệm vụ của Viện Tăng Thống :

a) Chuyên trách về sinh hoạt giới luật cho Tăng, Ni bằng cách :

— Trông coi việc truyền thụ giới luật do Tăng bộ đệ trình ;

— Cấp phát Giới Đệp cho cả hai Tông Phái.

- Lập tăng tịch.
- Trông coi việc “Y luật xử trị do Tăng bộ đệ trình.

b) Trình đức Tăng Thống phê chuẩn và ban hành Hiến chương GHPGVNTN.

c) Phê chuẩn và ban hành những Quy-chế liên hệ Tăng, Ni V.N.

d) Trình đức Tăng-thống tán phong Viện Hóa Đạo.

e) Là Hội đồng Cố vấn và đạo pháp cho Viện Hóa Đạo.

Điều thứ 11.— Đức Tăng Thống và Phó Tăng Thống do

Viện Tăng Thống suy tôn trong hàng Trưởng Lão của Viện.

Đức Phó Tăng Thống không cùng một Tông phái với đức Tăng Thống.

Điều thứ 12.— Khi đức Tăng Thống hoặc đức Phó Tăng Thống viên tịch trước nhiệm kỳ thì vị Trưởng Lão đồng Tông phái trong viện Tăng Thống đương nhiên thay thế cho đến khi mãn nhiệm.

Điều thứ 13.— Viện Tăng Thống có 2 vị Chánh, Phó Thư ký được cử ra trong 4 vị Thượng Tọa.

Đức Tăng-Thống **THÍCH-TỊNH-KHIẾT**, (người mặc đồ trắng ngồi giữa) chụp chung bức hình kỷ niệm cùng các Tông phái trong ngày Đại Hội Phật-giáo Việt-Nam Thống nhất



• Viện Hóa Đạo

Điều thứ 14.— Lãnh đạo và điều hành hết thảy các ngành hoạt động của GHPGVNTN là Viện Hóa Đạo.

Thành phần của viện này gồm có :

- 1 Viện Trưởng (Tăng sĩ)
- 3 Phó Viện Trưởng (không luận Tăng sĩ, Cư sĩ hay Tông phái).

Trong Viện Hóa Đạo có 6 Tổng Vụ là :

- 1) Tổng Vụ Tăng Sư
- 2) — Hoằng Pháp
- 3) — Pháp sư
- 4) — Tài chánh và Kiến thiết
- 5) — Cư sĩ
- 6) — Thanh niên

Điều khiển công việc của Tổng Vụ là một Tổng Ủy Viên

Trong mỗi Tổng Vụ có các Vụ do một ủy-viên trông coi.

1) Tổng Vụ Tăng Sự có các Vụ sau đây :

- Vụ Tăng bộ Bắc Tông
- Vụ Tăng Bộ Nam Tông
- Vụ Ni bộ Bắc Tông (y chỉ Tăng bộ BT)
- Vụ Ni bộ Nam Tông (y chỉ Tăng bộ NT)
- Vụ Phật Học viên

2) Tổng Vụ Hoằng Pháp có các Vụ sau đây :

- Vụ phiên dịch
- Vụ Trước tác, Báo chí.
- Vụ truyền bá
- Vụ kiểm duyệt

3) Tổng vụ Pháp sự có các vụ sau đây :

- Vụ Nghi lễ và Giao tế.
- Vụ giáo dục
- Vụ văn mỹ nghệ
- Vụ Xã hội

4) Tổng vụ tài chánh và kiến thiết có các Vụ sau đây :

- Vụ quản trị bất động sản
- Vụ Quản trị động sản
- Vụ kiến thiết

5) Tổng vụ Cư sĩ có các Vụ sau đây :

- Vụ Thiện tín Bắc tông
- Vụ Thiện tín Nam tông
- Vụ Đặc trách các đoàn thể Phật tử chuyên nghiệp

6) Tổng Vụ Thanh niên có các vụ sau đây :

- Vụ Gia-dình Phật-tử
- Vụ Sinh viên Phật tử
- Vụ học sinh Phật tử
- Vụ Thanh Niên Phật tử

Điều thứ 15.— Viện trưởng, các Phó Viện trưởng và các Tổng Ủy viên họp thành ban Chỉ đạo.

Điều thứ 16.— Đề đơn đốc và kiểm tra Phật sự tại các Tỉnh, Viện Hóa Đạo bổ nhậm 6 vị

Đại diện tại 6 miền lấy pháp hiệu của 6 vị cao Tăng tại Việt Nam sau đây :

— Vạn Hạnh (Bắc Trung nguyên Trung phần)

— Liễu Quán (Nam Trung nguyên Trung phần)

— Khuông Việt (Cao nguyên Trung phần)

— Khánh Hòa (Miền Đông Nam phần)

— Huệ Quang (Miền Tây Nam phần)

— Vĩnh Nghiêm (Phật tử miền Bắc)

Thủ-Đô Saigon là một miền lấy tên Quảng Đức và trực thuộc viện Hóa Đạo.

Điều thứ 17.— Tại mỗi tỉnh có một Tỉnh Giáo Hội trực thuộc Viện Hóa Đạo điều khiển bởi 1 Ban Đại diện gồm có :

— 1 Chánh Đại Diện

— 2 Phó Đại Diện

— 1 Đặc Ủy Tăng sự

— 1 Đặc Ủy Hoằng Pháp

— 1 Đặc Ủy Pháp Sự

— 1 Đặc Ủy Tài Chánh và kiến thiết

— 1 Đặc Ủy Thanh niên

Các Tiểu ban thiết lập và tùy nhu cầu chiếu theo các Ủy viên của Viện Hóa Đạo nhưng gọi là Trưởng ban.

Điều thứ 18.— Đề đơn đốc và kiểm tra Phật sự tại các Quận, Viện Hóa Đạo bổ nhậm các Đại Diện Quận do Tỉnh Giáo Hội đề nghị lên.

Điều thứ 19.— Đơn vị của GHPGVNTN là Xã (tại các quận) và Phường (tại các Đô thị).

Tất cả các chùa thuộc Tăng sĩ và Cư sĩ của hai Tông phái tại các đơn vị này liên hiệp với nhau thành lập GHPGVNTN tại Xã hay Phường. Trụ sở đặt tại một ngôi chùa hay một nơi thuận tiện.

Tại các Xã và Phường có 1 ban Đại diện gồm có :

1 Chánh Đại diện

1 Phó Đại diện

1 Thư ký

1 Phó thư ký

1 Thủ quỹ

1 Phó thủ quỹ

4 Cố vấn Kiểm soát.

Các Trưởng ban đặt ra tùy theo nhu cầu.

Tại các thôn, nếu có nhiều chùa thì Tăng sĩ và Cư sĩ cũng có thể thành lập một đơn vị qua sự xét nhận của Tỉnh Giáo Hội.

Điều thứ 20.— Nhiệm kỳ của Viện Hóa Đạo và các ban Đại Diện các cấp là 2 năm.

Điều thứ 21.— Viện Hóa Đạo cũng như ban Đại Diện Tỉnh, Xã đều có các Cư sĩ tham dự. Các Cư sĩ này có quyền hạn đúng theo nhiệm vụ của mình.

Điều thứ 22.— Trường hợp 1 chức vị trong viện Hóa Đạo bị khuyết.

a) Nếu là vị Viện Trưởng thì 3 vị Phó Viện Trưởng họp nhau và tự bầu 1 vị lên thay nhưng phải là Tăng sĩ.

b) Nếu là Tổng Ủy viên thì các Ủy viên trong Tổng vụ liên hệ họp nhau bầu 1 vị lên thay. Vị đắc cử Tổng Ủy viên kiêm nhiệm trách vụ cũ của mình.

c) Nếu là một vị Ủy viên thì các Ủy viên đồng Tổng vụ họp nhau bầu một vị kiêm nhiệm.

Gặp trường hợp vị được bầu Tổng Ủy viên kiêm nhiệm hoặc Ủy viên kiêm nhiệm không chịu nhận chức thì toàn viện Hóa Đạo họp Hội đồng thỉnh cử vị ngoại viện thay thế.

CHƯƠNG THỨ V

• Đại hội GHPGVNTN

Điều thứ 23.— Viện Trưởng viện Hóa Đạo triệu tập Đại hội GHPGVNTN 2 năm 1 kỳ

khoảng đại bầu Viện Hóa Đạo và mỗi năm một kỳ thu hẹp để kiểm điểm Phật-sự.

Thành phần tham dự Đại hội khoảng đại gồm có 5 Đại biểu của mỗi tỉnh Giáo Hội (kể cả Tăng sĩ và Cư sĩ do Đại Hội tỉnh bầu ra trong hoặc ngoài ban Đại diện).

Thành phần Đại Hội thu hẹp gồm có :

— Các chức vị trong viện Hóa Đạo.

— 6 vị Đại diện Miền

— Chánh Phó Đại diện Tỉnh

Điều thứ 24.— Những chức vị trong viện Hóa Đạo được đề nghị ra trong hoặc ngoài số Đại biểu tham dự Đại hội khoảng đại và phải được Đại hội này bầu cử.

Điều thứ 25.— Vị Đại diện Giáo hội Tỉnh triệu tập Đại hội Giáo hội Tỉnh 2 năm 1 kỳ khoảng đại để bầu ban Đại diện Tỉnh và mỗi năm 1 kỳ thu hẹp để kiểm điểm Phật sự.

— Thành phần tham dự Đại hội khoảng đại Tỉnh gồm có :

— Đại biểu Xã hay Phường (mỗi Xã hay Phường cử 4 đại biểu.)

Thành phần tham dự Đại Hội thu hẹp gồm có :

- Toàn ban Đại diện Tỉnh
- Các Đại diện Quận
- Chánh Phó Đại diện Xã hay Phường.

Điều thứ 26.— Các đại hội bất thường ở cấp Trung Ương do đức Tăng thống triệu tập. Các Đại Hội bất thường ở cấp Tỉnh do Viện Hóa Đạo triệu tập.

Ban Đại diện Tỉnh cũng có quyền triệu tập Đại Hội bất thường nhưng phải được sự đồng ý của Viện Hóa đạo.

CHƯƠNG THỨ VI

• Tự Viện

Điều thứ 27.— Các Quốc tự, các ngôi chùa làng, các ngôi Tổ đình, các ngôi chùa xây dựng bởi :

- a) Các vị Tăng sĩ
- b) Các Hội đoàn Phật Giáo cũ được coi là Tự Viện của GHPGVNTN có nhiệm vụ Giám hộ và bảo vệ với sự nhìn nhận quyền sở hữu của các Tự Viện đó.

CHƯƠNG THỨ VII

• Tăng Sĩ

Điều thứ 28.— Được mệnh danh là Tăng Sĩ : Các Tăng, Ni Việt Nam đã chính thức thụ Tỷ Khưu giới.

CHƯƠNG THỨ VIII

• Tín đồ

Điều thứ 29.— Mọi người

tại Việt Nam không phân gia cấp, tuổi tác, nghề nghiệp, dân tộc, đã thụ Tam Quy hoặc có đức tin Phật Giáo và sống theo đức tin đó thì được gọi là Tín đồ Phật Giáo trong GHPGVNTN.

CHƯƠNG THỨ IX

• Tài sản

Điều thứ 30.— Tài sản của GHPGVNTN gồm có :

- Động sản và bất động sản hiển cúng
- Động sản và bất động sản do Giáo hội PGVNTN tự tạo.

CHƯƠNG THỨ X

• Phương pháp áp dụng

Điều thứ 31.— Để áp dụng Hiến Chương này, Viện Hóa Đạo soạn thảo và đã trình đến Tăng Thống duyệt ý, ban hành nhiều bản Qui chế có tính cách Nội qui.

CHƯƠNG THỨ XI

• Sửa đổi Hiến Chương

Điều thứ 32.— Mọi dự án sửa đổi Hiến Chương này do Viện Hóa Đạo trình đại hội khoáng đại GHPGVNTN cứu xét và biểu quyết.

Nguyên tắc biểu quyết phải được 2/3 tổng số đại biểu hiện diện chấp nhận mới có giá trị.

Những dự án được Đại hội biểu quyết phải đệ trình đức Tăng thống phê chuẩn mới được thi hành.

• TEM THƯ • QUỐC TÉ

*** Trương-văn-Đông**

NÓI đến con tem đầu-tiên thì người ta nhớ ngay đến người Anh- cát-Lợi Sir ROWLAND HILL, tuy rằng xứ Nam-Tư (Yougoslavie) là xứ duy nhất không chịu nhìn nhận là Sir Rowland Hill mà cứ khư-khư một mực bảo là người Tư-Lập-Phu (Slo-vène) Laurent KOSIR bày ra tem trước nhất.

Ông Rowland HILL mà tiếng tăm đề lại cho hậu thế, đã phải gặp nhiều khó-khăn và trở-ngại nhiều năm trước khi thành-công.

Trước tiên là tiền bưu-phí tính theo trang thư dài, ngắn và thư đem đi xa hay gần. Sau đó Sir Rowland Hill xuất bản một cuốn sách nhỏ nói về việc cải-cách

toàn-diện phương-pháp và tổ-chức việc gửi thư. Theo phương-pháp cải-cách này thì tiền gửi thư hạ xuống còn 1 đồng xu Anh (1 penny = 1/240 của đồng kim Anh (1 livre) hay là 1/12 của Shilling) và theo cân nặng hay nhẹ của thư chứ không theo trang thư viết dài, ngắn và tùy theo đường đi xa, gần nữa. Cứ 1 penny mà trả cho một thư nặng 1/2 ounce (1 ounce = 30 grs. 59) và được gửi đi khắp trong nước.

Ông HILL lại gặp trở-ngại và khó khăn nữa vì người ta lại cho ông Rowland Hill là điên, vì hạ giá như vậy thì Bưu-Điện lấy đâu cho đủ số chi-phí? Ông Rowland lại phải giải-thích là hạ giá như thế thì số người gửi thư sẽ tăng lên và số thu sẽ quan-trọng hơn nhiều.

Sau nhiều cuộc tranh luận, một con tem cũng được chánh-thức ra đời vào năm 1840 với hình Bà Hoàng nước Anh thời bấy giờ, Hoàng-Hậu VICTORIA, in bằng màu đen, phía trên hình nữ-hoàng có chữ POSTAGE và ở dưới thì chữ ONE PENNY mà bây-giờ người ta gọi là ONE PENNY BLACK.

Nhưng hồi đó người ta cũng còn tạo ra những chống đối như là : hình của Nữ-Hoàng mà bán với giá rẻ mạt — con dấu của Bưu-Điện đóng lên mặt Nữ-

*Tem
thu
Portugal
có in
hình
Sir
Rowland
Hill*



Hoàng là dơ-bần, là phạm-thượng v.v...

Thế rồi con tem đầu-tiên trên thế-giới vẫn là con tem ONE PENNY BLACK ra đời từ năm 1840...

Một sưu-tập-viên Bưu-Hoa danh tiếng, Arthur Rothschild, đã kể lại một câu chuyện như sau :

« Người ta biết rằng, hồi xưa khi đưa thư cho người nhận thư, nhân-viên phát thư của Bưu-Điện mới đòi tiền bưu-phí.

Ông Rowland HILL, Giám-Đốc Bưu-Chính của Nữ-Hoàng VICTORIA, đương lúc đi du-ngoạn ở phía bắc miền Ecosse. Khi đi ngang qua một làng, ông thấy một phu-trạm trao cho một thôn-nữ một bao-thư từ Luân-Đôn gửi về. Cô con gái ấy cầm bao-thư xem ngoài phong-bì và hỏi người phát-thư số tiền mà cô phải trả là bao-nhiêu ? Và khi

người phu-trạm trả lời xong thì cô thôn-nữ trao phong-thư lại và nói : tôi nghèo lắm, không có đủ số tiền để trả. — Ông Rowland HILL trong lúc đứng chứng kiến trọn vụ này đã đề-nghị trả tiền hộ cho phu-trạm và lãnh lệ hỏi ý-kiến cô thôn-nữ. Cô này, không đề ý đến Rowland HILL là một nhân-vật nào, thẳng-thẳng nói rõ ràng là từ lâu nay cô vẫn thường xuyên được thư của tình nhân ở Luân-đôn gửi về và vì 2 nhân-tình đã có quy-tắc ám hiệu với nhau rồi nên khi xem cách-thức viết ngoài bì thư thì đã hiểu gì nói ở bên trong rồi, khỏi phải trả tiền để nhận thư ». Ông Rowland Hill mới nghĩ đến việc thất thâu của công quỹ Hoàng-Gia rất bề bộn nếu trường hợp này lang tràn trong nước và một sự cải tổ lại được sắp xếp để mọi người muốn gửi thư phải mua tem dán vào bao thư để gửi đi đã áp dụng cho đến ngày nay.

Một pho-tượng của Sir Rowland HILL đã được dựng lên tại thành phố Luân-Đôn, Kinh đô nước Anh, để kỷ niệm công lao của danh nhân này.

Năm 1940 nhân dịp kỷ niệm đệ bách chu niên ngày tem thư ra đời, nhiều nước như PORTUGAL, PARAGAY, REPUBLIQUE DOMINICAINE đã in tem có hình ông Rowland HILL,

TEM THU QUỐC TẾ

xứ LIBERIA thì lại làm một khuôn dấu riêng có hình và tên của ông HILL đóng lên trên tem để kỷ niệm...

Riêng nước Anh và nhiều

nước khác thì lại không nghĩ đến việc kỷ niệm chính đáng này vì năm ấy, 1940... nhất là nước Anh đã bận rộn về việc quan trọng và nguy ngập hơn : Đệ nhị thế chiến đã bùng nổ.



(tiếp theo P.T. 117)

II. — Mục-Lục tem thư gồm có một nước hoặc vài nước trên thế-giới và các tiểu-quốc thuộc các nước ấy

Mục-lục của Pháp, các nước thuộc Pháp và vài tiểu-quốc như Monaco, Andorre, Sarre...

Của Pháp : Catalogue H. THIAUDE, 24, rue du 4 Septembre, Paris 2è; Catalogue CÉRÈS, 25 rue du Louvre Paris 1er; Catalogue Edouard BERCK 6, Place de la Madeleine, Paris 8è; Catalogue Arthur MAURY 6, Boul. Mont-martre Paris 9è, v.v.

Của Đức Catalogue d'ALLEMAGNE của J.R. Jacquot 27, rue des Mouettes Paris 15è.

Catalogue d'ALLEMAGNE của Michel. BOREK BRIEFMARKEN KATALOG DEUTSLAND

gọi tắt là Catalogue BOREK do Richard BOREK, Domplatz, 4, Brunswick, Allemagne xuất-bản.

Của Bỉ : Catalogue PRINET do Editions Dreune 69 rue du Marché, Bruxelles xuất-bản;

Của Ý : Catalogue BOLAFFI *Catalogo dei francobolli italiani Bolaffi* giá 1.000 lires (14NF) do Edition S.C.O.T, via M. Vittoria I, Turin xuất-bản.

Catalogue Sassone (Catalogo Sassone d'Italia e paesi italiani) do Sassone, Casella Postale 517, Rome, Italia xuất-bản : giá 1.000 lires.

Catalogue d'URSO (Catalogo specializzato dei francobolli d'Italia e di tutti i paesi italiani) giá 2.000 lires do Filatelia d'Urso 11 via della Mercede, Rome xuất-bản;

Của Thụy-Sĩ : Catalogue

MÜLLER (Müller-Katalog Schweiz Liechtenstein) giá 4 francs suisse do Merken-Muller AG Briefmarken, Aeschenvorstadt 21, Bale, Suisse xuất-bản;

Của Hoa Kỳ: Catalogue HARRIS (HARRIS US/BNA CATALOG) do Harris and Co. Boston 17, Mass. xuất-bản (US/BNA = United States Possessions and British North America)

Catalogue CLASSIC UNITED STATES 1845-1869 by Dr. Carroll Chase do L.H. Lindquist Publications Inc. xuất-bản;

Của Úc-Đại-Lợi: Australian Commonwealth Specialists Catalog do H.L. Lindquist Publication, Inc. xuất-bản.

III.— Mục-lục tem thư chuyên-biệt theo loại và đề - mục

Mục này gồm những nhà xuất-bản hoặc nhà buôn tem có phát-hành những mục-lục chuyên về một hay những loại tem thư của các nước trên thế giới dành riêng cho những khoa sưu-tập theo « Đề mục » (Collections Thématiques).

Trong số này cũng có nhiều nhà kiêm luôn nhiều đề-mục khác nhau mà sau đây là một ít nhà và địa chỉ của họ để quý bạn rộng đường lựa chọn đề mua — bán — đổi chác các loại và đề-mục theo sở-thích của bạn:

Tem « Chinh - Phục Không-Gian » (Conquête de l'Espace — Cosmos).

Mục-lục Cosmonautica E Geofisica do nhà xuất-bản Filatelia Vittorio Testoni, Bologne, Italie giá 400 liras.

Conquête de l'Espace, Catalogue LOLLINI do Lollini, 3 rue Pertinax, Nice giá NF.6.50

Conquête de l'Espace — Europa et Précurseurs; Roland JOYAU 31, rue Alphonse Karr, Paris (19e)

Conquête de l'Espace, THEMATIC DIGEST. 5 rue Washington. Bruxelles 5, Belgique. COSMOS: R.CHINI, 16, Rue Drouot Paris 9e.

Tem hình Đạo-giáo (Timbres à sujets Religieux): Mme WAGNER. 4 bis rue Chevalier de Barre Paris 18e.



SÁCH BÁO MỚI

★ **Mây bão.** Tiểu-thuyết của Ngô-thê-Vinh. nhà xuất bản Sông-Mã, Saigon — 264 trang. Giá 48\$

★ **Tình Thương.** Nguyệt-San của Sinh-viên Đại-học Y-khoa. Tháng 1-1964.

Chủ-nhiệm: Phạm-đình-Vy. Chủ-Bút: Nguyễn-vĩnh-Đức
Tổng-Thư-Ký: Trần-xuân-Dũng. Thư-Ký: Nguyễn-Sĩ-Tuân.
Quản-Lý: Phạm-như-Bác. — cô Đỗ-thị-Vân — In đẹp. Bài vở chọn lọc. 60 trang. Giá 10.

★ **Triết Lý đại-đồng** của Trang-Khánh-Thành. Nhà xuất bản Thiên-Hồng. Không để giá bán.

★ **Hương Nguyễn.** Thơ của Hương-Nguyễn.

« Tác giả lấy bút hiệu làm nhan đề ». Kim-Chi xuất-bản
Nhiều bài Thơ hay. Chúng tôi sẽ có bài phê bình trong một số sau.

In trên giấy trắng. Bán đặc biệt không để giá bán.

★ **Từ cõi vô thường.** « Những bài thơ viết trong thời kỳ Phật-giáo tranh đấu », năm 1963 của Tâm-Hằng, Huế.
Nhiều bài lâm-ly, cảm động. Quay ronéo, không để giá.

★ **Trái cây đau khổ.** Kịch của Doãn-quốc-Sĩ. Gồm có 4 bản kịch: Một Mùa Xuân Tin-Tưởng, — Trái Cây Đau Khổ, — Trăng Sao, — Tiếng Hú Đêm Linh — Sáng-Tạo Xuất bản. Chúng tôi sẽ có bài phê bình tác phẩm này, trong một số sau.



Hồi ký của NGUYỄN-VỸ ★ Hồi ký của NGUYỄN-VỸ

(Tiếp theo P.T. 118)

— Tinh-nghi cũng bị bắt à ?

— Bien sừ ! (nhất định rồi !) Tụi mình đây, đúng rồi là không phải tù mà là tù, lại còn nặng hơn tù.

— Thề nghĩa là sao ?

— Thề mới lạ ! Không phải tù, vì không bị tòa án kết tội chính thức. Nhưng mà là tù, vì ã bị bắt giam, bị tù, bị đày đi những nhà lao nguy hiểm nhất. Bị tù nặng nhất, vì không có thời hạn nào cả, có thể 5 năm, 10 năm không biết chừng, tùy chiến-tranh mau hay lâu. Tụi thực dân viện lẽ rằng thời kỳ chiến-tranh, chúng phải có biện pháp đặc biệt đối với tất cả những kẻ đòi lập nguy hiểm (des types dangereux...). Chúng cho tụi mình « đi an-trí » — danh từ mà mai ghê chưa ! Tây gọi là đi « camps de concentration », trong thời gian vô hạn định.

NGƯỜI TÙ 69

— *Camps de concentration* thì phải gọi là « Trại tập trung » chứ sao gọi là « trại an-trí » ?

— Chữ « an trí », chắc là do một thằng An-nam nào đó ở phủ Toàn-quyền đặt ra nghe cho có thi vị, để bịp dân chúng chơi, chứ chính là những lao-tù không hơn không kém.

— Trại « an trí » ở đâu ?

— Ở Bắc-Kỳ có Sơn-la, Vũ-Bàn. Ở Trung-kỳ, có Phủ-Bài, Trakhê, Dakto... Hầu hết là những nơi rừng rú hoang liêu, khí hậu độc, nước độc, ở đây bị đủ các chứng bệnh, và dễ chết lắm.

Tù nhân bị giam cầm ở đây mãi, đến chừng nào hết chiến tranh mới được về...

— Ổ !

— Tôi có nhiều thằng bạn trước kia đã ở tù chính trị, và đã mãn tù được về nhà với vợ con rồi, nhưng khi chiến tranh bùng nổ tụi nó bị bắt lại, và bị đưa đi « tập trung » ở Sơn-La. Ba tháng sau đi đái ra máu rồi chết, vì khí hậu độc quá, mà ở đây không có thuốc men. Thà bị ở tù còn sướng hơn, anh à ! chứ tụi « an trí » không khác nào bị giam trong địa ngục, chẳng biết bao giờ mới được ra... Anh quê ở đâu ?

— Quảng-ngãi.

— Đây thuộc về Trung-Kỳ, chắc chúng nó sẽ đưa anh đi « tập trung » ở Ban-mê-thuột, hay là Dakto...

— Thề mà thằng chánh mật thám Lanèque bảo tôi là chỉ nghỉ tạm đây một đêm nay rồi sáng ngày mai tôi sẽ được trả tự do !

— Lanèque nó ngạo anh đây. Thằng ấy Tây-lai, và xỏ-lá-ba-que nhất đời.

— Nó bảo thằng Robert cho tôi mừng và chặn để tôi ngủ cho ấm, khỏi bị muỗi !

Lê-Hồng-Minh cười ngất nghẹo :

— Cái thằng chó đẻ, nó ngạo anh đây ! Thề mà anh cũng tin là nó tử-tê với anh thề hả ?

— Minh đâu có biết... Thầy nó vui cười và có vẻ nhã nhặn, mình tưởng đâu...

— Chúng nó là cái lũ giời đánh mà có biết từ-tề nhã nhặn là cái quái gì ! Rồi đây vài hôm anh sẽ biết...

Hồng-Minh nhét cục thuốc lào vào miệng điều tre rồi trao tôi :

— Này, xừ hút một điều cho âm bụng.

Tôi rùng mình :

— Ấm thật đây, nhưng lẫn cù xuống lắt như ban nãy khô lắm, cha ơi !

— Hút thuốc lào phải say thê mới thích thú chứ. Này, hút đi, cha !

Hồng-Minh đánh diêm, châm lửa cho tôi hút. Tôi kéo sùng-sục một hơi dài, và chưa kịp trao trả cái ống tre cho người bạn thì đã thấy choáng váng cả mặt mày và ngã nằm xuống nền xi-măng, co rút hai chân hai tay, run cầm cập...

Một lúc lâu, độ ro phút, tôi tỉnh dậy thì thấy Hồng-Minh nằm co giò bên cạnh tôi, toàn thân lạnh ngắt như cái xác chết.

Tôi nằm xuống đây ngủ luôn. Bên cạnh tôi, bốn chàng còn thức đánh tổ tôm...



Bảy giờ sáng, tôi thức dậy, nhìn ngơ ngác mọi người. Cửa xà-lim đã mở. Kề ra, người vào, thân nhiên. Người bạn thuốc lào mới quen trong đêm hôm, cũng đã dậy từ lúc nào, tôi không trông thấy hẳn nữa. Tôi cố tìm một bộ mặt quen, nhưng toàn là lạ cả. Họ ngó tôi nhưng không để ý đến lắm. Tôi cũng ngó họ, không cần biết họ là ai. Tôi tự nhủ : « Thong thả rồi sẽ biết hết... có lẽ họ cũng mới đến như mình, chưa quen nhau ».

Bỗng dưng, có một anh chàng trẻ tuổi, từ ngoài sân

đi vào trông thấy tôi ngồi đơn-độc một xó, tiền tới, với nét mặt dữ-tợn, đứng chông nạnh trước mặt tôi, và hô to lên :

— Bắt trời hần, anh em ! Bắt trời hần !

Hai chàng khác vừa cười vừa chạy tới, cũng la to :

— Nào ! Cái chú nầy vào làm gì đây ? Bắt trời !

Tôi đoán biết là họ đùa, cái trò ma cũ bắt nạt ma mới, nghịch ngợm cho vui trong các nhà tù, tôi không lạ gì. Nhưng không ngờ họ làm thật ! Một chàng trai trẻ bằng lứa tôi, đem vào một sợi giây dứa cũ và dài, năm chàng nhảy tới trời hai tay hai chân tôi. Tụi họ vừa hành-động, vừa cười ầm-ĩ. Tôi cũng cười và cứ để họ trời, không phản-kháng. Thê rồi từ đằng xa, một anh chạy đến, nhả răng cười :

— Ôi giời ôi !... Thôi, chúng mày tha cho nó. Thăng N.V. đây ! Tôi biết nó.

Một chàng giả vờ trợn mắt hỏi :

— Mi là N.V. phải không ?

Tôi cười :

— Có nhẽ đúng đây.

— Mi bị Nhật giết rồi, sao còn hiện hồn về đây làm gì ? Giả nhời mau lên, rồi bế-choa mở trời cho !

— Các chú hăng mở trời ra đã, rồi đây sẽ giả nhời.

Một chị đàn bà khá đẹp, có lẽ bị giam ở phòng phụ-nữ bên cạnh, chạy sang, miệng tươi như hoa :

— Á giời ! Anh N.V. ! Sương rơi... gió rơi... vào tù ! Ha ! ha ! ha !

Vài ba chục người có mặt trong xà-lim lúc ấy đều cười rộ lên theo chị. Rồi họ mở trời cho tôi, nhưng kẻ lại đâm vào lưng tôi, người xách tai tôi, đau điếng. Tôi nghĩ thầm : « Tụi này đùa dai ! »

Người phụ-nữ dễ thương truyền lệnh cho tôi :

— Rờ cái cằm xem !

Tôi không rờ cũng biết là râu mọc lôm-chôm trên cằm. Tôi cười :

— Mười mấy ngày ở trong ngục thất Kampétai, còn một chòm kỷ-niệm đây !

Chị lại truyền lệnh .

— Đi rửa mặt đi, rồi bảo Đổ-Tề cạo râu cho !

Giữa những tiếng cười vui đùa, một chàng dắt tay tôi đi đến chỗ « toilette ». Một căn nhỏ hẹp, có cửa, kê sát xà-lim. Một anh đã đứng ngay ở cửa, có vẻ sốt ruột. Anh ta ngó vào trong dậm chân, la lớn :

— Nhanh lên chứ ! Gúr ngồi mãi đây à ?

Một anh ở trong chui ra, hai tay còn cột lại lưng quần. Anh kia bước vào. Tôi vừa đèn, ngó vào, anh ta đang ngồi... đại-tiện. Nhìn tôi, anh hỏi rất tự-nhiên :

— Anh đi ế, hay đi rửa mặt ?

Tôi đáp :

— Rửa mặt.

— Thì cứ vào !

A, thế ra bây giờ tôi mới biết : đây là cầu-tiêu, nhưng vừa để đi tiêu vừa để rửa mặt ! Một ông chỉ đặt từ trên trần nhà thẳng xuống nơi khe tường, chia một cái vòi ra chỗ miệng cầu. Một tia nước chảy róc-rách thường xuyên, nghe như tiếng đàn ni-non trong khe suối. Đây là tia nước vừa để rửa khu, vừa để rửa mặt một thể. Tôi tự hỏi phần thì hơi thú vị, phần thì chật-chội, lại có một anh đang đau bụng ngồi trên miệng cầu. Tia nước ru-dương từ cái vòi ông chỉ chảy ra, làm sao tôi lấy nước để rửa mặt ? Tôi còn do-dự, thì một anh khác bước tới... Tôi phì cười ngó anh, anh cũng phì cười ngó tôi. Anh chào tôi trước :

— Nguyễn-Vỹ ! Mi vào đây hỏi nào ? Mi làm gì đây ?

— Lưu-trọng-Lưu đây à ? Ngẫu nhiên gặp nhau đây thú quá nhỉ !

Tác-giả tập thơ « Tiếng Thu », cười và nắm tay xô tôi ra ngoài, bảo :

— Chốc nữa hãy nói chuyện. Bây giờ tao mệt quá, để tao đi trước, mi chịu khó chờ nhé.

Lưu vào trước, nhưng anh ngồi thụp xuống cạnh anh chàng đau bụng còn chễm-chệ trên miệng cầu-tiêu. Một cảnh tượng phi-thường diễn ra trước mắt tôi. Lưu thò hai tay vào cái vòi ông chỉ, hứng nước ướm hai ngón tay để gờ hai cục ghèn dính trên hai khoé mắt, rồi lấy nước rửa mặt luôn. Anh chàng đau bụng vẫn ung-dung ngồi xỏ phệt-phệt ngay đây. Tôi nhin cười không được. Lưu-trọng-Lưu rửa mặt xong, đứng dậy lấy vạt áo sơ-mi bần-thiêu đưa lên lau mặt, trong lúc chàng đau bụng thò tay vào hứng nước nơi vòi để rửa khu!...Hắn đứng dậy, bước ra, hai tay cài nút quần. Lưu-trọng-Lưu nhanh chân bước đến chiếm ngay chỗ. Tôi đứng chờ. Con-Nai-vàng của « Tiếng Thu » cười bảo tôi :

— Mi vào rửa mặt đi, tao ế xong rồi đến phiên mày, chứ đứng đây sẽ có đũa khác đến dành chỗ, hiểu không ? Đổ ngu !

Chàng Lưu cười hăng-hắc. Tôi vẫn đứng ngoài cửa chờ đợi. Đúng như lời Lưu, một anh chàng từ xà-lim đi qua, chen lấn tôi để vào trước. Hắn ngồi rửa mặt, y như Lưu vừa mới làm.

Lưu đi tiêu xong, đứng dậy cột quần đi ra. Hắn bảo tôi :

— Chốc nữa ra ngoài sân nói chuyện chơi nhé.

Rủi cho tôi, cái anh chàng kê vị Lưu-trọng-Lưu, dành ngồi cầu tiêu, cũng đau bụng như cái xừ lúc nãy.

Hắn vừa ngồi trên cầu, vừa nói chuyện với tôi, rất tự nhiên, như đã quen nhau lâu :

— Anh biết tại sao tôi đau bụng không ?

— Tại bụng anh đau chứ sao.

— Hắn đi rồi. Khi hôm ăn thịt chuột, bây giờ nó hành cái dạ dày thế đây.

— Trời ! Họ cho mình ăn thịt chuột à ?

— Không phải. Tụi tôi hôm qua rủ nhau bắt chuột. Được 10 ông chuột công to tướng, ông nào cũng nặng bằng quả bom 25 kí-lô là ít ! Rồi làm thịt. Nhiều người ăn không sao cả, mà tôi lại bị đau bụng... Anh ăn thịt chuột công bao giờ chưa ?

— Chưa! chuột đồng thì tôi có ăn, còn chuột cống, chuột chù, thì tôi chịu.

— Ngon lắm chứ. Chuột cống thịt nó thơm lắm. Ngon hơn chuột đồng... Chúng tôi định chiều nay làm một tiệc nữa. Có rượu Vân-điền nữa, tuyệt!

Hắn ta cười, ngon lành. Hắn nói tiếp:

— Chốc nữa ế xong, anh ra hè sau tôi cạo râu cho.

— Anh là... Đố Tê đây, phải không?

— Ở ngoài tôi làm nghề *coiffeur*. Ở đây anh em đặt tên tôi là Đố-Tê. Láo quá!

— Sao thế?

— Chà tôi cạo râu đau lắm. Mày cha ày bảo tôi cạo lông lợn.

— Ở đây mình được phép cạo râu à?

— Cạo lên chứ.

— Cạo bằng lưỡi dao?

— Làm gì có lưỡi dao. Tôi cạo bằng miếng mề chai.

Tôi rùng mình:

— Eo ôi!

— Các anh ày bảo tôi là Đố-Tê, nhưng thật ra tôi cạo êm ru, cạo bằng mề chai mà cũng êm như cạo với lưỡi dao Gillette, chả kém chút nào. Để rồi anh xem.

Tôi theo Đố-Tê ra sau hè. Một tia nắng sớm dọi vào người âm ẩm, tuy giờ này còn lạnh khủng khiếp. Đố-Tê bảo tôi ngồi chờ, trên thêm xi-măng, dựa lưng vào vách tường. Tôi để ý thấy gần đây còn một đồng lông chuột màu xám. Đố-Tê moi trong một khe tường, giấu kín, một miếng mề chai. Anh chạy vào cầu tiêu nhúng nước một miếng vải đen bẩn, đem ra xoa ướt cằm tôi. Rồi anh lấy miếng mề chai để cạo. Anh cạo sột... sột... « ôi giờ ôi, đau quá, anh Đố-Tê ơi », tôi khẽ la lên, nhưng vẫn nắm chặt hai tay để chịu đựng. Anh điểm nhiên bảo tôi:

— Chà đau tý nào!

Vừa cạo, anh vừa nói chuyện:

— Anh biết tên tôi không?

Gôi đã nổi quạu, nên trả lời câu kính:

— Tôi có đề ra anh đâu mà biết tên anh.

— Dù anh có đề ra tôi, anh cũng không thể nào biết được tên tôi.

— Sao thế? Ông Cụ nhà anh không đặt tên cho anh à?

— Ông cụ nhà tôi đặt tên cho tôi là Phú, nhưng ở đây ngoài cái tên Đố-Tê, anh em còn gọi tôi là xù « Cứt-Đen ».

Tôi cười ồ lên một tiếng. Vì thế mà miếng mề chai của anh Đố-Tê chạm mạnh vào cằm tôi, cứa một đường da, chảy máu. Anh lấy tấm vải đen ướt chùi vết máu cho tôi. Máu vẫn chảy tua-túa ra trên cằm, và rơi xuống đất hai ba giọt. Tôi làm thinh. Anh nói tiếp:

— Anh biết tại sao tụi nó đặt tên tôi là « Cứt Đen » không?

— Làm sao tôi biết!

— Tại vì tôi ế cứt đen. Chứ lúc này tôi ngồi ế, anh rửa mặt bên cạnh, không thấy ư?

— Tôi không đề ý... Sao lạ thế?

— Giờ sinh ra thế.

— Tại sao anh bị bắt?

— Cộng-sản.

(Còn tiếp)

Hãng vận-tải

TÀI-HÙNG

96
ĐẠI LỘ KHỔNG-TỬ-CHOLON
号六十九港大子孔埠堤

司公輸運興再

Thanh chóng, Bảo đảm. 陣保·全安·捷快

CHUYÊN CHỞ HÀNG HÓA
BĂNG HÓA-XA

ANGON-QUẢNG NGÃI-DÀ-NẴNG-HUẾ
QUẢNG-NGÃI: 68, LÊ-TRUNG-ĐÌNH.
ĐÀ-NẴNG: 62, BẠCH-DẴNG TEL: 39
HUẾ: 44, CHÍ-LÃNG. TEL: 61



各代誠專
物儲運轉學火由

化順-港銀-義商-堤面
号八六西庭學·義商
号九三·話電 号二十六路白·港銀
号一六·話電 号四十四路港·化順

Kho hàng: Ga Hỏa Xa CHOLON

Điện Thoại: 36.780



★ Lội Ngược...

... Chúng tôi là một nhóm độc-giả công chức ái-mộ tạp chí Phô-Thông từ nhiều năm nay. Gần đây chúng tôi lại bị « Lội cuồn », qua truyện dài trào phúng, xã hội « LỘI NGƯỢC ».

Càng say sưa đọc « LỘI NGƯỢC » chúng tôi càng lo sợ cho số phận của ông Giám-độc và quý báo, cho nên chúng tôi không lấy làm ngạc nhiên khi số Phô-Thông III bị kiểm duyệt và truyện dài LỘI NGƯỢC chấm dứt từ đó.

Cách mạng 1.11-1963 đã thành công, khai nguyên một chế độ tự do báo chí.

Chúng tôi tha thiết yêu cầu ông Giám-độc tiếp tục đăng tải « LỘI NGƯỢC » trên tạp chí Phô-Thông và in thành sách để giúp cho kho tàng văn hóa nước nhà một tài liệu lịch sử.

Thay mặt một nhóm độc giả công chức

HOÀNG-CHÂU

(308F Lê-văn-Duyệt, Saigon)

Lời Tòa Soạn: Xin thành thật cảm tạ thiện tình của quý ông và của đại đa số bạn đọc cũng đã muồn như thế. Nhưng Lội Ngược không còn thời-gian tính nữa, nên chúng tôi xin chấm dứt luôn. Tuy nhiên toàn bộ truyện Lội Ngược sẽ được xuất bản thành sách, sau khi phát-hành bộ truyện « Mồ Hôi Nước Mắm » hiện đang in.

★ Thiếu giáo sư Việt văn

... Chúng tôi là một nhóm học sinh Nhị C của trường Nữ Trung học Nhatrang. Mãi đến nay, chúng tôi vẫn chưa được học một giờ quốc văn nào cả. Theo chỗ chúng tôi được biết, Bà Hiệu trưởng đã cố gắng xin Bộ Q.G.G.D. bổ giáo sư quốc văn, nhưng chưa có kết quả. Chúng tôi lo ngại không biết tình trạng này còn kéo dài bao lâu. Những môn như Sinh ngữ, Toán, còn có thể học thêm ở các lớp bổ túc, nhưng riêng với quốc văn thì chịu. Vẫn biết chúng tôi có thể tự học một phần nào, nhưng

khó có kết quả. Hơn nữa, đôi với Ban C, Quốc văn là một môn quan trọng như vậy thật là thiết thời cho chúng tôi.

Chúng tôi mong rằng nguyện vọng của chúng tôi sẽ được ông Bộ trưởng QGGD biết đến và tha thiết thỉnh cầu ông Bộ trưởng giải quyết sớm chừng nào thật may mắn cho chúng tôi chừng đó.

Kính chúc ông được mọi điều may mắn và quý báo mãi mãi là một tờ báo chân chính.

*một nhóm học sinh trường Nữ
Trung học Nhatrang*

★ Một con gà có 4 chân, 2 đuôi..

Từ hồi tháng tư năm nay, con gà mẹ của tôi đẻ được 10 cái trứng, nở được 8 con, đen vàng lẫn lộn. Đặc biệt trong số có một con gà lông đen, có 4 chân 2 cái đuôi và hai đít.

Từ lúc mới nở cho đến nay, con gà đó mỗi ngày một lớn. Hiện nay nó đã lớn như những con gà khác thuộc loại gà kiền ở Việt-Nam. Lúc mới sinh ra tôi không biết trông hay mái, cho đến bây giờ tôi mới biết nó là gà trống. Từ màu lông đen lúc nở đã đổi lấy một màu đỏ tía. Đầu, cổ và cánh giống như các con gà trống khác. Nhưng đặc biệt ở giữa thân, phía dưới cánh tuồng như muốn chui thêm một đôi cánh khác nữa. Đuôi thì một cái chính thức và một cái đôi ra một thớ thịt cùng đoạn xương ngắn ngắn, gắn liền với đôi chân mọc thêm. Vì vậy lông đuôi mọc theo hai chiều khác nhau và tạo thành đường rãnh giữa hai đuôi. Tôi nhìn kỹ : có hai đít ; một lớn một bé. Cứ mỗi lần gà đại tiện thì có 2 cục phân vậy. Hai đôi chân, một đôi đi được như gà thường, còn một đôi không cử động nhưng cũng lớn dần với thân thể gà.

Vì có chuyện lạ nên tôi thuật lại cho quý độc giả Phô-Thông biết để xem xét tra cứu như thế nào con vật mà tôi đã kể trên. Tôi chưa từng đem nó đi triển-lãm một nơi nào cả. Hiện con gà đó ở nhà tôi, tại thôn Bích-Giang, xã Gam-Hiêu, quận Cam-Lộ, tỉnh Quảng-Trị.

NGUYỄN - LỮ

Học-sinh đệ-tứ, trường T.H. Công lập Cam-Lộ Quảng-Trị

★ Thầy giáo xúc phạm đến tự-do tín-ngưỡng của học-sinh.

... Chúng cháu rất yêu mến Phô-Thông, yêu mến những cây bút tài hoa và can đảm lột hết bề trái của cuộc đời hiện đại, như « Lội Ngược » chúng cháu ngấm hiểu rằng : « bà lớn »

là bà Nhu chẳng? Thề nên sự yêu thích càng làm cho chúng cháu yêu thích thêm lên...

Nhất là Phỏ.Thông 116 chúng cháu thấy có bài tường thuật về vụ đàn áp Phật-tử Huế, kèm theo là những hình ảnh các nạn nhân mà các cháu đã biết sau lễ Phật đàn mấy ngày, các cháu nhận thật, đúng 100%. Nhưng oái oăm thay! Ông thấy Việt văn của các cháu cho là giả. Ông nói: « Báo chí nói láo, báo chí chạy theo thời cuộc như bà Bút.Trà vậy... » Bác ơi! Cháu tức quá! Vì thấy còn xúc phạm đến Phật-giáo, đến cô Quảng-Đức và các tăng ni nhiều nữa cơ.

Thấy báo Phật-giáo là bạo-dộng. Rồi thấy so sánh sự tranh đấu của thánh Gandhi với Phật-giáo Việt-Nam suốt trong mấy tháng, từ ngày chưa lật đổ chính-phủ Diệm đến nay. Các cháu làm thình, dù có tức tởm nhưng sợ thấy. Hơn nữa, đây là ngôi trường độc nhất để cho các học sinh nghèo thi rớt trường công vào học. Nếu bị đuổi thì thiếu phương tiện đi Nha-Trang. Nên phải nuốt hờn cúi đầu chịu đựng.

Thưa Bác, hôm nay cảnh ấy diễn lại, cũng là Gandhi và Phật-giáo. Các cháu mới trả lời thấy là: « Thưa thầy, thầy nói sai sự thật, vì sự thật vẫn là sự thật, những tội ác giết người kia dù bùng bít đến đâu thì nhân dân Việt-Nam cũng đã biết rồi ». Thấy đỏ mặt giận dữ:

— « Sự thật là thế nào? Yêu cầu cô cho tôi biết sự thật đó.

— « Thưa thầy, khỏi cần hỏi các em, thầy cứ về lật báo ra mà xem.

Thấy quát lớn: « Các anh chị cho tôi ngu à? Thề thì cái lớp Đệ tứ này điên. Cả một bọn điên!

Các người nghe báo chí, báo chí toàn là nói láo... »

Thề rồi hết giờ, kiên đánh beng... beng... thầy xách cặp thoát ra ngoài như một làn gió! Cháu xin lỗi Bác, tất cả lời nói trên là sự thật, cháu và thầy cháu đối thoại, có sự chứng kiến của 65 học sinh đệ tứ, và nhờ những đôi mắt tò tính ủng hộ, nên cháu mới dám giằng co với thầy cháu. Đây là lần đầu tiên phạm phải tội này. Thề thưa Bác tội ấy có nặng lắm không? Hai giờ tiếp đến các cháu không học gì được cả. Các bạn cháu bàn tán rầm trời, tại sao có ông Thầy chồng lại đường-lối cách-mạng, và xúc-phạm đến tự do tin-ngưỡng của học-sinh?

Kính chúc Bác khương an, và Phỏ.Thông mạnh tiến.

TỪ THỊ ÁNH-TUYẾT
(Nữ-sinh Ninh-Hòa)

TÌM VIỆC

- Sinh viên văn-khoa người Trung, nghèo, có kinh nghiệm dạy học, từng cộng tác với các tư thực, muốn tìm chỗ dạy học tại tư gia, cho luôn chỗ ở lại, hoặc làm bất cứ một việc gì để kiếm tiền sống. Đi Côn-đảo càng tốt. Thư nhờ tòa báo chuyển.

XIN ĐÓN ĐỌC TRONG DỊP TẾT:

« CHIỀU HƯƠNG MỚI »

diễn - đàn sinh - viên ĐALAT

★ Chủ - trương biên tập :

MY - SON • HUỲNH - THANH - TÂM • PHÙNG - QUYÊN • ĐINH - NGỌC - MÔ • HUỲNH - ĐẠT - BỬU — Phát hành ngày 1-2-1964

bạn yêu văn hãy tìm đọc

VĂN

số phát-hành : ngày 1-1-1964

Truyện phiếm, HỒ-HỮU-TƯỜNG • Truyện dài, FRANÇOISE SAGAN • Truyện vừa, NHẬT-TIẾN • Truyện ngắn, LÊ-VĂN-SIÊU, MAI-THẢO • Thơ, VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG, ĐỖ-TẤN.

Đón đọc VĂN số 2 ★ Đặc-biệt : ALBERT CAMUS

BẢO - HIỂM

• XE CỘ • GHE TÀU NHÀ CỬA
• HÀNG HÓA • SANH MẠNG V.V...

VIỆT NAM BẢO-HIỂM PHẬT BÀ

(Việt-Nam Assurances)

Công-ty bảo-hiểm tất cả các loại rủi ro
**Société d'assurances contre les
risques de toute nature**

Siège social : 13 Pasteur, Saigon

Téléphone : 23529

Adresse télégr. Vietassur

R. C. Saigon
No 3613 B

**Sau 5 tháng tạm ngừng hoạt-động
LIÊN - HOA NGUYỆT - SAN**

sẽ tái-ngộ với bạn đọc vào đầu tháng 11 âm-lịch.

Đề phù-hợp với hoàn-cảnh đời mới của Đạo-Pháp và nước nhà, Liên-Hoa Nguyệt-San sẽ :

— Cải-tiến nội-dung : thêm nhiều Thượng-Tọa, Đại-đức, Tăng Ni cùng các Đạo-hữu và một số văn nghệ-sĩ tên tuổi cộng tác, ngoài những mục thường xuyên còn thêm những mục mới lạ.

— In đẹp, trình bày thanh-nhã. Số tái-ngộ sẽ có chân-dung của Ngài Thích-Quảng-Đức do họa-sĩ Phạm-đăng-Trí trình bày

LIÊN - HOA NGUYỆT - SAN

— Là bạn của những Phật-tử muốn trau-đồi Phật-pháp và hiểu rõ sinh-hoạt Phật-Giáo trong nước nhà và ngoài nước.

— Là bạn của những Văn-nghệ-sĩ muốn khơi nguồn sáng-tạo

— Là bạn của những ai đang khao-khát tìm nơi nương-tựa tinh-thần, tìm một ý-nghĩa cho cuộc sống và một lối giải-thoát thanh-tĩnh.

* *

Độc-giả nào thay đổi địa chỉ hoặc cò-động thêm độc-giả xin liên-lạc gấp với Tòa-soạn Liên-Hoa Nguyệt-San : 66 Chi-Lăng Huế.

Chủ-Nhiệm : **THÍCH-ĐÔN-HẬU**
Tổng-thư-ký : **THÍCH-ĐỨC-TÂM**



K.N. số 260 ngày 20-6-63

KINH LÝ VĂN PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ — Saigon

Điện-thoại : 23.187



Phạm - văn - Lạng

Giám - Định Trắc - địa - sư
Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản.

SAIGON

Các bạn đã từng đọc : « NGUYỆT ÁO ĐỎ », « NHỮNG
LÁ THƯ MÀU XANH », « TIẾNG HÁT HỌC TRÒ »,
các bạn không thể bỏ qua được

NGÀN NĂM MÂY BAY

TIÊU-THUYẾT TÌNH-CẢM ĐẶC-SẮC CỦA VĂN-QUANG

Cốt chuyện gay cấn, tình cảm nhẹ nhàng, thơ
mộng như mây trắng bay giữa lưng trời xanh

do NAM-CƯỜNG xuất-bản và phát hành

tiểu-thuyết này đã được quay phim

HEPATIC

Ai đau gan?

NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

CÓ BÁN KHẮP CÁC NHÀ THUỐC AÙ MỸ

HEPATIC

Kiểm nhận số 350/BYT ngày 2-9-63

Nước Ngọt «CON CỌP»

Nguồn mạch Sức Khỏe
và Vui Tươi



Nước Ngọt «CON CỌP» mỗi chai
là nguồn Vui Mạnh kéo dài Tuổi Xuân

HO, Bổ-phế linh-dơn Thụy-Lâm loại A
 TRJ : Các chứng ho lâu năm, nhiều đàm, ho cảm, ho đàm
 ho gió, yếu phổi, rang ngực, tự nhiên sút cân.

Bạch-Đối, hoàn Thụy-Lâm
 TRJ : Cứng đầu cơn, ngứa cửa mình, ra huyết
 trắng (các tiệm thuốc Bắc đều có bán)
 Nhà thuốc **THỤY-LÂM** 191 Gia-Long, Saigon
 K.N. số 425 ngày 25-9-63

Cần Đến kinh kỳ, Bần thần đã dợt, hay là đang
 hành kinh mà đau bụng, uống :
Lôi Công Hoàn « ÔNG TIÊN ». Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt,
 Saigon 228 Lê-thánh-Tôn. Nhà thuốc **« Ông Tiên »** Phú-Lâm Cholon
 K.N. BYT. số 1 — 9-5-63

Phong Ngứa, Ghê chốc, lở loét, gãi tới đâu lan tới đó,
 không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà
 hết, uống **Giải Phong Sát-Độc-Hoàn « ÔNG TIÊN »**
 30 năm sáng lập. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt.
 Nhà thuốc **Ông Tiên** Phú-Lâm Cholon (K.N. BYT. số 3 — 9-5-63)

HO! HO!

1) Các chứng ho : Ho Phong, ho đàm, ho siêng Ho rang tức
 ngực, ho lâu ngày, ho sản hậu, nên dùng **HƯỚT PHÁT**
PHÒNG LAO THẢO do Tang Nha chế tạo, đề mạnh Phổi, lành ho.

2) Yếu Tim, Đau Tim, Thần Kinh suy yếu ! dùng : **AN THẦN**
BƯU trị các chứng tim đập hồi hộp, mất ngủ xây xẩm chóng mặt,
 Dùng để an thần định trí, mất gan dễ ngủ.

3) **ĐẠI BỔ LONG PHỤNG TINH** : Thuốc bổ cho người lao
 tâm, lao lực, mệt mỏi đau lưng kém ăn ít ngủ, và các chứng thiếu máu

4) Bệnh của Phụ nữ : Kinh nguyệt bất thường thiếu máu, mặt
 mét, đau lưng, bạch đới hạ ít ăn ngủ, nhức mỏi tay chân quí Bà
 dùng **PHỤ NỮ HỒI XUÂN TỐ.**

5) Bệnh Phong Thấp, đau khớp xương, nhức gân, tê bại, tay chân
 hay đồ mồ hôi tứ chi bại hoại dùng **THẢO LINH SƠN** Di An Hòa.

6) Quí Bà có thai bị bệnh thiếu máu sanh ra ứa mửa, bần thần,
 mỗi mệt, thai trắng đau lưng. Quí Bà dùng : **DƯỠNG THAI BẢO**
SẢN HOÀN Di An Hòa.

7) Ai có bệnh Phong ngứa, ghê chốc, lở loét ngoài da tìm thuốc
RHOHG NGƯA Di An Hòa để lọc máu giải phong.
 (Có đề bán ở các tiệm thuốc bắc)

Tổng Phát hành : Nhà thuốc **DI ANH HÒA.**
 252A LÊ THÁNH TÔN Saigon — BYT/Kiểm Nhận ngày 18-12-1963

BAN.NÓNG.CẢM.HO
Euquinol

K.N. số 351/BYT 2-8-63

POLYVIT Ca
TÉVÉTÉ

ĐẪN BÀ DƯỠNG THAI và THỜI KỲ CHO CON BÚ
 TRẺ EM ỒN-YẾU, ÉO-OT, CHẬM MỌC RĂNG
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI
 CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ AU-DƯỢC




K.N. số 251 BYT/QCDP/18-10-62

GLUCOCÉ
TÉVÉTÉ

KÉO SINH TỔ
CHỐNG MỆT-MỎI THỂ XÁC và TRÍ-ÓC.
NGỪA NHIỄM-ĐỘC VI-TRÙNG
 CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ AU-DƯỢC



K.N. số 252 BYT/QCDP/18-10-62